

"Nếu có thể làm cho dù chỉ một linh hồn trở nên tốt đẹp thì ta đã không tồn tại vô ích trong cuộc đời này"...

Lời Nói Đầu

Nhiều năm trước đây thường có chuyện con cái của những gia đình giàu có bị bắt giữ vì những hành vi trái đạo. Khi ấy những gia đình giàu có này sẽ tìm đến cánh nhà báo mà họ vẫn thường qua lại, phân bua với họ rằng “Tôi vì quá bận rộn với việc kinh doanh nên không thể để mắt đến con cái được. Nay xảy ra hậu quả thế này, tôi thật không còn mặt mũi nào nữa...” Và những lời này cũng sẽ được đưa lên mặt báo.

Nếu nói rằng công việc kinh doanh bận rộn không thể nghĩ đến con, cũng có nghĩa là vì quá mê kiếm tiền mà quên đi con cái. Trên đời này chắc chắn có những người như thế, nhưng cuốn sách này viết ra hiển nhiên không phải để cho những người đó đọc.

Cũng có những cô gái “của thời đại mới” mang trong mình suy nghĩ “Nếu sống cuộc sống của một người mẹ sẽ gây trở ngại đến sự phát triển cá nhân, sẽ phá hỏng công việc cũng như sinh hoạt của bản thân”. Như thế cũng có nghĩa là, những người này ghét làm mẹ ít nhiều vì điều đó ảnh hưởng đến sự phát huy thói “Tự kỷ” của mình. Trên đời này cũng có không ít những cô gái như thế, và đương nhiên, cuốn sách này được viết ra cũng không dành cho họ.

Nhưng, cũng còn những người, biết rằng, bản thân mình dù chỉ làm đến đây thôi, nhưng ít nhất sẽ cố gắng làm cho con mình trở thành hoàn hảo; họ cũng hiểu rằng, mình chỉ là nấc thang thứ nhất, con của mình sẽ là nấc thang thứ hai, và những gì mình đã không thể làm được thì con cái sẽ tiếp tục giúp mình... Những con người đó, bất kể họ có thành công hay thất bại, nhưng, đối với xã hội, đối với nhân loại thì họ vẫn là những thiên tài, là những con người ưu tú mà trong hàng ngàn vạn người mới có được. Cuốn sách này của tôi được viết ra với kỳ vọng dành cho những người như thế.

Chương 1: Giáo dục từ sớm là đào tạo anh tài

I. Nhiều năm trước có một thiếu niên đã tốt nghiệp Đại học Havard khi mới 15 tuổi. Người thiếu niên đó có tên là William James Sidis, con trai của nhà tâm lý học nổi tiếng Boris Sidis, và thành tích học tập này được coi là hết sức kỳ diệu.

Cậu bé William bắt đầu được học từ khi 1 tuổi rưỡi, và đến lúc 3 tuổi đã biết đọc biết viết tiếng mẹ đẻ. Lên 5 tuổi, khi nhìn thấy tiêu bản một bộ xương trong nhà, cậu bé đặc biệt hứng thú với cấu tạo cơ thể người và bắt đầu bước vào môn Sinh lý học, không lâu sau đã đạt được trình độ học vấn tương đương với người có chứng chỉ hành nghề y thuật.

Vào mùa xuân năm lên sáu tuổi, cậu đến trường tiểu học cùng những đứa trẻ khác. Ngày nhập học, Willam vào lớp 1 lúc 9 giờ, và đến 12 giờ khi mẹ đến đón, cậu đã học xong lớp 3. Trong năm đó, cậu bé đã học xong tiểu học. Lên 7 tuổi Willam muốn học tiếp trung học nhưng vì tuổi còn nhỏ nên bị từ chối và phải học ở nhà, hầu hết là học về Toán học. Năm 8 tuổi cậu vào trường Trung học, môn nào cũng xuất sắc, đặc biệt là Toán học, đã có thể giúp thầy sửa bài cho những học sinh khác. Thời gian đó, Willam đã viết sách Thiên văn học, ngữ pháp tiếng Anh, tiếng Latinh. Những kiến thức Trung học tất cả đã được cậu nắm vững và chẳng mấy chốc đã tốt nghiệp. Tên tuổi Willam đã bắt đầu nổi tiếng, nhiều người gần xa đã đến tìm cậu để kiểm chứng, hết thầy đều hết sức khâm phục. Lấy ví dụ một giảng viên Đại học ở bang Massachusetts đã đưa cho cậu một câu hỏi khó trong đề thi Tiến sĩ của mình tại Đức, trong nháy mắt cậu đã hoàn thành. Lúc đó Willam mới 9 tuổi. Trong 2 năm 9-10 tuổi, Willam tự học ở nhà, và đến 11 tuổi thì vào học tại Havard, không lâu sau đã tham gia diễn thuyết về đề tài “Không gian chiều thứ 4” – một vấn đề rất khó của Toán học, và đã khiến các giảng viên hết sức ngạc nhiên. Năm 12 tuổi, Willam đã rất tâm đắc với cuốn “Thiên tài và người bình thường” của bố mình là Tiến sĩ Boris. Cậu đặc biệt giỏi về Thiên văn học và Toán học cao cấp, là những thứ mà các học giả thời đó rất đau đầu.

Đặc biệt hơn, Willam còn thuộc cả bản gốc bộ sử thi Iliad và Odise viết bằng tiếng Hi Lạp. Từ trước cậu đã rất giỏi các ngôn ngữ cổ xưa, những tác phẩm như Eskirus, Sofokures, Euripides, Aristofanes, Rusian, cậu đều đọc và hiểu dễ dàng, chẳng khác gì cuốn Robinson Cruso mà những đứa trẻ khác vẫn hay đọc. Cậu cũng nắm rõ về thần thoại và ngôn ngữ ví

von, lý luận học, lịch sử cổ đại, lịch sử nước Mỹ, hiểu biết về chính trị và hiến pháp của các quốc gia khác.

Với trình độ đó, cậu đã tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, và tiếp tục học để lấy bằng Tiến sĩ.

Cũng trong năm đó, cùng tuổi với Sidis còn có một thiếu niên khác cũng tốt nghiệp Havard, là Adoref Bar, con trai của Giảng viên môn Thần học trường ĐH Taft. Cậu vào học sau Sidis một chút, khi 13 tuổi rưỡi, tuy nhiên thay vì học 4 năm như mọi người, cậu chỉ học mất 3 năm. Sau đó cậu tiếp tục theo ngành Luật.

Ngoài ra vẫn còn một người khác, con trai của Tiến sĩ ngôn ngữ Slav (x-la-vơ), tên là Nobert Wiener. Cậu vào học Đại học trước Sidis, đúng ra là học ĐH Taft từ năm 10 tuổi, và đến năm 14 tuổi thì tốt nghiệp và học tiếp Cao học tại Havard, đỗ Tiến sĩ năm 18 tuổi. Đọc những điều ở trên người ta chắc hẳn sẽ nghĩ đây chính là những Thần đồng trên thế giới. Nhưng, từ xa xưa đã có câu nói “ 10 (tuổi) là Thần đồng, 15 là Tài tử, còn trên 20 lại là người bình thường”, và chỉ có con cái của chính chúng ta mới là những bông hoa đẹp. Nếu ta chỉ làm được 1 chút và giải thích rằng ta chỉ là người bình thường, còn để là những Thần đồng trong một chốc lát đã học xong Đại học, thì là của hiếm, cách nghĩ đó là hoàn toàn sai lầm! Những người đó không phải một cách ngẫu nhiên được sinh ra đã là Thần đồng. Họ là kết quả của nhiều nền giáo dục, là những anh tài được đào tạo.

Bar và Nobert cũng có anh chị em, và cũng được trải qua quá trình học tập như nhau. Chị gái của Bar là Lina, trong khi Bar học tại Havard thì ở tuổi 15, Lina cũng vào học tại Đại học nữ Radcliffe và cùng đồng thời tốt nghiệp với Bar. Và, em gái của Wiener là Constans cũng vào học tại Radcliffe năm 14 tuổi, và cô em gái kế tiếp là Berta cũng vào học trong cùng năm ở tuổi 12. Không thể có sự ngẫu nhiên nào như thế. Đó thực sự là kết quả của việc giáo dục mà nên.

Nhưng, sự giáo dục cũng có nhiều loại, và nền giáo dục đó là như thế nào? Có thể nói nó cũng tựa như việc nuôi dưỡng trong nhà kính. Những cô bé cậu bé đó, cũng giống như là hoa trong nhà kính, được nhân tạo để ra hoa kết trái sớm, vì thế trở thành những thần đồng. Nói cách khác, đó chính là Thần đồng nhân tạo, và cũng sẽ không tránh khỏi sự tồn tại của bệnh tật, già lão, cũng như không tránh khỏi quy luật “từ 20 trở đi lại là người bình thường”.

II.

Từ xa xưa cũng đã có những người được hưởng nền giáo dục giống như những cô bé cậu bé ở trên. Nhà Luật học người Đức Carl Vitte là một trong số đó. Ông sinh vào tháng 7 năm 1800 tại một ngôi làng của vùng Hale. Cha ông chỉ là mục sư của làng, nhưng có rất nhiều sáng kiến đáng ngạc nhiên, trong số đó đặc biệt nhất là những lý luận về giáo dục. Khó có thể hiểu được tại sao ở vào thời đó ông đã có những suy nghĩ như vậy, nhưng quả thực ông đã cho rằng phải giáo dục con cái ngay từ khi là một đứa trẻ còn đỏ hỏn. Nói theo ngôn ngữ của ông, giáo dục con trẻ phải là giáo dục bắt đầu từ buổi bình minh của khả năng nhận thức, và ông tin rằng với cách đó, đứa trẻ sẽ trở nên phi phạm. Ông cũng tuyên bố rộng rãi rằng mình sẽ làm như vậy với con cái. Không may, đứa con đầu lòng của ông đã qua đời ngay sau khi sinh, và kế tiếp là Carl Vitte. Nhưng Vitte lại là đứa trẻ không thể ngờ tới, đến mức chính ông đã phải thốt lên “Tôi đã làm gì nên tội đến mức ông Trời phải khiến tôi có một đứa con đần độn như thế này!” Những người xung quanh cũng đến an ủi ông, ngoài mặt nói rằng không đến mức phải lo lắng quá, nhưng lại thì thầm sau lưng rằng Vitte đúng thực là một đứa trẻ kém phát triển.

Tuy nhiên, người cha đã không tuyệt vọng. Ông đã dần dần áp dụng những kế hoạch nuôi dưỡng của chính mình. Đầu tiên, ngay cả mẹ nó cũng nói rằng, đứa trẻ thế này thì dù có dạy dỗ thế nào cũng vô ích, sẽ chẳng thể trở thành gì cả. Nhưng tấm lòng người cha của ông không cho phép từ bỏ, và rồi không lâu sau đứa trẻ đần độn đã khiến tất cả mọi người xung quanh phải ngạc nhiên. Năm lên 8, 9 tuổi, cậu bé đã thông thạo 6 thứ tiếng: Đức, Pháp, Italia, Latinh, Anh và Hi Lạp; không những thế lại còn hiểu biết cả về Động vật học, Thực vật học, Vật lý, Hóa học, và đặc biệt là Toán học. Kết quả là năm 9 tuổi Vitte đã thi đỗ Đại học. Tháng 4 năm 1814, cậu bé chưa đầy 14 tuổi đã bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ về đề tài Số học, và 2 năm sau đã thi đỗ Tiến sĩ Luật và được bổ nhiệm làm giảng viên Luật của trường Đại học Berlin. Nhưng trước khi đảm nhận cương vị giảng viên, Vitte nhận được khoản thừa kế lớn từ Quốc vương Prusia và sang Italia du học. Trong thời gian lưu lại Firenze, ông đột ngột chuyển sang nghiên cứu Dante (*hình như là nghiên cứu Thần học nói về Địa ngục, linh hồn,...*), là một nghiên cứu mà không chỉ đối với người nước ngoài mà ngay cả với người dân Italia là nơi Dante sinh ra cũng phát sinh rất nhiều những cách hiểu sai lạc. Ông tiếp tục quá trình nghiên cứu đến năm 23 tuổi và cho ra đời cuốn sách “Sai lầm của Dante”, là một cuốn sách chỉ trích những sai lầm của Học giả Dante thời bấy giờ và mở ra

một con đường nghiên cứu đúng đắn. Chuyên môn của ông là về Luật học, nhưng sau khi chuyển sang nghiên cứu Dante lại rất thành công trong lĩnh vực đó. Tuy nhiên Quốc vương Prusia cho ông đi Du học ở Italia là với mục đích để ông trở thành một Luật sư tài giỏi, vì thế ông tập trung vào nghiên cứu Luật học, còn nghiên cứu Dante chỉ như là giải trí. Sau khi từ Italia trở về, ông nhận cương vị giảng viên tại Đại học Breslau, 2 năm sau chuyển sang Đại học Halle và giảng dạy ở đó đến khi qua đời vào năm 1883.

Điều đáng mừng là cha ông đã ghi lại tất cả những phương pháp đã áp dụng với ông cho đến lúc 14 tuổi, và sau đó viết thành cuốn sách mang tên “Cách giáo dục với Carl Vitte” từ cách đây hàng trăm năm, nhưng hầu hết những người thời đó đều không lưu lại và nó gần như đã bị thất lạc hoàn toàn, và những gì còn lại đến ngày nay là rất ít. May sao trong thư viện của Đại học Havard còn lại một quyển, là quyển duy nhất ở Mỹ, và nó được bảo quản cẩn thận trong phòng các tác phẩm quý.

Độc giả hẳn còn nhớ, cha của Wiener là giảng viên tại trường Havard. Ông đã đọc cuốn “Cách giáo dục với Carl Vitte”, và dùng nó để dạy cho các con mình. Tiếp theo là cha của Sidis, cũng từng là học viên trường Havard, và cũng tình cờ đọc và áp dụng cuốn sách này. Còn về cha của Bar, tôi không rõ ông có mối liên hệ gì với trường Havard hay không, nhưng tôi đã đọc cuốn “Trường học gia đình” của ông, và biết chính xác rằng ông đã đọc cuốn “Cách giáo dục với Carl Vitte” cũng như đã nuôi dạy con theo cách đó.

Tóm lại, cả Wiener, Sidis và Bar đều được giáo dục theo phương pháp của Vitte, và nếu nhìn từ cuộc đời Vitte thì có thể thấy rằng họ sẽ có tương lai đầy triển vọng. Vì thế chúng ta cũng không cần phải quá lo lắng về việc “sau 20 tuổi sẽ thế nào” (*sách của ông Kimura này cũng cũ lắm rồi, thời đó mấy người được kể ra ở trên vẫn chưa đến tuổi bách niên giai lão, vì thế ông chỉ có thể dự đoán tương lai của họ*).

Đọc thêm về James Sidis và Nobert Wiener, đến cuối đời đúng là họ cũng khá thành công, và họ được biết đến như là một sản phẩm đào tạo thần đồng của cha mẹ, nhưng lại không có tuổi thơ hồn nhiên như những đứa trẻ khác..., có lẽ đây cũng là mặt trái trong phương pháp này mà vào thời của mình tác giả Kimura chưa kiểm chứng được... Vì thế mình nghĩ rằng cuốn sách này chỉ có ý nghĩa tham khảo, tuy nhiên sẽ cố gắng dịch hết để mọi người cho ý kiến.

III.

Nói một cách ngắn gọn thì phương pháp mà Vitte được giáo dục cách đây hơn một trăm năm, sau đó áp dụng cho Sidis, Bar, Wiener, có thể gọi là Giáo dục từ sớm. Nói theo ngôn ngữ của Vitte-cha, thì đó là giáo dục từ buổi bình minh nhận thức của con trẻ. Tất cả những người áp dụng phương pháp này đều tin rằng giáo dục từ sớm là cơ sở để đào tạo anh tài, và đây là một niềm tin có căn cứ xác đáng. Nếu nhìn vào lịch sử Hi Lạp có thể thấy Athens là một nơi mà “Thiên tài nhiều như sao trên trời”, trong khi dân số lại rất ít. Ở vào thời thịnh vượng cũng chỉ có khoảng 50 vạn người, nhưng trong số đó 4/5 là nô lệ. Năm 490 trước công nguyên, Vua Darius xứ Parsua, Ba Tư đã đưa 12 vạn binh, 6 trăm tàu chiến chinh phạt Athens, trong khi quân đội Athens chỉ có không quá 1 vạn người, nhưng kết quả tại trận đại chiến Marathon, Athens đã thắng, và chỉ bị tổn thất 192 người. Nhìn vào đây có thể thấy rằng Athens tuy chỉ là một đô thị nhỏ nhưng có rất nhiều nhân tài. Thực chất, những nhân tài đó đều là những người được giáo dục từ sớm. Giáo dục từ sớm chính là 1 tập quán của người Hi Lạp xưa.

Thêm một ví dụ nữa, độc giả hẳn đã từng nghe tên Huân tước Kelvin William Thomson, nhà vật lý học vĩ đại sau Newton, cũng là một người được giáo dục từ khi còn rất nhỏ. Cha ông, James Thomson, là con của một nông dân người Scotland di cư sang Ireland sinh sống, tốt nghiệp đại học Glasgow năm 28 tuổi và được bổ nhiệm làm giảng viên Toán học tại học viện Hoàng gia Belfast. James Thomson có tất cả 4 người con, 2 con đầu là gái, 2 con trai sau là James và William. (James sinh năm 1822, William sinh năm 1824). Ngay từ khi sinh con ra, ông nhìn lại nửa cuộc đời mình và quyết định phải giáo dục con ngay từ khi còn nhỏ. Không ai biết ông có đọc sách của Vitte không, nhưng ông có một điểm chung với bố của Vitte, đó là bắt đầu dạy con đọc và viết từ khi học nói. Sau đó cùng với vợ dạy các môn Toán học, Lịch sử, Địa lý và tìm hiểu thiên nhiên. Ngoài việc giảng dạy môn Toán, ông còn viết sách, vì thế hết sức bận rộn. Hàng ngày ông dạy từ 4h sáng, Chuẩn bị bài giảng và viết sách, buổi trưa dành thời gian dạy con. Không may, năm 1830 vợ ông qua đời, là một cú sốc rất lớn với ông và các con. Còn lại một mình, ông vẫn tiếp tục cố gắng nuôi dạy anh em William. Năm 1833, ông được bổ nhiệm làm giáo sư Toán học tại Đại học Glasgow, nhờ đó ông có thể sắp xếp cho James (10 tuổi) và William (8 tuổi) tham gia các giờ giảng của mình và 2,3 giảng viên khác. Kết quả thật đáng mừng, sau 2 năm, các con ông đã được nhận vào học và đều là những học sinh xuất sắc khiến tất cả mọi người phải ngạc nhiên. Sau này thì ai

cũng biết, James trở thành chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp, còn William trở thành nhà vật lý học vĩ đại, huân tước Kelvin.

Tiếp theo là John Steward Mill, nhà Triết học, kinh tế học, chính trị học, lý luận học, cũng là người được giáo dục từ rất sớm (*ông này cũng giỏi giang giống mấy ông kia, nhưng đọc thêm ở ngoài thấy ông có bị một tgian khủng hoảng tinh thần ở tuổi 20, mà chính ông phân tích là do một phân tác động của việc ko được hưởng thời thơ ấu bthg, tuy nhiên tg đó cũng ko kéo dài và ông tiếp tục thành đạt*)

(*Sau ông này còn mấy ví dụ nữa cho 1 ông nhà thơ, 1 ông thủ tướng, 1 ông luật học, đều theo mạch trên*).

IV.


Nếu ta trồng một cái cây và để nó tự phát triển thì có thể nó sẽ không sống được, cũng có thể vẫn sống và cao đến 1m, nếu ta chăm sóc nó có thể cao đến 1.5m, chăm sóc tốt hơn nữa có thể được 1.8m, 2m hay hơn thế. Một con người cũng như vậy. Đứa trẻ sinh ra sẵn có 100 phần năng lực, nhưng nếu cứ để một cách tự nhiên thì có thể chỉ phát triển được 20, 30 phần. Nếu được giáo dục tốt có thể khi trưởng thành sẽ phát triển đến 60, 70 phần, hay tốt hơn là được 80, 90 phần. Lý tưởng nhất là đứa trẻ được giáo dục để phát huy được đủ 100 phần năng lực của mình. Nhưng năng lực của trẻ tồn tại theo quy tắc giảm dần: Nếu được giáo dục tốt từ khi sinh ra thì có thể đạt được đủ 100 phần, nhưng nếu bắt đầu giáo dục từ khi 5 tuổi thì dù có làm tốt đến mấy cũng chỉ phát huy được 80 phần, nếu bắt đầu từ 10 tuổi thì tối đa chỉ được 60 phần.

Nghĩa là, thời điểm bắt đầu càng muộn bao nhiêu thì khả năng phát huy năng lực sẵn có cũng giảm đi bấy nhiêu.

Vậy tại sao lại có quy tắc giảm dần này?

Đối với mỗi loài động vật, khả năng của chúng đều có một thời kỳ phát triển nhất định. Đương nhiên có những khả năng mà thời kỳ dành cho việc phát triển là khá dài, nhưng có những khả năng chỉ có thể phát triển trong 1 thời gian rất ngắn, và nếu nó không được phát triển trong thời gian đó thì sẽ vĩnh viễn mất đi. Lấy ví dụ kỳ phát triển “khả năng theo dấu gà

mẹ” của gà con là thời gian sau khi sinh được khoảng 4 ngày, nếu trong vòng 4 ngày mà tách gà con khỏi gà mẹ thì sau đó gà con sẽ không bao giờ biết đi theo gà mẹ nữa. Hay là kỳ phát triển “khả năng nghe được tiếng gà mẹ” là thời gian sau khi sinh 8 ngày, nếu trong 8 ngày mà gà con không được nghe tiếng gà mẹ thì sau đó cũng sẽ không nhận dạng được tiếng đó nữa.

Đối với chó con cũng có 1 khả năng gọi là “chôn những thức ăn thừa vào đất” (*hình như chó VN và chó Nhật khác nhau như *), khả năng này cũng chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định, mà nếu đúng vào thời gian đó, chó con được nuôi trong ngôi nhà không có chỗ để chôn những thức này thì sau này nó cũng sẽ không biết làm việc đó nữa.

Con người chúng ta cũng như vậy. Có một mùa hè tôi đến một ngôi làng làm ngư nghiệp và gặp một ngư dân, ông than phiền với tôi rằng, gần đây chẳng có người nào bơi giỏi, chèo thuyền, quăng lưới giỏi như trước nữa, bởi vì vào tuổi 11, 12 là thời kỳ rất quan trọng để bắt đầu cho việc đó thì các em đều phải đến trường. Tôi cũng từng nghe rằng khi chính phủ đưa ra chính sách phổ cập giáo dục thì số lượng những nghệ nhân trong lĩnh vực thủ công hầu như không có. Hay đối với việc học ngoại ngữ, nếu không bắt đầu từ trước 10 tuổi thì sau này cũng sẽ không khá được. Học piano thì muốn thành tài nhất thiết phải bắt đầu trước 5 tuổi, còn violon thì lại phải từ lúc 3 tuổi... Mỗi chúng ta đều có cơ hội để phát triển khả năng của mình, nhưng nếu bỏ qua thời kỳ của sự phát triển đó thì từng thứ một sẽ vĩnh viễn mất đi. Đây gọi là sự giảm dần khả năng tiềm tàng của trẻ. Và “giáo dục từ sớm là đào tạo nhân tài” chính là ở dựa trên quan điểm đó.

Nhưng, độc giả có thể sẽ lo lắng cho sức khỏe của con mình nếu được giáo dục từ sớm. Thật ra đây cũng là vấn đề nan giải mà từ xưa người ta đã nghĩ đến. Cha của Witte, cha của anh em nhà Thomson,... đều phải đối mặt với vấn đề này. Nhưng trên thực tế, nhưng người mà ta đã tìm hiểu ở trên tất cả đều có sức khỏe tốt: Witte sống đến 83 tuổi, Huân tước Kelvin thọ 83 tuổi, James Thomson 70 tuổi... Tóm lại là không có bằng chứng nào về việc giáo dục từ sớm ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ.

Chương 2: Witte được giáo dục như thế nào?

I.

Như đã giới thiệu ở chương trước, chúng ta biết rằng cha của Witte đã viết lại một cuốn sách về việc giáo dục Witte từ nhỏ đến lúc 14 tuổi, lấy tên là “Karl Witte, oder Erziehungsgeschichte Desselben”, là sách về phương pháp giáo dục cổ xưa nhất. Nhưng người thời đó hầu như không lưu giữ cuốn sách này. Có 2 lý do. Thứ nhất là vì cách viết kém: cuốn sách dày hơn 1000 trang nhưng hầu hết là những lý luận không trọng yếu và không lấy gì làm thú vị. Sau này Tiến sỹ Wiener đã dịch ra tiếng Anh và đã lược bỏ những phần đó, còn lại khoảng 300 trang, tuy nhiên vẫn còn nhiều chỗ dài dòng. (cuốn này tên là “The Education of Karl Witte”). Lý do thứ 2 là những luận điểm trong sách không phù hợp với cách nghĩ của người thời đó. Quan điểm mà cha của Witte đưa ra là: Giáo dục con trẻ phải bắt đầu từ buổi bình minh của nhận thức. Ông cũng đưa ra tập quán giáo dục từ sớm của người Hi Lạp, nhưng thực tế tập quán tốt đẹp đó đã không còn trên thế giới từ lâu, và thay vào đó người ta bắt đầu có quan điểm giáo dục trẻ từ 7,8 tuổi.

Ngày nay nhìn chung mọi người cũng nghĩ như thế, nhưng vào thời Witte, niềm tin đó còn tuyệt đối và sâu sắc hơn. Và người ta cho rằng Giáo dục từ sớm sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của trẻ. Chính vì thế, luận điểm giáo dục của cha Witte được xem như là “bạo ngôn”, và tài năng của Witte được nghĩ là do sinh ra đã có chứ không phải nhờ giáo dục mà nên.

Nguyên văn lời ông như sau: “Không ai tin rằng con tôi được như thế là do tôi dạy dỗ. Nếu quả thực con tôi trở thành nhân tài là do ơn huệ trời ban, là tài năng thiên bẩm thì tôi cũng không có gì đáng để vui mừng đến thế. Vì thực tế hoàn toàn không phải như vậy. Hầu hết mọi người đều không tin lời tôi, kể cả những người bạn thân. Chỉ duy nhất có một người tin tôi, đó là một mục sư, là bạn rất thân với tôi từ khi còn nhỏ, người hiểu tôi nhất. Ông ấy nói: Cháu Karl hoàn toàn không phải tài năng thiên bẩm. Cháu thực sự là kết quả của việc giáo dục. Nhìn vào cách giáo dục cháu thì việc cháu trở nên giỏi giang là điều tất yếu. Chắc chắn sau này cháu sẽ khiến cả thế giới ngạc nhiên. Tôi hiểu rất rõ phương pháp mà cháu được giáo dục và tôi tin rằng nó sẽ mang lại thành công lớn.

Và đây là những gì tôi đã làm: Trước khi con trai tôi được sinh ra, trong vùng Magdeburg và lân cận có một số giáo viên và mục sư trẻ. Những người này cùng nhau lập ra một hội nghiên cứu về giáo dục. Mục sư Graupit là 1 hội viên ở đó và ông đã giới thiệu tôi vào hội. Nhưng vào thời đó trong hội có tư tưởng rằng, giáo dục con trẻ quan trọng là ở khả năng thiên phú, và những giáo viên cho dù có tâm huyết dạy dỗ đến mấy thì kết quả cũng chỉ đến thế mà thôi. Chỉ có mình tôi là phản đối tư tưởng này. “Không, tôi nói, giáo dục con cái

thì điều cốt yếu không phải là tư chất sẵn có. Trẻ lớn lên trở thành nhân tài hay chỉ là người bình thường, ít nhiều cũng có yếu tố trời cho, nhưng quan trọng hơn là việc giáo dục trẻ trong giai đoạn từ khi mới sinh đến khi 5, 6 tuổi. Đương nhiên tư chất của trẻ có sự khác biệt, nhưng sự khác biệt này chỉ ở mức độ nhất định. Và, không chỉ đứa trẻ sinh ra với tài năng thiên bẩm mà cả những đứa trẻ sinh ra rất bình thường, ta đều có thể giáo dục chúng trở thành những tài năng phi phàm. Ervecius đã nói rằng, nếu 10 đứa trẻ cùng được giáo dục đúng đắn thì tất cả 10 sẽ trở thành nhân tài, và tôi rất tin tưởng vào luận điểm đó”. Tất cả mọi người lên tiếng phản đối tôi. Tôi lại nói “Các vị ở đây có 13, 14 người, còn tôi chỉ có 1 mình, nếu tranh luận thì tôi chẳng thể nào thắng được. Nhưng, tôi nhất định chọn con đường của tôi, và sẽ cho các vị thấy bằng chứng. Sau này nếu trời ban cho tôi một đứa con, bất kể nó thế nào, tôi cam đoan sẽ dạy dỗ nó thành một nhân tài.” Những người có mặt hôm đó đã nhận lời với tôi như vậy.

Khi buổi họp kết thúc, mục sư Shuder có mời tôi và Graupit về nhà. Và chúng tôi lại tiếp tục bàn về vấn đề trên. Nhưng nói gì đi nữa, tôi vẫn giữ ý kiến của mình. Graupit trước sau chỉ im lặng, cuối cùng mới lên tiếng, đúng như một người bạn thân lâu năm và hiểu tôi nhất “Tôi tin rằng Witte sẽ biến lời hứa của mình thành sự thực”. Riêng Shuder thì vẫn cho rằng đó là điều không thể.

Không lâu sau con trai tôi được sinh ra. Khi Graupit thông báo cho Shuder và các hội viên khác, ai nấy đều rất tò mò muốn biết con trai tôi là người ntn. Tôi và Graupit thường xuyên nhận được những câu hỏi kiểu như “Thế nào rồi, thằng bé có triển vọng trở thành nhân tài hay không?”.v.v., nhưng chúng tôi chỉ im lặng. *(thiếu 1 trang)*...

II.

(Trích lời của Ervecius) Người đàn ông trước khi trở thành một người cha cần phải rèn luyện bản thân, chuẩn bị tinh thần một cách tốt nhất, đồng thời người phụ nữ được lựa chọn làm bạn đời cũng phải là một người thông minh, có sức khỏe, có tâm hồn và có trái tim lương thiện.

Khi người vợ mang thai là phải bắt đầu cùng nhau cải tổ lại cuộc sống (lưu ý là cả vợ và chồng chứ không phải chỉ riêng người vợ). Nghĩa là, phải tạo lập 1 cuộc sống “sạch”, tránh các chất kích thích, uống nước sạch, thường xuyên ra ngoài ô hít thở bầu không khí trong

lành, luôn tươi cười vui vẻ, hòa nhã với mọi người, giữ cho tinh thần được thư thái yên ổn. Đây là nội dung thuyết hôn nhân của Ervecius từ cách đây hàng trăm năm, cũng chính là khởi xướng cho những luận điểm cải cách sau này.

Nhưng, trong số những thuyết của ông thì thuyết về giáo dục là đáng ngạc nhiên hơn cả, đại ý là nếu 10 đứa trẻ cùng được giáo dục như nhau thì cả 10 đều có thể lớn lên tài giỏi xuất chúng. Cá nhân tôi tin tưởng vào thuyết này từ rất lâu trước khi con trai tôi được sinh ra. Tuy nhiên, khác với Ervecius, tôi vẫn thừa nhận có sự khác biệt về khả năng thiên bẩm của trẻ. Cái gì là trời ban cho, đương nhiên mỗi người mỗi khác. Có những đứa trẻ sinh ra được trời phú cho 100, cũng có những đứa trẻ sinh ra chỉ được không quá 10. Trong 10 đứa trẻ trung bình cứ coi như trời cho được 50. Nếu tất cả đều hưởng nền giáo dục như nhau, lớn lên chúng ít nhiều vẫn khác nhau, đó là do trời định. Nhưng cứ giả sử 1 đứa trẻ được trời cho 80, nếu không được giáo dục tốt chỉ đạt 40, nhưng đứa trẻ trời cho chỉ 50 mà giáo dục tốt cũng có thể đạt 40. Đương nhiên, đứa trẻ sẵn có 80 mà giáo dục tốt đương nhiên sẽ đặc biệt xuất sắc, tuy nhiên trên thực tế những đứa trẻ như vậy quả thực rất ít, mà đại đa số trẻ sẽ rơi vào khoảng 50, tức là ở mức trung bình. Và cho đến nay, nhìn những vĩ nhân, những thiên tài cũng vẫn thấy rất nhiều khuyết điểm mà nếu họ được thừa hưởng nền giáo dục khéo léo hơn thì nhất định họ sẽ trở nên vĩ đại hơn, hoàn hảo hơn, và kết quả sẽ là điều mà chúng ta khó có thể đo đếm được.

Như vậy, thuyết này sau hàng trăm năm có thể sẽ không còn đúng nữa, bởi vì khi đó tất cả trẻ sẽ được giáo dục như nhau và ở mức tốt nhất.

III.

Witte cha đã dựa vào thuyết giáo dục ở trên để đưa ra phương pháp cho con mình. Đó chính là phương pháp giáo dục bắt đầu từ buổi bình minh của nhận thức. Và ông tin rằng để con mình phát huy được 80, 90 phần năng lực thì nhất định phải theo phương pháp này.

Nhưng, như đã nói ở trên, khả năng tiềm tàng của con người tồn tại theo quy tắc giảm dần, nên khi đứa trẻ sinh ra và lớn lên, điều quan trọng nhất là không để cho khả năng tiềm tàng mai một dần đi, tức là phải nắm bắt cơ hội phát huy khả năng đó. Giáo dục từ sớm cần thiết là vì thế.

Tuy nhiên, để phát huy năng lực của trẻ cũng cần phải theo những trình tự nhất định mà đầu tiên quan trọng chính là giáo dục ngôn ngữ, vì ngôn ngữ chính là công cụ để tiếp cận mọi tri thức khác và sở dĩ con người tiến bộ hơn các động vật khác chính là ở chỗ chúng ta biết sử dụng ngôn ngữ khác với động vật. Witte cha đã bắt đầu dạy từ ngữ cho con ngay từ khi Witte con biết cảm nhận sự vật, và ông cũng viết rằng “Giáo dục con trẻ thì không có sự bắt đầu nào là quá sớm”.

Lấy ví dụ đưa 1 ngón tay dứ dứ trước mặt trẻ, khi trẻ nhìn thấy sẽ nắm lấy. Đầu tiên trẻ có thể chưa phát hiện ra và chưa nắm được, nhưng vài lần sẽ thành công. Khi nắm được rồi, trẻ sẽ rất vui mừng và cho ngay vào miệng, lúc đó là lúc ta bắt đầu phát âm từ “ngón tay, ngón tay” lặp đi lặp lại nhiều lần để cho trẻ nghe thấy.

Với cách làm này, Witte cha đã dạy cho con khả năng nghe chính xác từ ngữ đồng thời với việc nhận biết được sự vật, và không lâu sau Witte con đã phát âm được tên của các vật đó. Tiếp theo, Witte con được dạy nhận biết các đồ vật trên bàn ăn, các bộ phận của cơ thể, quần áo, đồ nội thất, các phần trong nhà, cây cỏ ngoài sân... Các động từ, tính từ cũng dần dần được dạy.

Trên thực tế, dạy cho trẻ nhớ được từ ngữ là điều không hề đơn giản, nhưng Witte cha đã làm điều này rất tốt. Việc học ngoại ngữ của chúng ta cũng thế, phải bắt đầu từ những từ đơn. Nhưng nếu học liên tục những đơn từ trong cả một quyển từ điển thì sau đó sẽ lại quên ngay. Cách để nhớ đơn từ là ta nên đọc một cuốn sách hay, và cố gắng để nhớ từ trong sách đó. Với trẻ con cũng vậy. Nếu cứ liên tục nhồi nhét từ ngữ thì sẽ không những ko có tác dụng mà còn có hại. Phương pháp của Witte cha là nói những chuyện liên quan đến sự vật muốn dạy, và đưa vào đó những từ mới và ý nghĩa của nó. Đầu tiên phải là những từ rất đơn giản, cứ thế mỗi ngày một chút, cho con nghe và nhớ dần từng thứ một. Đối với trẻ con thì nói chuyện là điều quan trọng nhất, vì trẻ là “người lạ” với thế giới này, và chúng cần phải biết về mọi thứ xung quanh càng sớm càng tốt.

Nói chuyện chính là cách duy nhất mở ra thế giới cũng như làm phong phú ngôn từ cho trẻ. Nhưng không phải chỉ nói để cho trẻ nghe, mà phải lặp đi lặp lại thì mới có hiệu quả. Kết quả của phương pháp này là khi Witte con 5,6 tuổi đã nhớ được khoảng 30000 từ vựng. Điều này thật sự rất đáng ngạc nhiên, vì đối với học sinh trung học, mất 5 năm học ngoại ngữ cũng không thể nhớ được 5000 từ, thông thường chỉ khoảng 3000.

Trong cách dạy con của Witte cha có một điều mà ta không thể không nói tới. Đó là việc ông không dạy những ngôn ngữ trẻ con, tiếng địa phương, hay những âm điệu. Ông cho rằng dạy những thứ gâu gâu, meo meo, cạp cạp chẳng có ích gì. Trẻ từ 2 tuổi khi nghe nhiều lần một từ chuẩn thì có thể phát âm gần chính xác từ đó. Vì thế nếu dạy gâu gâu, meo meo, thì chẳng khác nào lãng phí thời gian của trẻ. Thay vào đó, ông dạy luôn “con chó, con mèo” – là những từ chuẩn, ngay từ đầu. Nếu Witte phát âm đúng, ngay lập tức ông khen “Giỏi lắm, giỏi lắm”. Nếu chưa đúng ông lại nói “Mẹ nó xem, con đang nói gì thế này”... Nhờ đó Witte ngay từ lúc còn nhỏ đã rất biết cố gắng, và đã phát âm chuẩn được hầu hết các từ, không hề nói ngọng, nói lắp. Kết quả này cũng là nhờ từ khi còn ẵm ngửa, Witte đã được nghe rất nhiều những từ ngữ đúng như vậy.

Tiếp theo đó, Witte cha không dừng lại ở những từ và cách nói đơn giản, ông tiếp tục dạy con các từ phức và cách sử dụng chúng. Để dạy được chính xác, ông và cả vợ đều phải dùng những từ thật chuẩn, phát âm thật chuẩn, đồng thời dùng cách diễn đạt chính xác, mạch lạc, trong sáng, bỏ hẳn những từ địa phương. Điều này giúp cho Witte không chỉ nói tốt mà về sau còn đọc và hiểu được nhanh chóng những điều viết trong sách.

Ở nước ta, những trẻ em khoảng 10 tuổi nhưng vốn từ vựng nghèo nàn và khả năng diễn đạt kém vẫn còn nhiều, bởi vì ngay cả giáo viên ở trường cũng như vậy. Như đã nói, ngôn ngữ là con đường đưa chúng ta đến với tri thức. Nhưng nếu chỉ biết những từ vựng đơn giản mà không biết cách diễn đạt thì cũng không thể đạt được mục đích. Học sinh trung học nếu được dạy cách diễn đạt tốt ngay từ bậc tiểu học thì đến khi học ngoại ngữ sẽ nhanh hơn và tiến bộ hơn rất nhiều

IV.

Witte cha đã bắt đầu dạy con học đọc từ 3 tuổi, và đây hoàn toàn không phải việc vô ích. Phương châm của ông là “Học không phải là bắt ép”. Ông luôn biết cách tạo hứng thú cho con, sau đó mới bắt đầu dạy. Đối với việc đọc, đầu tiên ông mua tranh và sách bằng tranh của trẻ con về, sau đó nghĩ ra những điều thú vị để nói với con, kích thích trí tò mò của con, đại khái như “Con không biết chữ thì cuốn sách này làm sao mà hiểu được nhỉ?”, hay là “bức tranh này nói về bao nhiêu điều thú vị, hay đến mức không ngủ được”... Thế là Witte con bắt đầu muốn học đọc chữ, và Witte cha bắt đầu dạy. Nhưng, cách dạy chữ của ông khác với tất

cả các trường học. Trước tiên ông đi Leipzig, mua mỗi loại 10 bộ những con chữ được in cỡ khoảng 10cm, bao gồm chữ cái tiếng Đức, La tinh, chữ số Ả Rập. Tiếp theo ông dán những chữ đó lên các tấm bảng nhỏ cùng cỡ và dùng nó để vừa chơi vừa dạy con. Lần lượt Witte con được dạy thông thạo tiếng Đức, rồi đến tiếng Pháp, Italia, Latinh. Trong số này thì tiếng Đức là tiếng mẹ đẻ, tiếng Pháp và Italia cũng có nhiều điểm tương đồng. Riêng tiếng Latinh là khó hơn cả. Ở phương Tây, khi học ngoại ngữ thường bắt đầu bằng tiếng Latinh, nhưng Witte cha thì cho rằng điều đó là không tự nhiên. Tiếng Pháp và Italia gần gũi với tiếng Đức, vì thế ông dạy con trước, còn tiếng Latinh là một ngôn ngữ khó, ông nghĩ cần phải có sự chuẩn bị trước.

Khi lên 7 tuổi, Witte con được cha đưa đến 1 buổi biểu diễn âm nhạc lớn. Vào giờ nghỉ giải lao, Witte con nhìn tấm bìa trong đó ghi lời của bản Opera và nói “Cha à, chữ trong này không phải tiếng Pháp, tiếng Italia, chắc là chữ Latinh phải không ạ?” “Đúng rồi, con thử suy nghĩ về ý nghĩa của nó xem”. Witte con suy diễn từ những ngôn ngữ đã học và cũng hiểu được đôi chút, cậu bé nói “Cha à, chữ Latinh dễ thế này thì con cũng cũng muốn học trước.” Khi đó Witte cha biết rằng có thể bắt đầu dạy con tiếng Latinh, và Witte con mất 9 tháng để nhớ được ngôn ngữ này. Tiếp đó, cậu bé học tiếng Anh mất 3 tháng, tiếng Hi Lạp mất 6 tháng nữa.

Chủ trương của Witte cha là “quen rồi thì sẽ nhớ”. Đối với tiếng mẹ đẻ thì đó là cách tốt nhất. Trẻ con có thể nghe mà không chán. Người lớn thường chỉ đọc 1 quyển tiểu thuyết 1 lần, nhưng trẻ con có thể nghe đi nghe lại nhiều lần mà vẫn thích thú. Cho nên, người lớn cần phải hướng trái tim mình theo trẻ thì mới dạy được trẻ. Witte cha rất tâm đắc với điều này khi dạy con. Khi học ngoại ngữ cũng thế, đối với 1 câu nói ông luôn luôn cho con đọc nhiều lần ở nhiều ngôn ngữ khác nhau, và phương pháp này đã thực sự mang lại hiệu quả.

V.

Như vậy không có nghĩa là Witte cha chỉ dạy ngoại ngữ cho con. Đối với 1 người bình thường, việc thông thạo 6 ngôn ngữ có thể là việc phấn đấu trong cả cuộc đời. Witte lại mới chỉ là 1 đứa trẻ, thế nên dễ khiến người ta nghĩ rằng chắc hẳn cậu bé chỉ có mỗi 1 việc là học ngoại ngữ. Thực tế không phải như vậy. So với những đứa trẻ khác thì thời gian Witte ngồi vào bàn học ít hơn rất nhiều. Cậu có một đời sống rất lành mạnh, vận động nhiều, vui chơi

hợp lý. Và ngoài việc thông thạo 6 ngoại ngữ, cậu còn được học cả về thực vật học, động vật học, vật lý, hóa học, toán học.

Ngay từ khi được 3, 4 tuổi, Witte con đã được cha dẫn đi dạo mỗi ngày ít nhất 2 tiếng. Trong thời gian đó, Witte cha vừa đi bộ vừa nói với con rất nhiều điều. Đi qua cánh đồng hoa ông cũng phân tích cho con nghe, cái này là gì, cái kia là gì. Bất được con côn trùng nhỏ ông cũng giảng giải những hiểu biết của mình cho con. Từng viên đá, từng cọng cỏ đều là tư liệu để ông giảng bài. Ông tuyệt đối không bắt ép mà luôn tạo hứng thú cho con. Ông cũng không dạy theo hệ thống, cái này là thực vật học, cái kia lquan đến động vật học... Ông đưa những tri thức, những hiểu biết phù hợp với những thứ mà con có hứng thú trong khi đi dạo. Nhờ đó về sau, khi đọc sách về thực vật học, động vật học, Witte con không mất mấy thời gian để thấu hiểu.

Bí quyết dạy của ông là tạo cho con hứng thú và khuyến khích con đưa ra những câu hỏi, sau đó việc của ông là trả lời. Khác với chúng ta, khi con 2,3 tuổi và bắt đầu biết đặt câu hỏi thì luôn than phiền là con ồn ào, nhiều chuyện và thường trả lời đại khái cho xong chứ không tận tình giải thích. Chính điều này là giết chết năng lực của trẻ, để rồi khi con bắt đầu đi học lại kêu ca “sao con mình thành tích học tập không cao...” Witte cha thì không bao giờ như thế, ông nhất thiết không để con muốn nghĩ thế nào thì nghĩ, hiểu thế nào thì hiểu, kiên quyết không truyền đạt cho con những kiến thức sai lệch. Nếu gặp phải câu hỏi mà ngay cả bản thân mình cũng không nắm rõ, ông cũng không ngần ngại thừa nhận mình không biết, sau đó 2 cha con sẽ đi tìm hiểu trong sách hoặc đến thư viện. Điều này tạo cho con thói quen tìm tòi những kiến thức chính xác, gạt bỏ thói đại khái, giản tiện trong học tập nghiên cứu. Đối với môn địa lý, Witte cha dạy con bằng cách đưa con đi dạo vòng quanh khu làng, bằng cách này giúp Witte con có thể hiểu được cơ bản về các vùng lân cận. Vừa hay trong làng có một ngọn tháp cao, 2 cha con ông mang theo giấy bút, trèo lên tháp, từ đó có thể nhìn ra 4 phía. Ông giảng giải cho con phía này là gì, phía kia là gì, dựa vào đó 2 cha con cùng nhau vẽ một bản đồ sơ lược. Sau đó họ lại tiếp tục đi dạo, dần dần vẽ thêm đường đi, rừng núi, sông suối, dần dần hoàn thành bản đồ của các vùng lân cận. Xong xuôi ông mua 1 tấm bản đồ chuẩn, đối chiếu với bản đồ đã vẽ, sửa lại những chỗ chưa đúng, nhờ đó Witte con đã có khái niệm về bản đồ địa lý.

Vật lý và hóa học cũng được ông dạy theo cách tương tự. Với môn thiên văn học ông được sự giúp đỡ của nhà quý tộc Zekkendoruf. Gọi là nhà quý tộc, nhưng thực chất người này là một học giả. Ban đầu ông và Witte cha không quen biết, nhưng vì nghe nhiều người

đồn đại về Witte nên tìm đến xem thử. Đến nơi ông nhận thấy trình độ học lực của Witte còn hơn cả lời đồn đại rất nhiều, và ông đặc biệt lấy làm thú vị. Ông gọi Witte con đến nhà, tận tình chỉ bảo cho cậu bé bằng kính viễn vọng của mình. Dụng cụ nghiên cứu của ông, ngoài những thứ liên quan đến thiên văn học còn có cả về Vật lý và Hóa học, hơn nữa còn rất nhiều sách. Witte con được ông cho phép sử dụng tất cả chúng, nhờ đó cậu học ngày càng tiến bộ.

VI.

Điểm đáng chú ý trong phương pháp giáo dục của Witte cha là ở chỗ ông coi trọng việc mở rộng tầm hiểu biết cho con hơn là nhồi nhét học vắn vào đầu con, và ông luôn tận dụng mọi cơ hội để làm việc đó.

Thí dụ đứng trước một tòa nhà cao, ông sẽ nói với con đây là cái gì, là nơi họ làm những việc gì...; đứng trước 1 tòa thành cổ ông sẽ kể lại về lịch sử của nó... Từ khi Witte con 2 tuổi, ông đã đưa con đi khắp nơi, cả từ đi mua sắm, thăm hỏi bạn bè, đến xem các buổi lễ hội âm nhạc, vũ kịch.

Lúc rỗi rãi ông lại đưa con đi viện bảo tàng, bảo tàng mỹ thuật, vườn bách thú, bách thảo, thậm chí cả công trường, hầm mỏ, bệnh viện, nhà dưỡng lão. Sau khi từ các nơi đó trở về, ông để con tự nói lại tỉ mỉ hoặc kể lại cho mẹ. Vì thế ngay trong lúc đi xem, Witte rất biết chú ý quan sát và lắng nghe lời thuyết giảng của cha cũng như của những người hướng dẫn viên tại đó. Khi Witte 3 tuổi ông bắt đầu đưa con đi du lịch khắp nơi, và đến 5 tuổi thì cậu bé đã đi hầu hết các thành phố lớn của Đức.

Trên đường đi 2 cha con cùng leo núi, đến các khu danh lam thắng cảnh, thăm viếng các khu mộ cổ. Ở mỗi điểm du lịch ông đều bảo con viết thư kể cho mẹ và những người thân, đến khi về nhà lại kể lại lần nữa. Witte cha không bao giờ tiếc tiền bạc và công sức để trau dồi tri thức cho con, thậm chí ông sẵn sàng bỏ ra rất nhiều tiền để Witte được 1 nhà ảo thuật cho xem bí quyết của mình. Qua đây ta có thể thấy Witte cha tâm huyết với việc nuôi dạy con đến mức nào.

VII.

Witte cha hầu như không mua đồ chơi cho con. Ông cho rằng, trẻ không thể dựa vào đồ chơi mà nhớ được sự vật, và cứ cho trẻ chơi đồ chơi rồi lại ném đi là 1 sai lầm. Trên thực tế Witte con từ khi còn rất nhỏ đã biết đọc sách, quan sát sự vật, và không cần tiêu thụ thời gian rảnh rỗi vào việc chơi đồ chơi. Thành ngữ “Nhân cư vi bất thiện” không chỉ đúng với người lớn mà cả trẻ con cũng vậy. Nếu cứ có đồ chơi rồi lại ném đi sẽ khiến trẻ thấy nhàm chán, bực mình, rồi sẽ phá hỏng, rồi lại quấy khóc. Witte cha cho rằng điều đó sẽ hình thành thói ưa phá hoại trong tính cách trẻ sau này. Ai cũng biết rằng khi trẻ chán sẽ dẫn đến bực bội, và sẽ thường nhằm vào đồ chơi, hoặc có thể là những thứ xung quanh, dù là cái gì thì kết quả cũng không hề vui vẻ. Sân của gia đình Witte được sửa lại để thành 1 khu vui chơi khá rộng cho Witte, sâu 60cm, rải sỏi, xung quanh trồng nhiều loại cây và hoa. Rải sỏi là để nếu mưa cũng sẽ nhanh khô, và có thể ngồi mà không bẩn quần áo. Ở đây Witte con có thể tìm hiểu các loài hoa, côn trùng. Witte cha cho rằng, gần gũi với thiên nhiên là điều quan trọng nhất trong giáo dục.

Nói về đồ chơi, Witte con có 1 bộ là đồ dùng trong nhà bếp. Bởi vì trẻ con thường thích bắt chước người lớn, và những công việc trong nhà bếp là cái mà trẻ đặc biệt thích nhúng tay vào. Người lớn chúng ta thường cho rằng trẻ làm thế chỉ vướng chân, nhưng thực tế nếu làm tốt thì cũng là 1 cách mở rộng tri thức cho trẻ. Witte cha rất quan tâm đến điều này, đó là lý do vì sao ông chuẩn bị cho con 1 bộ đồ chơi là dụng cụ nhà bếp.

Mẹ của Witte cũng không giống như nhiều người mẹ khác. Bà thường vừa làm bếp vừa tận tình trả lời các câu hỏi của con. Sau đó bà hướng dẫn để con làm món ăn với các đồ chơi. Ví dụ, bà đóng vai trò người làm bếp, Witte là chủ nhà. Người làm bếp sẽ được yêu cầu làm nhiều việc, còn chủ nhà thì đưa ra mệnh lệnh. Nếu mệnh lệnh không hợp lý thì chủ nhà sẽ bị biến thành người làm bếp. Khi Witte thành người làm bếp thì mẹ sẽ là người ra lệnh, như là: bây giờ sẽ làm món này, món kia, hãy ra vườn lấy nguyên liệu về... , nếu lấy sai sẽ không được làm đầu bếp nữa. Những trò chơi có tính chất đóng kịch như thế của Witte rất nhiều, và người chỉ đạo luôn luôn là mẹ. Hai mẹ con có lúc diễn lại những cảnh trong sách lịch sử, có lúc lại chơi trò đi du lịch tới những nơi mà đã từng đi qua. Nhờ đó củng cố lại kiến thức về lịch sử và địa lý cho Witte.

Mẹ Witte kể lại như thế này: “Lần đó, Karl là mẹ, còn tôi là con. Karl là người đưa ra mệnh lệnh. Có những việc tôi cố ý làm rất tốt, có cái lại chẳng làm gì. Nếu Karl ko để ý đến điều đó thì sẽ bị thua và không đc làm mẹ nữa. Nhưng Karl đã phát hiện ra và góp ý với tôi rất nghiêm túc, tôi xin lỗi và hứa lần sau sẽ chú ý hơn. Sau đó tôi lại làm điều ko được phép,

Karl cũng mắng tôi giống hệt điệu bộ của tôi. Lần khác, Karl làm giáo viên, tôi làm học sinh. Tôi cũng cố ý mắc những lỗi mà Karl hay mắc phải, và Karl cũng nghiêm khắc mắng tôi. Với trò chơi này, Karl tránh được những việc chưa tốt thường ngày.”

Chương 3: Anh em Thomson - Mill – Goethe được giáo dục như thế nào?

I.

Cha của Witte đã lưu lại phương pháp giáo dục của mình. Nếu như cha của Thomson và Mill cũng ghi lại phương pháp giáo dục của họ thì sẽ có ích cho chúng ta biết bao. Chính vì ông không ghi chép lại nên chúng ta không thể hiểu tường tận về phương pháp giáo dục mà anh em nhà Thomson và Mill đã được tiếp thu. Tuy nhiên sau đây tôi sẽ giới thiệu những hiểu biết của mình về phương pháp này.

Cha của anh em Thomson tên là James Thomson như đã nói trên. Anh em Thomson được sinh ra khi cha của họ đang là giáo sư của một trường chuyên ngành ở Belfast (Một thành phố trung tâm của Bắc Ireland). Cũng giống như cha của Witte, khi anh em Thomson vừa biết nói là ông bắt đầu dạy họ. Phương pháp này được bắt đầu bằng cách truyền sự đam mê qua ngôn ngữ.

Sau đây là chuyện kể của người chị Thomson:

Trước mỗi bữa sáng cha Thomson dắt 4 anh em đi dạo. Trong khi đi dạo thể nào ông cũng có 1 câu chuyện thú vị để kể cho các con. Và ông sắp xếp sao cho cả bốn người con đều lần lượt được nắm tay cha, điều này đã làm cho anh em Thomson rất hạnh phúc. Anh em Thomson thích thú lắng nghe những câu chuyện của cha. Cha họ kể về những chuyến vượt biển đến Ấn Độ - Trung Quốc. Những chuyến ngược sông Nile gặp người da đen. Những chuyến thám hiểm sâu trong lục địa châu phi gặp sư tử, voi. Chuyện cười lạc đà du lịch qua sa mạc. Thám hiểm vùng băng tuyết ở Bắc Cực. Phiêu bạt trong cánh rừng hương ngào ngạt ở Sri Lanka. Quay trở về mấy ngàn năm trước cùng với người Spartan tấn công thành Troy. Hay lên thuyền của Odysseus (một nhân vật trong chuyện cổ của Anh) và lạc trên biển. Tham gia vào đội quân của Alexander viễn chinh châu Á.

Qua câu chuyện kể của người chị thì cha họ đã làm điều giống như cha của Witte đã từng thực hiện. Cha họ không nói chuyện một mình, ông kích thích trí tưởng tượng của các con, giúp con cùng tham gia vào câu chuyện. Bằng phương pháp này ông đã dạy ngôn ngữ cho anh em Thomson và làm phong phú kiến thức của họ. Ông còn tận dụng thời gian trong bữa ăn nói chuyện rất nhiều với con.

II.

Ông James Mill cha của Mill là học giả nổi tiếng trong các lĩnh vực triết học, kinh tế, lịch sử hơn nữa ông cũng là nhà tâm lý học nổi tiếng. Hình như từ việc nghiên cứu tâm lý ông đã nhận ra rằng giáo dục từ sớm là điều cần thiết. Tuy nhiên cũng giống như cha của anh em Thomson ông không để lại tài liệu nào về phương pháp giáo dục của mình, đây là điều rất đáng tiếc. Nhưng trong tự truyện của mình Mill đã ghi lại phương pháp giáo dục mà ông được thụ hưởng thời thơ ấu.

Trích tự truyện “Tôi đã sống một cuộc sống không có những sự kiện đặc biệt, đó thật sự là một cuộc sống cực kỳ đơn điệu. Chính vì vậy khi đọc tự truyện của tôi chắc người khác sẽ không thấy thú vị. Gần đây giáo dục của nước nhà đang được tiến hành nghiên cứu, tôi viết tự truyện này vì nghĩ rằng phương pháp giáo dục mà cha tôi tiến hành sẽ có ích cho các nhà nghiên cứu.

Tôi đã được nhận một sự giáo dục khác thường từ cha mình. Thông thường trẻ em sẽ tiêu phí khoảng thời gian thơ ấu của mình. Nhưng nếu nhìn từ phương pháp giáo dục mà tôi được tiếp nhận thì những đứa trẻ có thể sẽ tiếp thu được một lượng tri thức khổng lồ ở thời kì thơ ấu thường bị bỏ qua một cách lãng phí này.”

Đọc trích đoạn trên có lẽ bạn đã hiểu mục đích viết tự truyện của Mill. Tuy nhiên nếu có được ghi chép từ người dạy sẽ tốt hơn những ghi chép của người học.

Mill được sinh vào năm 1806, theo tự truyện của Mill thì từ năm 3 tuổi ông đã được học tiếng Hy Lạp, nên có thể đoán rằng ông được học tiếng mẹ đẻ từ 1,5 tuổi. Ông học tiếng Hi Lạp bắt đầu bằng việc nhớ những từ ngữ thông thường. Cha Mill làm cho ông những tấm bìa cứng ghi những câu ngắn và nghĩa của nó. Theo đó Mill đã nhớ được những câu ngắn thông thường. Sau khi nhớ được những câu ngắn Mill bị bắt đọc sách tiếng Hi Lạp ngay cho dù cậu

không hiểu. Những truyện Mill đọc đầu tiên là “Ngu ngôn Aesop”, tiếp đến là “Tòng quân ký” của Xenophon. Giống như cha của Witte, cha của Mill cũng không dạy ngữ pháp, ông chỉ dạy ngữ pháp cần thiết khi không thể không dạy.

Quyển sách đọc tiếp theo là lịch sử của Merodotos, “Bảo Điền” của Xenophon và “Ngôn hành lục của” Socrates, - “Tự truyện của triết gia” của Diogenes, Laertius, Trước tác của Licien. Ông cũng từng phải đọc “Đối thoại” của Platon, nhưng kết cục theo ông là không hiểu gì.

Cha Mill viết sách nên rất bận rộn, hơn nữa ông lại là người rất nóng tính. Vì vậy ông đặt bàn học của Mill gần nơi mình làm việc và cho Mill học, lúc đó trên bàn học chỉ có từ điển Hy Lạp – Latinh, không có từ điển Hy Lạp – Anh, Do Mill chưa biết tiếng Latinh nên phải hỏi cha ý nghĩa của rất nhiều câu đơn giản. Dù là người nóng tính và công việc rất bận rộn nhưng cha Mill đã dạy Mill rất chu đáo. Qua đó có thể thấy rằng cha Mill rất tận tâm trong việc dạy con mình.

Tuy nhiên có thể coi phương pháp giáo dục của cha Mill là hơi khác thường, có ý kiến cho là học lệch. Ông đã không dạy những điều gần gũi với thiên nhiên như cha của Witte. Witte học rất nhiều từ thiên nhiên còn Mill học chủ yếu từ sách. Hơn nữa ngoài học tiếng Hy Lạp, Mill chỉ được học toán. Và toán cũng không được chú trọng lắm nên Mill chỉ học môn này vào buổi tối. Ban ngày ngoài đọc sách tiếng Hy Lạp Mill còn đọc rất nhiều sách tiếng mẹ đẻ.

Mỗi ngày cha Mill dắt cậu đi dạo trước bữa sáng. Việc đi dạo này không chỉ nhằm giáo dục Mill mà còn vì sức khỏe của cha Mill. Cha Mill luôn vận động vì sức khỏe của mình. Trong khi đi dạo ông thường hỏi và bắt Mill nói về những quyển sách cậu đã đọc hôm trước. Chính vì vậy khi đọc sách Mill luôn ghi chép lại để có thể nói chuyện với cha. Mỗi buổi sáng Mill vừa nhìn những ghi chép này vừa nói chuyện với cha. Cha Mill vừa nghe vừa hỏi lại, sửa những chỗ sai, giải thích thêm những chỗ còn thiếu.

Trong giai đoạn này, những sách Mill đọc phần lớn là sách lịch sử bắt đầu bằng sách của Robertson, Hume, Gibbon, Mill đặc biệt thích “Thế hệ thứ 2 và thế hệ thứ 3 của dòng họ Philip” của Waston. Lịch sử Roma của Hooke .

Mill thường đọc đi đọc lại bản dịch tiếng Anh “Lịch sử cổ đại” của Roland, bản dịch tiếng Anh “Truyện các anh hùng Hy Lạp” của Plutarchus. Ngoài ra Mill còn đọc rất nhiều các sách khác, các truyện ký, truyện thám hiểm, nhật ký hàng hải. Cha Mill rất ít khi cho con đọc tiểu thuyết nhưng những truyện nổi tiếng như Robinson Crusoe, Nghìn lẻ một đêm, Donkihotê ... Mill đều đã đọc. Đây là những sách mà Mill đã đọc cho đến 7 tuổi.

Như vậy, Witte con, với các trò chơi của mình, đã được bắt chước hầu hết các phương diện trong đời sống con người, và tất cả những việc này đều diễn ra từ khi rất nhỏ. Đó là vì ngay từ khi đó Witte cha đã nỗ lực phát triển 5 giác quan của con thông qua các trò chơi, theo đúng như tư tưởng của Monteski ngày nay.

Trò chơi của trẻ con không nên chỉ là một việc vô ích, mà phải thông qua đó giúp trẻ sử dụng được cái đầu. Như thế trẻ cũng sẽ không thấy chán và không quấy khóc. Witte cha nói rằng “Con trai tôi, dù chỉ có rất ít đồ chơi nhưng vẫn không bao giờ thấy buồn tẻ, mà ngược lại, luôn vui vẻ hạnh phúc với số đồ chơi đó.”

VIII.

Nhà bác học Edison từng nói: “Phần lớn người dân nước ta ăn quá nhiều, vì thế năng lượng phải dồn xuống dạ dày để tiêu hóa hơn là cung cấp cho cái đầu làm việc”. Khi đó dạ dày sẽ phải làm việc hơn mức cần thiết, tương ứng với nó, bộ não lại không hoạt động. Người có cái bụng luôn no căng sẽ có xu hướng trì trệ.

Đọc tự truyện của Franklin cũng sẽ thấy sinh thời ông rất chú ý đến điều này. Và Witte cha, từ cách đó hàng trăm năm đã biết áp dụng với con trai đúng như thế. Ông cũng có suy nghĩ rằng, tinh lực của trẻ nếu chỉ tiêu hao vào việc tiêu hóa thì sẽ không thể phát triển não bộ. Vì thế trong quá trình nuôi dạy Witte, ông chủ trương không bắt con ăn nhiều hơn mức cần thiết. Trong khi đó có những đứa trẻ ăn không biết chán, ăn quá nhiều dẫn đến bị bệnh. Có điều đấy không phải là đặc điểm trời sinh của trẻ mà chính là do thói quen ăn uống phát sinh từ sự thiếu hiểu biết của bố mẹ. Đương nhiên ai cũng mong con chóng lớn, nhưng không thể bừa bãi được mà phải có chế độ dinh dưỡng phù hợp.

Witte cha rất chú ý đến điểm này. Witte con chỉ ăn những thứ được cho phép, và điều đó cũng được dạy bảo hợp lý. Ông giải thích cho con nghe về tầm quan trọng của sức khỏe

như thế này: “Người ta nếu ăn quá nhiều thì cơ thể sẽ khó chịu, đầu óc sẽ kém minh mẫn, lâu dần sẽ sinh bệnh. Nếu bị bệnh thì không thể học được mà cũng chẳng thể chơi được. Không những thế, khi con bệnh thì bố mẹ cũng sẽ phải vì chăm sóc con mà không thể làm việc được.” Nếu thấy có đứa trẻ con nhà người quen biết bị ốm, Witte cha sẽ dẫn con đến thăm, không quên những lời giáo huấn từ thiết thực: “Đó con xem, bạn ấy vì ăn uống bừa bãi nên sinh bệnh đó...”

Ông kể lại, “Có lần 2 cha con đi dạo gặp người quen và nói chuyện như sau:

-Xin chào, mọi người trong nhà có khỏe không ạ?

-Dạ cảm ơn.

-Chẳng phải cháu ở nhà bị ốm sao?

-Vâng, nhưng sao bác biết ạ?

-Cái đó tôi biết chứ, vì là sau Giáng sinh mà.

Tôi hoàn toàn không nói mò. Đứa trẻ đó ngày thường đã ăn quá nhiều, sau lễ Giáng sinh thì chắc chắn sẽ phát ốm. Sự thực đúng như vậy. Tôi đưa con trai đến thăm, đứa bé đó đang rên hừ hừ vì đau bụng và đau đầu, và khi nói chuyện thì quả thật là do ăn uống. Con trai tôi bên cạnh khi đó cũng đã tận mắt chứng kiến và hiểu được mọi chuyện. Nhờ cách giáo dục này mà Witte hầu như không bị ốm vì ăn uống. Khi đến chơi nhà người quen, được mời kẹo, nhưng dù có hấp dẫn thế nào và họ nói gì đi nữa thì con trai tôi vẫn không đụng đến. Mọi người nhìn vào, ko nghĩ đó là do Witte tự nguyện. Ai cũng cho rằng đó là do tôi quá nghiêm khắc. Suy từ bản thân họ và con họ thì đúng là không thể hiểu nổi tại sao Witte lại có thể tự kiềm chế như vậy. Nhưng nếu được dạy bảo từ đầu, chắc chắn đứa trẻ nào cũng sẽ giống như con tôi.”

Đúng như Witte cha nói, nhiều cha mẹ vì nuông chiều con nên để con ăn uống không có quy tắc, không có giới hạn, tạo cho con thói quen ăn uống bừa bãi. Điều đó làm giảm sút tinh thần và trí lực của trẻ. Và như thế dù có giáo dục từ sớm hay giáo dục kiểu gì đi nữa thì cũng không có hiệu quả.

IX.

Witte cha khuyến khích con toàn tâm toàn ý trong lúc học, phân biệt rõ ràng thời gian học và chơi. Còn phương pháp giáo dục của bản thân ông lại không mấy phân biệt điều đó. Khi chơi, khi đi dạo hay lúc ăn uống ông đều nỗ lực mở rộng hiểu biết cho con. Nói đến sự toàn tâm toàn ý ở đây là nói đến thời gian dành cho việc học. Như đã nói, ông bắt đầu dạy Witte tiếng Pháp từ khi lên 6. Đầu tiên mỗi ngày học 15 phút, trong thời gian đó Witte con phải tuyệt đối chuyên tâm vào việc học, nếu không sẽ bị mắng. Nếu mẹ hay người hầu có gì cần hỏi thì ông cũng sẽ nghiêm khắc từ chối “Bố thì không được, Karl đang học”.

Nếu có khách đến chơi ông cũng sẽ “Xin lỗi đợi tôi một lúc” và nhất thiết không rời khỏi ghế. Chính điều này giúp cho Karl hiểu được học có nghĩa là phải tập trung toàn bộ tinh thần.

Witte cha còn rèn luyện cho con thói quen làm gì cũng phải nhanh nhẹn hoạt bát. Nếu Witte con mà lờn chần, chậm chạp thì dù có làm được việc ông cũng không vui. Kết quả của việc giáo dục này là Witte con làm gì cũng nhanh chóng và vì thế có rất nhiều thời gian cho việc vận động, nghỉ ngơi cũng như tham gia các hoạt động xã hội. Trên thực tế có nhiều người rất lãng phí thời gian, họ có thói quen rất xấu là trong khoảng 1 giờ thường chỉ loanh quanh luẩn quẩn chẳng làm được việc gì. Witte cha đã tránh cho con mình thói quen đó, và đến nhiều năm sau này Witte con vẫn thầm cảm tạ cha mình.

Về việc học Toán và Ngữ văn, Witte cha nghiêm cấm con mình học theo kiểu đại khái mà phải thật triệt để, tường tận, minh bạch. Ông coi việc đó cũng giống như xây một bức tường gạch, nếu không làm như thế thì nhất định không thể đạt kết quả. Trên thế giới có những người được gọi là học giả, và họ nói, họ viết bằng những “thuật ngữ” mà người khác không hiểu nổi, Witte cha cho rằng những người này, trong quá trình học tập nghiên cứu của mình đã có những điều chưa được lý giải chính xác, hoặc là đã hiểu và ghi nhớ một cách thô thiển. Ông đả kích những người này là Học giả “dỏm”, chỉ đáng làm trò cười cho thiên hạ. Chủ trương giáo dục của ông là phải thật tường tận.

Đọc đến đây, người ta có thể nghĩ rằng chắc hẳn Witte cha đã mất rất nhiều thời gian để dạy con. Thực tế không phải như vậy. Ông là một mục sư với công việc rất bận rộn, muốn có nhiều thời gian cho con cũng không được. Hàng ngày ông chỉ dành 1-2 giờ để dạy con. Sức phát huy năng lực của con lớn hơn ông nghĩ rất nhiều. Ban đầu ông chỉ nghĩ là sẽ giáo dục để

Witte con không thua kém các bạn, đến 17-18 tuổi là có thể vào đại học... Còn việc khả năng của Witte con đã phát triển vượt xa cả mong đợi là điều ông không ngờ tới. Ông đã hứa là sẽ giáo dục con để sao cho “kỳ phát triển” không bị muộn, nên sau đó cũng cố gắng để thực hiện. Ông đã xác định từ đầu rằng sẽ phải mất nhiều công sức để giáo dục con, nhưng về sau những môn như Ngữ văn và nhiều môn học khác Witte đều tự mình học và nhớ được là chính. Đến năm 8, 9 tuổi thì học vấn của Witte con đã vượt hơn cả cha mình.

X.

Người đọc có thể cảm thấy PHƯƠNG PHÁP giáo dục của Witte cha là giáo dục “lệch”, chủ yếu nhằm nâng cao trí tuệ, còn ông lý giải về phương pháp Giáo dục của mình như sau:

“Mọi người nghĩ tôi giáo dục con theo phương châm đào tạo học giả, hơn nữa còn cho rằng tôi muốn con trở thành thần đồng, làm cả thế giới phải ngạc nhiên. Thực sự không phải như thế. Tôi chỉ muốn con tôi được phát triển toàn diện. Tôi đã hứa sẽ giúp con phát huy mọi khả năng sẵn có, và tôi nỗ lực để con tôi có thể lớn lên trở thành một người hoạt bát, khỏe mạnh, hạnh phúc. Bản thân tôi thích những người hoàn thiện cả về tinh thần và trí lực, rất ghét những kẻ gọi là học giả nhưng lại chỉ biết về 1 phía. Vì thế tôi dạy con cả tiếng Hy Lạp, tiếng La tinh, Toán học cũng là để giáo dục con theo hướng toàn diện ngay từ đầu.

Tôi cũng không phải người chỉ giáo dục tri thức cho con. Tôi và vợ tôi luôn động viên khuyến khích những sở thích cũng như trí tưởng tượng của con, đồng thời cũng cố gắng để con hiểu rằng yêu hay ghét không phải chỉ dựa trên cảm tính mà phải được quyết định bởi đạo đức và lương tâm.

Tôi ghét cái gọi là học giả, là những người giống như cái cây khô không có tình cảm và không thể kết bạn, những người chỉ chăm chăm vào cái mình biết, đi đến đâu, gặp bất kỳ ai cũng thao thao về chuyên môn của mình. Đó là những kẻ không bình thường, là trò cười cho thiên hạ. Tôi không muốn con tôi trở thành học giả theo kiểu đó. Chuyện con tôi là thần đồng chỉ là tin đồn nhảm. Thần đồng là gì chứ? Chẳng phải chỉ là hoa trong nhà kính hay sao? Nếu tôi mà có thể lập kế hoạch biến con mình thành thần đồng, chẳng phải là tôi đã mạo danh cả các vị thần làm công việc của họ hay sao?”

Nếu xét đến phương diện trí tuệ của 1 đứa trẻ, 8 tuổi biết 6 thứ tiếng, 9 tuổi vào đại học, 14 tuổi thành tiến sĩ, là một kết quả rất tuyệt vời, nhưng nhìn theo một khía cạnh khác thì có thể chỉ là bình thường. Những người thời đó, chỉ nhìn vào thành tích học tập của Witte con nên cho rằng phương pháp giáo dục của Witte cha là phương pháp hướng vào tri thức. Còn đối với Witte cha, ông mong muốn giáo dục con đầy đủ về mọi mặt. Việc trí tuệ của Witte con trở nên xuất chúng như vậy là hoàn toàn bất ngờ. Thực tế để thực hiện mong muốn giáo dục toàn diện của mình, ông đã dồn nhiều tâm sức để giáo dục đức độ cho con hơn là tài năng. Bản thân ông lại là mục sư, vì thế Witte con ngay từ nhỏ đã được dạy về lòng mộ đạo, và kết quả là cậu bé thông thạo kinh thánh một cách đáng ngạc nhiên, đặc biệt là lời của Chúa thì Witte thuộc lòng từng chữ. Có không ít những đứa trẻ là con mục sư, nói về kinh thánh thì cái gì cũng biết, nhưng lại quá đổi nghịch ngợm, khó bảo. Nhưng Witte thì không như thế. Đó là 1 cậu bé sùng đạo tuyệt vời với trái tim nhân ái sâu sắc, theo lời mọi người là “thanh khiết như Thiên sứ”. Từ nhỏ tới lớn cậu không tranh giành với ai, thậm chí còn không cả làm đau hoa cỏ. Cả cuộc đời mình, Witte là tiêu biểu cho một tâm hồn hào hiệp với lòng kính Chúa sâu đậm.

XI.

“Có một lần, vào lúc Karl lên 6 tuổi, tôi dẫn con sang nhà mục sư E ở làng bên và ở lại qua đêm. Hôm sau trong bữa trà, cháu làm đổ một chút sữa. Bình thường ở nhà có quy định là nếu cháu làm đổ thì sẽ bị phạt, sau đó sẽ không được ăn bánh mỳ nữa. Karl rất thích sữa. Mục sư E lại rất quý Karl và sữa ở đó đặc biệt ngon. Ngoài ra còn rất nhiều bánh kẹo hấp dẫn. Khi đó Karl tỏ ra bối rối và hơi đỏ mặt, sau đó thì không ăn uống gì nữa. Tôi cố tình làm như không nhìn thấy gì. Mục sư E thì không im lặng, ông cố gắng động viên Karl uống sữa, nhưng cháu từ chối và bảo “Cháu đã làm đổ sữa nên không thể tiếp tục”. Dù mục sư E có nói thế nào Karl vẫn không uống thêm. Mục sư E nghĩ rằng do bị tôi lừa nên Karl sợ. Tôi bèn bảo cháu đứng lên và giải thích lý do cho ông. Nghe xong ai nấy đều phản đối: “Một đứa trẻ mới 6 tuổi, làm hỏng có 1 chút mà lại không được ăn những gì mình thích, cách dạy dỗ của ông quá nghiêm khắc rồi!” “Không phải cháu dùng uống là vì sợ tôi, đó thực sự là vì trong thâm tâm cháu đã hình thành quy tắc như thế”. Mọi người có mặt vẫn không tin. Tôi đành phải bảo “Vậy thì tôi sẽ ra khỏi phòng, ông cứ thử gọi cháu nó lại và bảo cháu uống, tôi chắc cháu sẽ từ chối.”

Sau khi tôi ra khỏi phòng, gia đình mục sư E ra sức bảo Karl uống sữa nhưng vô hiệu. Họ lại bắt sữa đi và lấy kẹo ra “Cháu cứ ăn đi, cha cháu không biết đâu”. Karl bèn trả lời “Cha cháu có thể không nhìn thấy nhưng ông trời sẽ nhìn thấy, cháu không thể làm một việc như vậy được.” “Nhưng lát nữa tất cả sẽ đi dạo, cháu không ăn sẽ đói mất!” “Cháu không sao.”

Mọi người lại gọi tôi vào, kể lại mọi chuyện và bảo tôi hãy nói gì đó. Tôi bảo cháu “Karl à, con chịu phạt như thế là đủ rồi. Vì lòng nhiệt tình của mọi người ở đây, và vì lát nữa ta sẽ đi ra ngoài, thế nên con hãy uống sữa và ăn bánh rồi đi.” Khi đó Karl mới bắt đầu ăn, còn cả gia đình mục sư E thì không thể ngờ là một đứa trẻ chỉ mới 6 tuổi mà có thể biết tự chủ như vậy”.

Đọc những dòng này, có thể chúng ta cũng có cảm nghĩ giống như mục sư E, rằng sự dạy dỗ của Witte cha thật khắc nghiệt. Quả thực đúng là nó có khắc nghiệt theo một nghĩa nào đó. Tuy nhiên, thường thì sự dạy dỗ khắc khe thường làm cho trẻ rất khổ sở, nhưng riêng sự khắc khe trong phương pháp của Witte cha thì không như vậy, ngược lại, rất thoải mái tự nguyện. Lấy ví dụ những nhà hoạch định chính quyền ở Tokyo, là nơi đường phố sắp xếp vốn không theo quy tắc, nếu bgiờ mà tiến hành những cải tổ lớn về phố phường, đô thị, thì người dân sẽ rất khổ sở. Nhưng nếu tiến hành làm đường ở giữa cánh đồng rộng, rồi từ đó bắt đầu xây cất nhà cửa, thì phố phường về sau sẽ mạch lạc, khoa học, và người dân cũng sẽ vui vẻ thoải mái. Giáo dục con trẻ cũng như vậy. Nếu được dạy bảo tốt ngay từ khi bắt đầu thì trẻ sẽ không có cảm giác khổ sở. Cũng giống như xây những viên gạch, phải xây có trật tự ngay từ những viên đầu tiên. Bản thân Witte cha đã làm rất tốt điều này.

Nguyên tắc cơ bản trong việc dạy con của ông là cái gì đã nói là không thì nhất định không được làm. Lúc thì cho phép, lúc lại không cho, chính điều đó mới khiến trẻ khổ sở. Như nhà thơ Shira đã nói, cái gì mà ta không bao giờ có thì ta cũng sẽ không cảm thấy thiếu. Witte cha rất tuân thủ nguyên tắc này, và ông áp dụng nó ngay từ khi Witte con được 1 tuổi. Ta thường thấy các ông bố bà mẹ có suy nghĩ, cứ để cho con làm, lớn thêm chút nữa sẽ cấm, nhưng như vậy con càng khổ hơn. Hơn nữa, việc quy định “không được phép” của họ cũng không nhất quán, lúc nói không được phép, lúc lại nói được, điều đó hình thành trong suy nghĩ của trẻ một khái niệm “khi bố mẹ nói không được nghĩa là không được”. Điều khó trong việc dạy dỗ trẻ là chính là sự hình thành khái niệm. Vì thế cái gì là tốt, cái gì là xấu thì những người làm cha mẹ phải nhất quán từ đầu đến cuối không được thay đổi. Và giữa những người lớn phải có sự đồng thuận. Witte cha rất chú ý đến điều này. Ngay cả trong giáo dục tri thức

hay giáo dục nhân cách, ông đều có sự hợp tác của vợ. Cái gọi là “mẹ hiền cha nghiêm” nhất thiết không phải là biện pháp giáo dục tốt.

XII.

PHƯƠNG PHÁP dạy con của Witte đúng là rất nghiêm khắc, nhưng hoàn toàn không phải chuyên chế. Chuyên chế nói cách khác là sự phục tùng mù quáng. Witte cha rất phản đối sự chuyên chế. Trong cách dạy con của ông cũng như trong các vấn đề khác, ông luôn tôn trọng tính hợp lý. Ông cho rằng trong giáo dục thì điều tối quan trọng là không được che lấp lý trí, không làm rối loạn năng lực phán xét của trẻ. Vì thế ngay cả khi mắng con ông cũng không bao giờ để con không hiểu vì sao lại bị mắng.

Người làm cha mẹ mà có quan điểm sai lầm dẫn đến mắng con vô lý là đã điều rất không hay, nhưng cho dù sự trách mắng và ngăn cấm là chính đáng nhưng lại không cho con biết lý do thì lại cũng vẫn là đáng trách. Phần đông các bậc cha mẹ hay lại mắc phải sai lầm này - Đây chính là sự chuyên chế. Witte cha thì khác, ông luôn cố gắng nhìn vào thực tế để không mắng con một cách không thỏa đáng, và bao giờ ông cũng giải thích để con hiểu vì sao lại không được. Ông cho rằng nếu làm hỏng năng lực tự phán xét của trẻ thì suốt cuộc đời sau này trẻ sẽ không có được cái nhìn khách quan, công bằng trong mọi vấn đề.

Điều đó không chỉ ảnh hưởng đến bản thân mà còn cản trở sự tiến bộ của cả xã hội. “Khi con trai tôi nói mà không suy nghĩ, tôi không mắng ngay lập tức. Đầu tiên tôi chỉ bảo: “Con là người ‘nhà quê’ nên mới thốt ra những lời đó, sau này con đừng nghĩ xấu như thế nữa”. Khi đó con sẽ hiểu như vậy là không hay, nhưng sau đó chắc chắn sẽ hỏi lý do, và tôi sẽ bắt đầu giải thích: “Điều con nói đúng là sự thật, cha cũng thừa nhận. Nhưng đó không phải cái có thể nói trước mặt người khác. Con xem chẳng phải vì con nói thế mà ông N đã xấu hổ đến đỏ cả mặt sao? Bình thường ông ấy rất quý con, lại rất nể cha, nên ông ấy đã không nói gì, nhưng sau đó không còn vui vẻ nữa đúng không? Từ lúc ấy ông ấy không nói một câu nào nữa, đó chính là vì con đã thốt ra những lời như thế đấy”. Đây là cách để tôi cố gắng không làm tổn hại đến khả năng đánh giá của con. Nghe những lời này thì con trai tôi cũng hiểu là việc không nên làm, nhưng vẫn thắc mắc: “Nhưng mà, điều con nói là sự thật còn gì?” “Đúng là sự thật, nhưng ông N cũng có cách nghĩ của ông ấy, chúng ta chưa chắc đã biết được. Không chừng ông ấy lại bảo con là trẻ con nên ko hiểu ông ấy cũng nên. Hơn nữa,

cho dù điều con nói là sự thật nhưng ko phải là điều bắt buộc phải nói. Những người khác cũng biết, nhưng họ đâu có nói như con? Nếu con nghĩ chỉ mình con biết thì con đã nhầm rồi! Và thử nghĩ xem nếu như ai đó để ý tìm ra lỗi của con và nói trước mặt người khác thì con có vui không? Thực ra trẻ con thì có rất nhiều lỗi. Nhưng những người khác luôn làm như không thấy lỗi của con. Không phải người ta không biết đâu, họ biết, nhưng họ im lặng, là vì họ không muốn làm con xấu hổ. Như vậy con thấy họ có tốt bụng không? Chính vì thế con cũng nên làm như họ. Chẳng phải Kinh thánh dạy “Muốn người khác làm gì cho mình thì hãy làm điều đó với họ”, hay sao? Dù là sự thật đi nữa nhưng chỉ ra sai lầm của người khác trước mặt mọi người là việc rất không nên làm.”

Hiểu được điều tôi nói rồi, nhưng Karl vẫn băn khoăn: “Vậy con sẽ phải nói dối ạ?” “Không, đó không phải là nói dối. Con không cần phải nói dối. Chỉ im lặng là được rồi. Vì nếu như ai cũng chăm chăm để ý và chỉ trích sai lầm của người khác ở chỗ đông người thì chắc hẳn thế giới này sẽ chỉ toàn là cãi cọ và có thể chúng ta sẽ chẳng thể sống an lành như thế này được.”

Bao giờ cũng thế, tôi luôn giải thích cặn kẽ cho đến khi Karl đã hoàn toàn lý giải được, và sau khi nghe những lời tôi nói, Karl hứa với tôi: “Từ nay về sau con nhất định sẽ không làm như thế nữa”.

Sự hợp lý trong phương pháp giáo dục của Witte cha chính là như vậy – không che lấp lý trí và không làm tổn hại đến năng lực phán xét của trẻ. Witte con cũng qua đó biết thêm được nhiều từ ngữ, hiểu được nguyên nhân, hiểu được những lời giáo huấn của cha. Song phần lớn những đứa trẻ khác sẽ không hiểu được căn nguyên dù có được giải thích, vì thế rất khó áp dụng phương pháp giáo dục hợp lý này. Đó là lý do vì sao phải làm phong phú vốn từ cho trẻ ngay từ đầu.

XIII.

So với các bậc cha mẹ khác, Witte rất nghiêm khắc trong việc để con ra ngoài chơi. Theo như lời ông, nếu để con ra ngoài chơi sẽ không thể chọn được bạn, bất cứ đứa trẻ nào cũng chơi cùng, và sẽ nhiễm phải những thói xấu. Ví dụ như học đòi làm chuyện người lớn, đánh bạc bên lề đường, cãi lộn... Trẻ con hầu như chưa biết suy nghĩ, chúng lấy cát đá ném

nhau, rồi bị thương, có khi còn hỏng cả mắt. Nói chung là khá nguy hiểm. Khi gặp những đứa trẻ bị hỏng mắt, vỡ mũi, gãy tay, què chân, ông luôn hỏi kỹ nguyên nhân, và biết rằng hầu hết là xảy ra trong lúc chơi. Vì lý do đó, ông nhất quyết không cho con ra ngoài chơi, không chỉ có vậy, ông hầu như ko để con chơi cùng những đứa trẻ khác. Ông nói về điều này như sau: “Nhiều người nói rằng trẻ con không thể không có bạn chơi vì như thế sẽ không vui và còn có thể khiến trẻ trở nên tiêu cực, khó bảo. Tôi thử bàn với vợ và chúng tôi quyết định chọn cho con 2 cô bạn. Hai cô bé này được dạy bảo tốt nhất vùng, lại biết hát và biết nhảy, con trai tôi đã cùng chơi rất vui vẻ. Nhưng đúng như tôi đã lo lắng. Từ sau khi chơi với 2 cô bé đó, con trai tôi trở nên bướng bỉnh và bắt đầu nói dối, thậm chí lại dùng những từ ngữ hạ đẳng, tính tình thì trở nên ích kỷ. Đó là vì hai cô bạn không hề phản đối con tôi bất kỳ việc gì. Tôi đã dặn chúng đừng nghe theo tất cả mọi lời nói của con tôi, và khi cháu tỏ ra ích kỷ thì hãy nói với tôi, nhưng không có kết quả. Từ đó, tôi bỏ ý định cho con chơi với những đứa trẻ khác.

Tôi đã nghĩ rằng trẻ con nếu không có bạn chơi thì sẽ không vui, nhưng điều đó là không đúng. Đương nhiên trẻ con mà chơi với trẻ con thì có thể thích nói gì thì nói, thích làm gì thì làm, được hoàn toàn theo ý mình, rõ ràng là rất thoải mái. Mọi người cho đó là vui? Nhưng nếu vui là như thế thì thà không có còn hơn. Nếu chúng ta có thể cũng mang trái tim & tâm hồn trẻ thơ để cùng chơi với chúng thì trẻ sẽ vẫn vui mà lại có thể chơi 1 cách có ích, không bị tác động bởi những thói quen xấu. Nếu chỉ toàn trẻ con chơi với nhau, đứa trẻ ngoan cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi cái xấu, đứa trẻ hư thì càng bị ảnh hưởng xấu nhiều hơn. Việc trẻ ngoan có những thói quen tốt sẽ tác động lên trẻ hư là điều không thể có, vì thói xấu mới là thứ dễ lây lan nhanh chóng. Đơn giản vì đức tính tốt là thứ cần phải nỗ lực rèn luyện và phải biết tự chủ cao độ mới có được, còn học cái xấu thì chẳng cần phải mất chút công sức nào. Vì thế, trường học theo cách nghĩ này sẽ là nơi thói hư tật xấu có thể dễ dàng tấn công trẻ, và những nguy hại mà trường học có thể mang đến là không nhỏ. Và như vậy nếu việc học có khả năng được đảm bảo ngay tại nhà thì trẻ chẳng cần phải đến trường. Tuy nhiên, hầu hết các gia đình đều không thể tự dạy dỗ con mà phải đưa đến trường, thế nên trường học phải đặc biệt chú ý đến điểm này và tiến hành giám sát trẻ chặt chẽ trong cả thời gian chơi. Tóm lại, nói rằng trẻ không có bạn chơi sẽ trở nên ích kỷ, khó bảo, là hoàn toàn không phải sự thật.

Ngược lại, để cho trẻ con chơi riêng với nhau không có người lớn sẽ phát huy chủ nghĩa vị kỷ, dối trá, lừa lọc, cứng đầu, ganh ghét, tị nạnh, nói xấu, cãi cọ, vu khống,... Nhưng nói

như vậy không có nghĩa là tuyệt đối không cho con chơi với những đứa trẻ khác mới là tốt. Đôi khi vẫn nên cho trẻ gặp gỡ, giao lưu, tiếp xúc với nhau dưới sự giám sát của bố mẹ, như thế trẻ sẽ tránh được những ảnh hưởng xấu. Con trai tôi được hạn chế theo cách đó, và kết quả rất tốt. Karl không bị nhiễm những thói hư tật xấu, vì thế không bao giờ cãi nhau đánh nhau với những trẻ khác, nếu thấy bạn có hành vi xấu thường tránh xa. Vì thế mọi đứa trẻ khi tiếp xúc với Karl đều rất quý mến, khi tôi cho cháu đi chơi ở đâu thì lúc về những đứa trẻ khác cũng đều khóc và muốn giữ lại. Ở nhà Karl không có cơ hội để tranh chấp với ai, vì thế không dễ bị kích động như những đứa trẻ khác. Và đứa trẻ dù có xấu đi nữa cũng không có lý do gì để tức giận với Karl. Cho đến tận năm 18 tuổi, tôi vẫn không hề thấy Karl cãi lộn. Trong thời gian học đại học cũng có xảy ra tranh luận về học tập, nhưng Karl không hề làm người khác mất cảm tình. So với hầu hết các bạn học thì Karl ít tuổi hơn, nên tôi cũng khá lo lắng. Nhưng vì Karl đối với mọi người rất chân thành, nên tự nhiên có rất nhiều bạn bè thân thiết, khiến tôi cũng phải cảm động.

Như vậy, theo kinh nghiệm của tôi, trẻ ko có bạn chơi sẽ không vui, dẫn đến hay cáu kỉnh, khó bảo,... là nhận định sai lầm. Và vì thấy trẻ có hứng thú chơi với trẻ con mà quan niệm rằng phải để cho trẻ được làm như vậy, với tôi đó là một thành kiến, có điều nó chưa dễ thay đổi”.

XIV.

Witte cha đã mất rất nhiều công sức để hướng thiện cho con. Ngay từ lúc thơ ấu ông đã kể cho con nghe những câu chuyện về cái thiện, đặc biệt là những truyện trong kinh thánh. Và khi Witte con làm được điều tốt, ông đều khen ngợi, nhưng cũng luôn chú ý để việc khen ngợi không quá đà khiến con sinh ra kiêu ngạo. Khi Witte con lớn hơn một chút, ông cho con đọc thơ về đạo đức. Ở Đức có rất nhiều thơ ca ca ngợi tình bạn, tình yêu, lòng dũng cảm, đức hi sinh..., Witte con đều thuộc hết. Ngoài ra, ông còn có một cuốn sách ghi lại những việc tốt của Witte con để giữ làm kỷ niệm. Với cách khen ngợi này, ngay từ nhỏ Witte con đã rất biết tự mình nỗ lực làm những điều tốt đẹp.

Nhưng, điều mà Witte cha đã cố gắng nhất chính là làm sao để con có thể cảm thấy niềm vui khi làm việc thiện, niềm vui trong việc nghiêm khắc với bản thân mình. Không phải

chỉ nói thôi, làm sao để con có thể thấy được những điều này mới là khó, tuy nhiên không phải là không thể. “Chi cần ta dốc sức để làm việc thiện, ông Trời sẽ biết” –

Witte cha đã cố gắng để con thấm nhuần ý nghĩ đó. Và, ông cũng nói về những kẻ làm điều xấu với sự phê phán rất nghiêm khắc, đây cũng là cách để khuyến khích con hướng thiện.

Tuy nhiên, phương pháp khuyến khích con làm điều thiện có đôi chút khác với việc khuyến khích con học. Nếu nói gọn trong một câu thì phương châm của Witte cha sẽ là “Học tập sẽ giúp ta trở nên giàu có, còn làm điều thiện ta sẽ được trời ban thưởng”. Nếu một ngày học tập chăm chỉ sẽ được 1 pê-ni, nhưng nếu làm sai điều gì sẽ mất đi 1 pê-ni đó.

Ông viết về điều này như sau: “Thi thoảng con trai tôi có nói với tôi “Hôm nay con đã làm sai mất rồi, chắc là con sẽ không được nhận tiền nữa”. Nghe điều này tôi rất vui, muốn thưởng cho con gấp đôi, nhưng tôi vẫn nói: “Thế ah, cha không biết đấy. Vậy ngày mai con nhớ làm điều tốt để bù lại nhé!”. Dùng tiền để khích lệ con học có thể khiến người ta thấy là không hay, nhưng đây chính là ý nghĩa của việc “học tập mang lại sự giàu có”. Witte cha viết “Đúng là hơi buồn cười, nhưng tôi trả 1 pê-ni cho 1 ngày học tập của con, để con tôi hiểu được phải vất vả thế nào mới có thể được trả công. Như thế con cũng học được cách sử dụng đồng tiền cho có ý nghĩa. Nếu mua kẹo thì sẽ hết ngay mà chẳng được gì, nếu mua sách, mua đồ dụng học tập sẽ còn mãi. Hơn nữa, vào ngày Giáng sinh, có thể mua quà cho bạn bè và cho những gia đình nghèo, điều đó sẽ giúp con thấy ý nghĩa hơn rất nhiều.”

Khi trong vùng xảy ra thiên tai, Witte cha bao giờ cũng đến thăm những gia đình không may, và Witte con cũng dùng tiền của mình để hỗ trợ. Ông sẽ khen con “Con làm rất tốt. Số tiền của con tuy nhỏ nhưng với nó chính là Lepta của người quả phụ nghèo khổ đó.” “Lepta của người quả phụ nghèo khổ” là câu trích dẫn trong kinh thánh. Witte cha rất hay dùng những lời dạy trong kinh thánh, những điển tích điển cố, những lời của thi ca, để khích lệ con làm việc thiện.

Để khích lệ con học, Witte cha còn làm thế này: Khi con đọc được hết một quyển sách cổ, thuật lại được, đó sẽ là một việc cực kỳ trọng đại, lúc đó ông sẽ dùng tên của những người nổi tiếng để gọi con. Và người mẹ bước vào, chúc mừng và tặng quà cho con. Sau đó sẽ vào thành phố mua rất nhiều thứ con thích để mở tiệc, mời một vài người bạn thân đến ăn cùng. Rồi ông nói trước bữa ăn “Hôm nay Karl đã đọc hiểu một cuốn sách rất khó, chứng tỏ học lực

của cháu đã có nhiều tiến bộ.” Mọi người đều chúc mừng và hỏi Witte con về cuốn sách, Witte con sẽ nói sơ lược về những gì đã đọc, sau cùng sẽ cảm tạ ông trời “đã ban cho sức khỏe và nhiều ân huệ để có thể có được học vấn như ngày nay”.

XV.

Ta thấy rằng Witte cha thường tiền cho con khi con học tốt, còn khi làm việc thiện thì ghi chép vào 1 cuốn sách và khen ngợi con nhiều hơn so với lúc học. Nhìn chung ông rất hiếm khi khen ngợi con, vì theo ông nếu lạm dụng lời khen sẽ không có hiệu quả. Vì thế khi con học tốt, ông chỉ nói: “A, con làm tốt đấy!”. Nhưng khi Witte con làm được việc thiện, ông sẽ ca ngợi “Chà, con làm tốt quá. Chắc rằng ông Trời sẽ vui mừng lắm đây!” Nếu là việc đặc biệt tốt, ông sẽ ôm hôn con, nhưng việc đó đặc biệt hiếm, và đối với Witte con đó là thứ hết sức giá trị. Bằng cách đó ông làm cho Witte con cảm nhận được niềm vui khi làm việc thiện. Quan điểm của ông là nếu khen thái quá sẽ khiến con sinh ra kiêu ngạo, mà nếu còn nhỏ đã tự phụ thì khi lớn lên sẽ không khá được. Việc ông dạy cho con rất nhiều thứ, nhưng ông không bao giờ nói rằng đây là Hóa học, đây là Vật lý, cũng là để tránh cho con sinh ra kiêu ngạo, hóm hĩnh. Gần đây trên Nhật báo Asahi Tokyo có viết bài “Thần đồng nước Mỹ đã đến” với nội dung: “Thần đồng được đánh giá cao nhất từ trước đến nay của nước Mỹ - Pretoris Luis Wiramood (8 tuổi) cùng cha mẹ sẽ cập cảng Yokohama vào sáng ngày 12 tháng 9. Cô bé này đã vào học trường Trung học nữ sinh khi mới 7 tuổi và hiện đang học năm thứ 2. Mục đích của chuyến đi lần này là để các nước trên thế giới biết đến như là một thần đồng, dự định sẽ tới Nhật Bản, Trung Quốc, Đức và các nước Âu Mỹ khác”.

Đọc những dòng trên, tôi thấy cha mẹ của cô bé này thật khác xa với cha của Witte. Đây chẳng phải chính là sự hủy hoại thần đồng hay sao? Trên đời này không có gì đáng sợ hơn là tính tự phụ. Dù là nhân tài hay thiên tài thì cũng sẽ bị hủy hoại. Tôi đọc cuốn “Giáo dục Karl Witte, cũng đọc cả cuốn “Những nhà giáo dục tốt nhất của thế giới tương lai”, nhận thấy Witte cha quả là đã rất lao tâm khổ tứ để tránh cho con khỏi sinh ra tính tự phụ. Ông không chỉ hạn chế khen ngợi con, mà còn tránh cả việc để người khác khen ngợi. Khi người ngoài khen Witte, ông sẽ đưa con ra khỏi phòng để khỏi phải nghe. Và một khi đã đề nghị mà vẫn không được, ông sẽ đoạn tuyệt không đến nhà đó nữa. Ông làm việc này quyết liệt đến mức nhiều khi người khác không hiểu và có những lời bình phẩm không hay. Khi Witte con lớn hơn một chút, ông dạy: “Tri thức thì có thể nhận sự khen ngợi của người

khác, còn làm việc thiện sẽ được Trời ban thưởng. Những kẻ vô học trên thế gian này rất nhiều, và những kẻ đó, vì bản thân mình không có tri thức nên hẳn thấy người có tri thức thì ra sức tán tụng vô lối. Nhưng, lời tán thưởng của nhân gian nói chung rất dễ thay đổi, dễ có được mà cũng dễ mất. Còn phần thưởng của ông Trời có được là do việc thiện tích tụ lại mà nên, vì thế sẽ rất khó để đạt được, nhưng sẽ là thứ vĩnh viễn không thay đổi. Bởi vậy không nên mê muội với những lời tán tụng của nhân gian. Người nào mà vui mừng với những lời tán tụng thì cũng sẽ buồn phiền vì những lời cay độc, và chỉ có kẻ ngốc mới phải bận tâm về miệng lưỡi người đời. Con người ta, dù có học rộng đến đâu, so với ông Trời thì chỉ là muối bỏ bể, và người nào mà bằng lòng với hạt muối tri thức của mình thì sẽ thật đáng thương.” Nói những điều này, ông mong muốn Witte con sẽ không mắc phải thói tự phụ. Đây thực sự là một điều khó khăn, nhưng ông đã thành công tốt đẹp.

Mill bắt đầu học tiếng Latin từ 8 tuổi, đến năm 12 tuổi Mill đã đọc hầu hết các tác phẩm nổi tiếng của Hy Lạp và La Mã. Cũng từ thời kỳ này ông bắt đầu học đại số và hình học để học được hai môn này ông bắt đầu học vi phân, tích phân của toán học cao cấp. Mill đọc rất nhiều sách bằng tiếng mẹ đẻ. Khoảng 13 tuổi Mill bắt đầu đọc sách khoa học, tuy nhiên những môn khoa học mà Mill đã học chỉ là sự nghiên cứu lý thuyết. Mill học hầu hết từ sách. Mặc dù vậy, bất kỳ ai cũng phải sửng sốt với số lượng sách khổng lồ mà Mill đã đọc trong thời niên thiếu.

Cuộc sống của Mill cứ duy trì như vậy cho đến khi ông được 14 tuổi. Theo lời kể của Mill thì Cha Mill đã ngừng sự dạy dỗ của mình khi Mill được 14 tuổi. Bởi vì năm 14 tuổi Mill rời nước Anh đến Pháp trong khoảng 1 năm. Khi quay trở về Anh, Mill bắt đầu tự học, khoảng năm thứ 3, thứ 4 cấp trung học cơ sở Mill có thể tự học mà không cần đến sự hướng dẫn của bất kỳ thầy giáo nào. Mill đã viết về điều đó như sau “Từ thời niên thiếu tôi đã được học những tri thức đỉnh cao. Có thể mọi người nghĩ rằng cha tôi đã rất lao tâm khổ tứ trong việc dạy dỗ tôi nhưng thực tế hoàn toàn không phải vậy. Tôi đã tiếp thu những tri thức đó một cách hết sức đơn giản. Dựa vào điều này chúng ta có thể thấy rằng, những đứa trẻ có thể tiếp thu một lượng kiến thức đáng kinh ngạc trong thời thơ ấu của mình. Do đó tôi cho rằng chúng ta chỉ dạy một chút tiếng Latinh và Hy Lạp cho bọn trẻ ở các trường học như hiện nay là sự lãng phí rất lớn về thời gian. Nếu tôi có năng lực tiếp thu và ghi nhớ của một thiên tài thì những gì tôi vừa nói sẽ không đúng. Nhưng tôi lại là người có khả năng tiếp thu chậm hơn bình thường. Tôi khẳng định, những đứa trẻ có sức khỏe và năng lực tiếp thu bình thường hoàn toàn có thể học được những gì tôi đã học. Nếu tôi có được một

thành công nào đó thì đều nhờ vào sự giáo dục từ sớm của cha tôi. Sự giáo dục từ sớm của cha tôi, giúp tôi trưởng thành nhờ có được lượng kiến thức nhiều hơn người khác đến 25 năm.

Sự giáo dục từ sớm của cha tôi có những ưu điểm hết sức quan trọng. Những ưu điểm đó mang lại cho tôi rất nhiều lợi ích. Đa phần những thanh thiếu niên chỉ ghi nhớ kiến thức vì vậy họ không thể phát triển tư duy của mình được một chút nào.

Hơn nữa, họ cũng chỉ thụ động nhớ ý kiến của người khác nên đã tự mình làm thui chột đi khả năng đưa ra ý tưởng. Rất nhiều đứa trẻ, con của những người cha ưu tú, thường là bản sao của cha mình tự họ không phát triển hơn được. Nguyên nhân là do người cha khi dạy con đã trao cho con mình những suy nghĩ tinh túy nhất của bản thân. Tuy nhiên, tôi đã được giáo dục không theo kiểu như vậy, Cha tôi không theo chủ nghĩa nhồi nhét kiến thức. Ông dạy tôi sao cho tôi có thể tư duy như ông, hoặc tự bản thân tôi phải có những tư duy vượt trội cha mình. Cha tôi cho rằng hãy suy nghĩ thì sẽ hiểu được, Ông thường bảo “Tự suy nghĩ xem sao” và quyết không dạy khi tôi chưa đưa ra được suy nghĩ của chính mình. Tuy nhiên tôi lại là người không thành công ở điểm này, những lúc như vậy cha tôi đưa ra rất nhiều câu hỏi gợi ý, sau cùng mới bắt đầu giải thích. Dù vậy cách dạy của cha vẫn có chỗ khó khăn đối với tôi.

Ví dụ lúc 13 tuổi, khi tôi dùng từ Quan niệm, cha đã hỏi quan niệm là gì, tôi giải thích theo suy nghĩ của mình nhưng như thế này cũng không phải như thế kia cũng sai và cha tôi đã rất bực mình về điều này. Hoặc thỉnh thoảng khi ngẫu nhiên tôi nói “Về mặt lý luận thì chính xác nhưng thực tiễn cần chỉnh sửa ít nhiều” Cha liền hỏi lý luận là gì? Giải thích đi! Tôi đã giải thích rất nhiều bằng suy nghĩ của mình, nhưng đối với đứa trẻ 13 tuổi thì đây chẳng phải là điều dễ dàng. Lúc đó cha tôi cũng cực kỳ bực mình. Cuối cùng cha cũng giải thích cho tôi ý nghĩa của từ lý luận như sau “Thật ra lý luận và thực tiễn không phải là hai vấn đề tương phản. Vì vậy khi nghĩ nó như là sự tương phản thì chẳng hiểu gì về ý nghĩa của từ lý luận cả. Cũng có những người dùng từ lý luận nhưng không hiểu nghĩa của nó, những người như vậy là người vô học.” Nhưng tôi nghĩ điều này thật vô lý. Đây là những điều mà đứa trẻ 13 tuổi không dễ gì hiểu được. Tuy nhiên, tôi cũng nghĩ nếu đứa trẻ không được yêu cầu những điều ngoài khả năng của nó thì chúng không thể phát huy hết năng lực của mình.”

XVI.

Phần này kể chuyện về việc người ngoài đến thử Witte con, nói chung là không quan trọng.

XVII.

PHƯƠNG PHÁP giáo dục của Witte cha, như ông đã nói, là để tạo ra một con người tài đức vẹn toàn, đồng thời sức khỏe cũng phải tối ưu. Vì thế, giáo dục tri thức, nhân cách, thể chất, đều được coi trọng. Tuy nhiên, trong sách của ông không có ghi chép về việc giáo dục thể chất nên mọi người cũng không biết chính xác. Chỉ thấy hình như 2 cha con có cùng nhau đi bộ quanh làng, leo núi và đi bộ ra cả thành phố. Không thấy đề cập đến bơi lội, tennis hay cưỡi ngựa. Nhưng rõ ràng Witte cha rất chú ý đến vấn đề sức khỏe, và Witte con là một cậu bé khỏe mạnh, nhanh nhẹn, đến cuối đời vẫn duy trì một thể lực tốt.

Witte cha còn cho rằng, tri thức, nhân cách, thể lực, thì chỉ dạy thôi vẫn chưa đủ, mà còn phải truyền thụ được cảm hứng vào trong đó, làm sao để tạo cho việc dạy và học trở nên thú vị. Để làm điều này, ông đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng, bắt đầu từ ngôi nhà. Trong nhà ông không có cái gì là không thú vị. Ông cũng rất coi trọng sự hòa hợp của ngôi nhà. Giấy dán tường phải là loại giấy khiến người ta cảm thấy dễ chịu, trên đó treo những bức tranh vui chơi giải trí. Đồ vật trong nhà cũng thế, không có cái nào là không có hoa văn trang nhã, và nếu là thứ được tặng nhưng không hòa hợp với các đồ vật khác trong nhà thì ông nhất định không dùng. Trang phục cũng vậy. Ông đặc biệt tẩy chay những thứ lòe loẹt, hoa hòe hoa sói, chỉ dùng những thứ giản dị mà vẫn quý phái. Tiếp đến là những thứ xung quanh nhà. Ông trồng nhiều loại hoa tao nhã, để sao cho từ đầu mùa xuân đến cuối mùa thu luôn có hoa nở, và ở đây mọi thứ cũng phải hòa hợp nhịp nhàng.

Đặc biệt, nhờ sự bồi dưỡng cảm hứng văn học của cha, Witte con có khả năng cảm thụ thơ ca sâu sắc, bản thân cũng biết làm thơ từ sớm. Nhìn vào cuộc đời Witte con, học vị đầu tiên là tiến sĩ Toán học, sau trở thành một giảng viên luật học, ngoài ra lại có những nghiên cứu rất giá trị về Dante,..., ta có thể thấy rằng đây là một người rất đa tài, rất toàn diện. Witte cha cũng chú ý cả đến việc giáo dục nhân tính cho con. Có lần, khi Witte con 3 tuổi, trong nhà hôm đó lại có nhiều khách đến chơi. Trong lúc Witte đang nói chuyện với họ thì có một con chó chạy đến, cậu bèn túm lấy đuôi nó và ra sức kéo về phía mình. Ngay lập tức, Witte cha túm lấy tóc của con giật mạnh, với một bộ mặt rất dễ sợ. Witte con rất ngạc nhiên, và buông tay ra, Witte cha cũng buông tay. Ông nói “Karl, con cũng muốn bị làm như thế à?”

“Không a” , “Thế thì, con chó đó cũng không phải để làm những việc như vậy!”. Nói rồi, ông đuổi con ra khỏi phòng. Đó vừa là một hình phạt, vừa là cách để tránh cho những người khác có thể nói thêm về hành vi của Witte con, vì chắc chắn họ sẽ nghĩ rằng hành động này là phi giáo dục. Với cách giáo dục của này, Witte cha muốn con biết đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để suy nghĩ và hiểu họ, lớn lên sẽ trở thành người nhân ái, có tình thương sâu sắc. Trên thực tế, Witte con quả thực là người rất nhân hậu, biết cảm thông, biết yêu thương không chỉ con người mà ngay cả chim muông, cây cỏ.

XVIII.

Nhờ những nỗ lực của cha và sự phấn đấu của bản thân, đến khi 7 tuổi rưỡi Witte con đã có những tiến bộ vượt bậc trong học tập, xa gần đều biết. Nhiều người tìm đến để thử sức và ai nấy đều phải trầm trồ thán phục, tiếng tăm của cậu bé ngày càng lan rộng. Năm 1808, một vị giảng viên ở Melzeblehi tên là Rant Fort, với mong muốn khích lệ học sinh của mình, đã tìm đến và đề nghị được thử tài của Witte con trước mặt các học sinh.

Ban đầu, Witte cha từ chối vì sợ rằng điều đó có thể khiến con trở nên kiêu ngạo, nhưng sau khi suy nghĩ lại ông đã đồng ý với điều kiện tất cả những người có mặt đều không được thốt ra một lời khen ngợi nào. Giảng viên Rant Fort mời hai cha con Witte đến trường học, vừa lúc vào giờ dạy tiếng Hi Lạp, là môn học tương đối khó. Rant Fort đề nghị Witte con làm thử mấy câu khó, ngay lập tức cậu bé làm hết dễ dàng, ngoài ra còn trả lời trôi chảy những câu khác. Các môn tiếng Latinh, tiếng Pháp, lịch sử Hi Lạp, Toán học,..., tất thảy Witte con đều làm rất tốt, khiến tất cả đều ngạc nhiên và thán phục. Năm đó cậu bé mới 7 tuổi 9 tháng. Mấy ngày sau trên báo đăng một bài về Witte con với nội dung như sau: “Đã có một sự kiện gây chấn động ngành giáo dục đương thời bởi một cậu bé rất nhanh nhẹn hoạt bát, không hề có dấu hiệu già trước tuổi, đặc biệt lại không hề kiêu căng tự phụ, thậm chí hoàn toàn không ý thức về tài năng của mình. Cậu bé đó là Karl Witte, con trai duy nhất của mục sư Witte vùng Rohyo.

Phương pháp giáo dục được áp dụng cho cậu bé đã đạt được sự lý tưởng cả về tinh thần và thể chất, và chắc hẳn là rất lý thú, song đáng tiếc lại không được cha cậu kể lại tỉ mỉ.” Bài báo ra đời ngay lập tức được truyền tới độc giả, và tên của Witte trở nên nổi tiếng khắp cả nước. Lại thêm nhiều người từ nhiều nơi tìm đến thử tài Witte, và không ai là không thán

phục, trong đó có một vị giáo sư của trường Đại học Raipusichi, ông tha thiết đề nghị Witte cha cho con đến đó học. Ông viết: “ Karl Witte, con trai Tiến sỹ - Mục sư Witte, mới chưa đầy 9 tuổi, nhưng đã có kiến thức không thua kém những thanh niên 18, 19 tuổi hiện này. Đó chính là thành quả chính đáng của việc giáo dục từ sớm mà cha cậu đã áp dụng. Cậu bé có thể dịch thơ văn tiếng Pháp, Italia, La tinh, Anh và Hi Lạp rất có hồn. Các học giả đều phục tài cậu. Trước mặt Quốc vương, cậu cũng đã thể hiện một kiến thức khổng lồ về Lịch sử, Địa lý, Văn học từ cổ điển đến hiện đại. Điều ngạc nhiên là sức khỏe của cậu bé hoàn toàn khác với các Thần đồng, cậu đặc biệt nhanh nhẹn, hoạt bát. Cũng không như nhiều Thần đồng, cậu hoàn toàn không có tính tự phụ. Đây thật là một cậu bé kỳ lạ. Nếu sau này được tiếp tục giáo dục tốt, chắc hẳn kết quả sẽ không thể nói hết được.

Nhưng cha cậu chỉ là một người dân quê với thu nhập thấp, vì thế việc học của cậu sau này sẽ tương đối khó khăn. Cho đến nay, cha cậu là người dạy dỗ cậu, nhưng sau này sự giáo dục đó sẽ không theo kịp nữa. Nguyên vọng của cha cậu là chuyển cả gia đình lên thành phố trong thời gian khoảng 3 năm học đại học, nhưng với tình trạng kinh tế hiện giờ thì không thể thực hiện được. Vì vậy tôi viết bài báo này để mong độc giả quan tâm giúp đỡ. Nếu có 4 mác mỗi năm, cậu bé tài năng này có thể tới Raipusichi để theo học một trường Đại học xứng đáng. Đây thực sự là một nghĩa cử cao đẹp, và tôi tin nó sẽ không vô nghĩa. Sau này, Tiến sỹ Witte có thể sẽ truyền đạt lại những gì mình có được cho những trẻ khác, và sự nghiệp giáo dục của chúng ta sẽ được cải thiện. Tôi hi vọng độc giả sẽ ủng hộ.”

Hiệu quả của bài báo rất lớn, không những một năm được 4 mác, mà hai cha con được hứa tài trợ 8 mác. Không những thế, họ còn được chu cấp một khoản tiền đủ dùng cho 2 người và có thể khởi hành ngay., Để được sự cho phép của Quốc vương, hai cha con tới Karcel. Đúng như đã lo lắng, Quốc vương không phải là vua Prosia mà là vua West Falia, Jemom (con trai thứ 2 của Napoleon). Năm 1807, dưới thời Napoleon, phía Tây sông Elbe là phần của vua West Falia, vì thế vùng Rohyo và Hale thuộc quyền quản lý của vị vua này. Chính trị là sự pha trộn giữa người Pháp và người Đức. Khi 2 cha con tới Karcel thì Quốc vương đi du lịch, họ đã gặp một vị quan là Raist, người này cũng thử tài Witte con và rất ngạc nhiên. Sau khoảng 3 giờ thi cử, ông thấy rằng việc để 1 nhân tài như thế đi ra nước ngoài là điều rất đáng tiếc, vì vùng Raipusichi là địa phận của Sacsonia. Ông cũng hỏi Witte cha rất nhiều về phương pháp giáo dục, và sau cùng đề nghị 2 cha con sẽ không đi Raipusichi mà dừng lại ở trong nước.

Hôm sau 2 cha con được mời dự tiệc buổi tối với các quần thần và mọi người đều hài lòng với Witte. Quốc vương cũng không muốn 2 cha con không đi Raipusichi mà ở lại học tại Đại học Hale hoặc Gechingen. Nhưng Witte cha, vì muốn đáp lại tấm lòng của người dân Raipusichi nên đã từ chối. Không được phép của Quốc vương, họ phải tạm thời dừng lại ở Rohyo để đợi. Ngày 29 tháng 7 năm đó, trong triều đưa tới một bức thư trong đó đưa ra quyết định sẽ tài trợ cho Witte con mỗi năm 6 mác để theo học trường ĐH Gechingen.

XIX.

Vì lý do đã nói ở trên, mùa thu năm đó Witte con bắt đầu nhập học trường ĐH Gechingen và học tại đây 4 năm. Trong thời gian này cậu đã học được rất nhiều. Học kỳ 1 là về Vật lý học và lịch sử cổ đại, học kỳ 2 là Số học và thực vật học, kỳ 3 là Toán học ứng dụng và Lịch sử tự nhiên, kỳ 4 là Hóa học và Giải tích, kỳ 5 là Lượng giác và Hóa học thực nghiệm, kỳ 6,7,8... Trong thời gian đầu đi học, Witte cha cũng đi cùng để chăm sóc, vì lúc đó cậu vẫn còn khá nhỏ.

Cuộc sống của Witte ở trường ĐH khá dư thừa thời gian. Một cậu bé tầm 10 tuổi cùng với những thanh niên 20 tuổi, tưởng rằng sẽ hụt hơi, thực tế lại rất thư thả. Cậu vẫn có thời gian vận động, vui chơi. Witte thường hay ra ngoài sưu tập động thực vật, vẽ tranh, chơi piano và cả dancing. Ngoài những bài giảng, cậu vẫn không quên nghiên cứu về ngôn ngữ học cổ điển và hiện đại. Mùa xuân năm 1811, khi gần hết học kỳ 2, Witte cha kể lại: “Vào kỳ nghỉ lễ Phục sinh, tôi đưa con đi Du lịch. Điều này khiến mọi người rả ngạc nhiên. Họ đã nghĩ tôi sẽ nhân cơ hội này để giúp con ôn tập miệt mài trong thư viện. Thực tế là có một người bạn đã khuyên tôi như vậy, nhưng tôi bảo: Nếu muốn con tôi thành con rỗi thì tôi sẽ làm như vậy. Nhưng mục đích của tôi không phải là biến con thành con rỗi. Hơn nữa sức khỏe và tầm nhìn của con tôi quan trọng hơn học vấn. Thời gian cho việc học như thế là đủ rồi.”

Witte cha rất chú ý đến sức khỏe của con. Vào những ngày thời tiết khô ráo, ông rất khuyến khích con ra ngoài vận động, vào ngày mưa nhỏ hoặc có tuyết, 2 cha con chỉ đi dạo. Trời lạnh thì hiếm khi thấy họ trên đường.

Mùa hè năm thứ 2, tức là khi học kỳ 2 kết thúc, Quốc vương Jemom tới thăm trường ĐH Gechigen. Quốc vương đi dạo quanh trường, tình cờ dừng lại ở bách thảo. Lúc này Witte con đang học Thực vật học cùng với các học sinh khác. Thấy Witte ông vui vẻ gọi lại nói chuyện, động viên 2 cha con cố gắng, ông sẽ trợ giúp bất kể đến khi nào. Mùa xuân năm 1812, sang kỳ học thứ 5, ở tuổi 12, Witte con viết luận văn về các đường xoáy ốc và được nhiều lời khen ngợi. Trong luận văn này, cậu đã đưa ra những phát biểu của mình về việc dùng những đạo cụ có rãnh rất tiện lợi.

Học kỳ thứ 7 là thời kỳ chính trị đảo lộn, Witte có viết một cuốn sách về tam giác thuật, nhưng không xuất bản ngay mà phải đến năm 1815, khi cậu đã rời trường Gechigen tới ĐH Haidelbelh, mới được xuất bản. Trong năm 1813, Witte cha nhận được lời hứa tài trợ cho việc học của con từ phía Quốc vương thêm 4 năm nữa. Nhưng từ khi viễn chinh nước Nga thất bại, thế lực Napoleon suy yếu, cùng với việc bại trận tại Raipusichi tháng 10 năm đó, Quốc vương West Falia qua đời. Chính phủ West Falia tách làm 3: Hanowear, Branswick, Hessen với 3 lời đề nghị cho Witte. Chính phủ West Falia vốn một nửa là người Đức, vì quá sa đà vào chiến tranh nên nơi nào cũng thiếu tiền, hoàn toàn không phải lúc mà người ta có thể dễ dàng mở hầu bao. Thế nhưng, học phí của Witte lại được cả 3 chính phủ đề nghị chi trả, như vậy có thể thấy rằng tài học của cậu đã được thừa nhận. Kỳ thứ 8 tại trường ĐH Gechigen, 3 chính phủ này đã cùng chi trả.

Tháng 4 năm sau đó, Witte đi Du lịch Wettlar, tới thăm trường ĐH Gisen và rất được hoan nghênh. Các giáo sư trong trường nói chuyện rất nhiều với cậu về về học tập (đặc biệt là về giá trị của luận văn đã công bố). Hiệu trưởng của trường đã trao cho cậu học vị Tiến sĩ triết học. Sau đó cậu tới ĐH Marbelh và cũng được chào đón nhiệt tình, chắc hẳn nếu trước đó cậu chưa ghé qua ĐH Gisen thì cũng sẽ được tặng bằng khen ở đây. Như đã nói, học phí của Witte kỳ thứ 8 tại ĐH Gechigen được 3 chính phủ chi trả. Khi hai cha con đi tới Branswick để nhận, họ đã gặp nhà cầm quyền ở đó, và sau khi tiếp xúc, người này nhiệt tình khuyên cha con Witte tới Anh quốc. Ông hứa sẽ sẵn sàng tiễn cử họ với người thân của mình, đồng thời sẽ chi trả toàn bộ học phí.

Cũng với lý do trên, cha con Witte tới Hanowear, ở đây, Witte, 14 tuổi, được mời đứng ra thuyết trình tại giảng đường của một trường Trung học lớn về đề tài Số học và đã rất thành công. Sau buổi hôm đó, chính phủ quyết định trả nhiều hơn số tiền học phí đã hứa, đồng thời cũng đưa ra đề nghị du học Anh.

Kết thúc học kỳ 8, Witte cha đã suy nghĩ rất nhiều về tương lai của con. Nếu muốn nhanh chóng trở nên nổi tiếng, thì tốt nhất là nên dừng lại để tập trung vào 1 trong số các phương diện đã học. Nhưng như vậy thì sẽ lại trở thành học giả, tức là chỉ được 1 phía. Nghĩ đến những thứ Witte con phải học vẫn còn rất nhiều, ông lại muốn cho con học Luật. Làm giảng viên Toán cũng rất hay, nhưng phải đến 18 tuổi, từ giờ đến lúc đó phải tiếp tục mở mang kiến thức, nếu đến 18 tuổi mà vẫn thích Toán học hơn cả thì sẽ theo nghiệp đó. Với suy nghĩ như vậy, ông cho con theo học ĐH Haidelbelh, 2 năm sau Witte có học vị Tiến sĩ Luật học. Thời gian đó, Quốc vương Prosia có đề nghị cho Witte đi du học tại Italia, nhưng Witte cha thấy con mình tuổi còn nhỏ nên đã từ chối, đến năm 1818, khi đủ 18 tuổi, Witte bắt đầu tới nước Ý.

XX.

Nói về sức khỏe của Witte, từ nhỏ đến lớn đó luôn là một người rất khỏe mạnh, cả tinh thần và thể lực đều rất tốt. Witte cũng không phải người suốt ngày ngồi ở bàn học, ngược lại thời gian ngồi ở bàn rất ít, việc vận động và vui chơi ở ngoài lại khá nhiều. Vì Witte được giải thích cho biết nguyên cơ của mọi sự việc từ sớm, nên khác với trẻ khác, không có gì cậu nghe mà không hiểu. Witte lại sáng dạ, nên những trẻ khác rất thích chơi cùng. Và mặc dù hiểu biết hơn người nhưng Witte không bao giờ tỏ ra kiêu ngạo, coi thường người khác, nên bạn bè rất quý mến.

Từ xa xưa đã có câu nói “Học giả thì chỉ biết chúi mũi vào học”, nhưng Witte không phải là con một sách khô khan mà luôn luôn mang lại sự vui vẻ thoải mái cho người khác. Nhân cách Witte, dù trên cương vị học giả hay là người bình thường, đều rất hoàn thiện.

Chương 4: Thiên tài được sinh ra như thế nào?

I.

“Giả sử ta có 2 con chó. Chúng được sinh ra từ cùng một mẹ, được nuôi dưỡng và dạy dỗ như nhau. Nhưng 1 con thì rất thông minh nhanh nhẹn, 1 con lại ngốc nghếch chậm chạp. Điều này hoàn toàn là bẩm sinh.”

Đây là một ví dụ được tác giả Riso đưa ra trong cuốn Emil. “Có 1 con ngựa có 2 thân, tương ứng với 2 cái đầu. Một cái đầu được trao cho 1 người nông dân tham lam. Người này ngay lập tức sử dụng nó để kiếm tiền, và kết quả ko thu được là bao. Cái đầu còn lại được trao cho 1 người nông dân khôn ngoan dạy bảo, sau trở thành một con ngựa rất có ích.” Đây là nội dung truyện ngụ ngôn Pestamotch.

Hai câu chuyện này đại diện cho hai quan điểm về phẩm chất và hoàn cảnh. Người thứ nhất đề cao phẩm chất thiên phú, cho rằng số phận con người được thế nào là do ông Trời ban cho, không phụ thuộc vào hoàn cảnh. Người thứ hai thì ngược lại, cho rằng hoàn cảnh là yếu tố quan trọng hơn. Từ xưa đến nay phần lớn có ý kiến giống như Riso, chỉ có rất ít người có suy nghĩ như Pestamotch.

Người tiên phong có quan điểm giống như Pestamotch là Elvecius. Ông này cho rằng trẻ con sinh ra hoàn toàn giống nhau, việc chúng trở thành thiên tài, nhân tài, người bình thường hay kẻ dốt nát, đều là do môi trường sống, đặc biệt là môi trường sống những năm đầu đời, tạo nên. Ông phủ nhận hoàn toàn sự khác biệt về tố chất.

Witte cha có vẻ là người đã tiếp thu tư tưởng của Elvecius, tuy nhiên ông tiến bộ hơn ở chỗ không phủ nhận giá trị của tố chất. Ông cũng được cảm hóa bởi quan điểm Pestamotch, điều này thể hiện rất rõ trong phần đầu cuốn sách của ông: “Độc giả có thể nghĩ rằng cuốn sách của tôi viết ra để cho những nhà giáo dục tham khảo, nhưng không phải như vậy. Những nhà giáo dục coi tôi như kẻ thù, có muốn viết cho họ tham khảo cũng không được. Từ trước đây rất lâu tôi vẫn nói rằng, giáo dục tốt có thể khiến cho 1 đứa trẻ bình thường trở nên phi phạm. Và, kết quả sự giáo dục của tôi là con trai tôi đã trở thành người đúng như thế. Điều này khiến cho những người khác đặt câu hỏi, rằng các nhà giáo dục tại sao lại không dạy dỗ các học trò của mình như Witte, phải chăng họ không có năng lực? Đòi hỏi này là vô lý, và tôi đã cố làm rõ ngay từ đầu nhưng vô hiệu. Vì tôi mà những nhà giáo dục bị cho là bất tài, cho nên họ có coi tôi như kẻ thù thì cũng là dễ hiểu. Trên thực tế, nếu giáo dục trong gia đình mà không tốt, thì dù các nhà giáo dục có tài giỏi bao nhiêu cũng không thể có hiệu quả được.

Vậy tại sao tôi lại công bố cuốn sách này? Là vì những người ghét tôi dù có rất nhiều, nhưng những người ủng hộ tôi cũng không ít. Đó là những người bạn luôn tin tưởng đồng viên tôi trong suốt thời gian qua, từ đáy lòng mình tôi rất biết ơn họ. Chính họ đã rất khuyến khích và mong mỏi tôi công bố phương pháp giáo dục của mình. Tôi không cam đoan

PHƯƠNG PHÁP giáo dục của tôi nếu được áp dụng sẽ mang lại thành công giống như tôi. Ngoài ra, cũng không phải mọi đứa trẻ đều cần được giáo dục như con tôi. Nhưng tôi tin rằng phương pháp của tôi nếu được áp dụng với bất kỳ ai, ít nhiều cũng sẽ mang lại hiệu quả.

Pestamotch là người đầu tiên thừa nhận phương pháp giáo dục của tôi, cho rằng tôi chắc chắn sẽ thành công. Ông cũng là người khuyên tôi công bố cuốn sách. Giáo sư Julian ở trường ĐH Bali cũng khuyên như vậy. Khi tôi quyết định viết sách cũng đúng là lúc tôi nhận được thư của Pestamotch: “Tôi nhớ 14 năm trước, anh đã từng nói về vấn đề giáo dục ở Bufza. Hồi đó anh nói sẽ áp dụng phương pháp giáo dục đặc biệt của mình để đạt hiệu quả tốt nhất cho con, nay đã 14 năm trôi qua, tôi thấy con trai anh đã vượt xa cả dự định ban đầu. Nhưng có nhiều người không biết điều đó, họ nghĩ con trai anh sinh ra đã như thế rồi chứ không phải là thành quả giáo dục của anh. Nhân dịp này anh hãy công bố phương pháp của mình, chắc chắn nó sẽ có ích cho nhiều trẻ em khác. Tôi nghĩ đây là một việc nên làm và tôi tha thiết mong anh hãy nhanh chóng thực hiện.”

Tuy nhiên, đáng tiếc là ngày nay vẫn rất ít người có suy nghĩ như Witte cha. Cho dù giá trị của giáo dục cũng đã được thừa nhận nhưng tôi cho rằng nó vẫn chưa được nhận thức đầy đủ.

II.

Chúng ta biết rằng, Sir Francis Galton, là người khởi xướng học thuyết ưu sinh. Ông cho rằng năng lực trí tuệ là dựa trên những yếu tố thể chất và thực sự là những đặc tính di truyền, cũng như màu mắt hay nhóm máu. Vì thế những người thông minh và khỏe mạnh nên được đối xử tốt, trả lương cao, và nên khuyến khích họ có nhiều con cái. Còn những người chẳng ra gì nên được đối xử tử tế miễn là họ phải chịu khó làm việc và ở độc thân, không kết hôn.

Học thuyết đó đưa ra ví dụ sau: Cách đây hơn 200 năm, ở Mỹ có một nhà bác học đa tài Jonathan Edwards, một nhà thần học, triết học, nhà thuyết giáo nổi tiếng nhất trong cộng đồng Tin lành. Con cháu ông hiện đã đến đời thứ 7, 8. Trong số đó Hiệu trưởng các trường ĐH có 13 người, giảng viên ĐH hơn 100 người, sáng lập viên ĐH 14 người, Bác sỹ hơn 60 người, Mục sư hàng trăm người, Quân nhân 75 người, Nhà văn hơn 80 người, Phó tổng thống

1 người, Đại sứ 1 người, Thượng hạ viện hơn 20 người, Chủ bút các báo và tạp chí 18 người. Có thể nói đây là dòng họ cực kỳ thành đạt.

Cũng khoảng 200 năm trước, có một người nghiện rượu là Marks Juke, con cháu cũng được 7,8 đời. Trong số đó nghèo khổ thiếu ăn hơn 300 người, phạm tội bị tử hình 7 người, cướp bóc trộm cắp 63 người, chết và tàn phế vì nghiện rượu hơn 400 người, bị đưa vào trại giáo dưỡng 50 người. Số người sống bình thường có khoảng 20 người, nhưng 10 người trong số đó làm việc trong các nhà tù.

Trong thuyết ưu sinh có rất nhiều các ví dụ tương tự như vậy, qua đó có thể thấy rõ ràng là vấn đề di truyền rất được coi trọng. Ta lại xem đến 1 ví dụ khác: Ở New York có 1 hiệp hội tương trợ trẻ em (Children's Aid Society) chuyên nuôi dưỡng các trẻ em nghèo, trẻ em bị bỏ rơi, cô nhi. Nhưng hội này có cách làm khác với cô nhi viện. Với phương châm là những đứa trẻ này phải được giáo dục tốt trong những gia đình tốt, chúng được cho làm con nuôi cùng với một số tiền tương ứng tại những gia đình đã được lựa chọn chu đáo. Hội này đến nay đã có lịch sử hơn 50 năm, những trẻ em được cho làm con nuôi khoảng 28000 trẻ. Chúng hầu hết là con của những người bần hàn, khốn khổ, vì thế nếu nhìn từ quan điểm của thuyết ưu sinh thì sẽ không có triển vọng gì, nhưng thực tế chúng lại có thành tích rất tốt. Theo báo cáo gần đây, 7/8 rất thành đạt, trong đó có cả những người đứng đầu bang. Thống đốc Alaska cũng từng ở đó. Có người làm Thẩm phán cấp cao, có người làm Thị trưởng, có người làm Thanh tra tài chính bang, 2 người trong Hạ nghị viện, Ủy viên bang 9 người, quan chức chức trọng yếu hơn 20 người, Mục sư 24 người, Luật sư 35 người, Bác sỹ 19 người, Phóng viên 16 người, Chủ ngân hàng 29 người, giáo viên 86 người, Hiệu trưởng trường Trung học 7 người, Giảng viên ĐH 2 người, ngoài ra những người thành công trong nông nghiệp, thương nghiệp nhiều không kể xiết. Số còn lại cũng có những người bị trả về, có người chết, có người bỏ trốn, có người phạm tội, nhưng đó hầu hết là những trẻ được đưa vào hội khi đã khá lớn. Về cơ bản Hiệp hội này có những thành quả rất tốt.

Vậy nguyên nhân của thành công này là gì? Nói một cách đơn giản, đó là nhờ môi trường tốt và giáo dục tốt. Người đứng đầu bang Dacoda và thống đốc bang Alaska đã nói ở trên đều là con nhà nghèo và bị bố mẹ bỏ rơi được đưa về hội, sau ra làm con nuôi cho một gia đình nông dân, nhưng đều được hưởng nền giáo dục rất tốt. Một điều thú vị là mới đây, con cháu đời thứ 9 của Marks Juke trong ví dụ trước cũng được đưa vào hội và đã được một gia đình nhận nuôi. Hiện cậu bé 12 tuổi, đang học rất giỏi ở trường và được đánh giá là có nhiều triển vọng.

Đưa ra những ví dụ trên không có nghĩa tôi hoàn toàn phản đối thuyết ưu sinh. Tôi thừa nhận vai trò của di truyền. Nhưng nếu chỉ bám vào thuyết này và cho rằng vận mệnh con người cũng di truyền, phụ thuộc vào chủ yếu vào yếu tố thiên bẩm, coi nhẹ ý nghĩa của giáo dục, là một quan điểm sai lầm. Những trẻ em dù theo thuyết ưu sinh là không hề có triển vọng, nhưng nếu được giáo dục đúng cách ở một môi trường lành mạnh hoàn toàn có thể trở nên hết sức thành đạt. Tôi khẳng định Giáo dục có thể mang lại kết quả lớn hơn rất nhiều so với những gì người ta có thể tưởng tượng.

III.

Như đã trình bày trong phần đầu cuốn sách này, người dân Athene mặc dù số lượng ít nhưng lại rất nhiều thiên tài. Galton cũng đã thấy điều đó, và ông cho rằng người Hi Lạp là 1 dân tộc xuất chúng. Ông viết: Người Hi Lạp ưu tú hơn hẳn chúng ta (Âu Mỹ) như chúng ta hơn người châu Phi vậy. Thật đáng tiếc cho ông, khi nói về vấn đề thiên tài, ông đã không biết nhìn từ khía cạnh nào khác ngoài khía cạnh thiên bẩm. Vì thế ông, cũng như rất nhiều người, không thể nhận ra giá trị của giáo dục. Việc có nhiều thiên tài ở Athene, cũng có thể bởi vì đó là 1 dân tộc ưu tú. Nhưng, hơn thế nữa, đó là vì người Hi Lạp có tập quán giáo dục sớm. Nhưng Galton không chú ý đến điều này, do vậy quan điểm thiên tài của ông là không đầy đủ.

Galton đã đưa ra những ví dụ về thiên tài mang yếu tố di truyền, và ông tập trung vào lập luận theo hướng đó. Nhưng, những thiên tài do di truyền đặc biệt hiếm. Vấn đề đặt ra là tại sao lại như thế?

Theo thuyết ưu sinh, khả năng của con người cũng được di truyền, về lý thuyết là có thực. Nhưng sự di truyền của khả năng không giống như sự thừa kế tài sản. Tài sản là thứ hữu hình, còn khả năng là vô hình. Cái mà cha mẹ truyền cho con cái chính là khả năng tiềm tàng, nhưng nếu khả năng đó cứ để nguyên như thế sẽ không phát huy tác dụng. Những người theo thuyết ưu sinh cho rằng, khả năng tỉ lệ thuận với tổ chất. Nghĩa là, nếu tổ chất được 80, dù tốt xấu thế nào thì khả năng cũng sẽ được gần 80, nếu tổ chất là 60 thì sau cùng khả năng sẽ đạt

gần 60. Nhiều người lại cũng cho rằng, trẻ sinh ra mà tố chất ưu việt thì sớm muộn cũng thành thiên tài. Điều này là sai lầm. Thực tế nếu trẻ không được giáo dục đúng thì có khi chỉ phát huy được 1 nửa. Và, đối với 1 thiên tài, thì tố chất trời ban là quan trọng, nhưng quan trọng hơn là làm thế nào để phát huy tố chất đó.

Nói như vậy không có nghĩa tôi không thừa nhận yếu tố thiên bẩm của 1 thiên tài. Tôi thừa nhận, nhưng nếu chỉ có tố chất thôi chưa đủ. Tố chất đó phải được phát huy trọn vẹn. Đáng tiếc là trên đời này có rất nhiều người sẵn có tố chất, nhưng vì không được phát huy nên cuối cùng chỉ trở thành người bình thường. Thiên tài hiếm hoi chính là vì thế.

IV.

Moro, Ronblozo, Hagen, nói rằng thiên tài là một loại biến thể, cũng giống chứng bệnh tâm thần. Tôi thì không tin như vậy. Tôi tin vào thuyết của Gete, của Buffon. Buffon nói rằng, thiên tài là sự kiên nhẫn. Còn Gete nói, thiên tài là sự cần cù. Shobenhua lại nói, thiên tài là sự quên mình vì người khác. Ngoài ra tôi xin bổ sung thêm, thiên tài còn là lòng nhiệt huyết nữa. Tựu trung lại ta đã có hình ảnh của một thiên tài – một người nhẫn nại, cần cù, nhiệt thành, đầy đam mê, vị tha và giàu đức hi sinh.

V.

Không quan trọng – lan man.

VI.

Chúng ta hãy cùng quay trở lại vấn đề chính. Thiên tài, như đã đề cập ở trên, có một đức tính đặc trưng là sự say mê mãnh liệt và tập trung cao độ. Ta cũng thấy ở trẻ con từ khi còn ẵm ngửa thực ra không hề ngốc nghếch mà đã có khả năng tập trung và sự hứng thú với mọi vật. Điều này, những người thường xuyên quan sát kỹ trẻ con sẽ dễ dàng nhận thấy.

(Witte cha có viết về phương pháp của mình là khi thấy con tập trung chú ý vào cái gì thì thường hướng vào cái đó để nói). Thực tế trẻ con rất có khả năng tập trung, nếu ta nắm bắt

được “ngọn lửa nhiệt huyết” đó đúng lúc và kiên trì giúp trẻ phát triển thì kết quả thu được sẽ là sự phát huy tối đa năng lực, mà như thuyết Lạt-ma nói, là “nếu sử dụng thì sẽ phát huy”. Thiên tài được sinh ra chính là như thế.

Thế nhưng, tại hầu hết các gia đình, ngọn lửa của niềm hứng thú và nhiệt huyết của trẻ lại thường bị thổi tắt, chẳng khác nào bị dội một gáo nước lạnh, chẳng khác nào mầm cây mới nhú ra đã bị dẫm nát, cho nên việc thế giới khan hiếm thiên tài chính là bởi vì lý do đó. Ngọn lửa này, nếu như ngay từ đầu đã được trợ giúp và khuyến khích để phát triển theo đúng trình tự thì chắc chắn sẽ tạo ra một thiên tài, hay ít ra là một nhân tài. Đây chính là vấn đề của Giáo dục từ sớm.

Nhưng từ xưa đến nay, không có mấy ai áp dụng phương pháp Giáo dục sớm, vậy thiên tài do đâu mà có? Đương nhiên, một phần do họ thừa hưởng khả năng thiên phú dồi dào, và trong tuổi thơ của mình, họ không bị vùi dập nhiệt huyết kiểu dẫm nát mầm cây, họ là những người may mắn được phát triển đúng hướng. Có điều số đó cũng rất ít, và thiên tài trở nên giống như trò chơi xổ số, trong hàng ngàn vạn người mới có một. Còn nếu được giáo dục khôn khéo, sáng suốt, thì muốn có bao nhiêu thiên tài cũng được. Đó chính là sự cần thiết của giáo dục đúng cách.

Tuy nhiên, việc nắm bắt sự hứng thú mãnh liệt và sự tập trung cao độ của trẻ càng để lâu càng khó. Không những thế, sự phát huy khả năng tiềm tàng của trẻ cũng càng ngày càng giảm. Cho nên, giáo dục sớm và đúng lúc là hết sức cần thiết.

Còn một vấn đề nữa là về vấn đề lao động. Những người thợ trên công trường nước ta, một ngày họ lao động tới 18 tiếng, nhưng năng lực trí tuệ của họ không hề được phát huy chút nào. Chỉ có sự vui chơi thoải mái mới làm cho người ta dễ dàng phát triển. Vì vậy, tôi lưu ý độc giả rằng, không được bắt con mình lao động vất vả. *(hơi khó hiểu)*.

VII.

Như đã đề cập ở trên, trong phần lớn các gia đình, ngọn lửa của niềm hứng thú và lòng say mê của con trẻ thường bị người lớn dập tắt. Nhưng đôi khi có những niềm đam mê không dễ dàng bị vùi dập mà lại ngày càng bùng cháy, và thiên tài chính là từ đó mà sinh ra. Ngọn lửa nhiệt huyết ấy, một khi đã cháy lên rồi thì sẽ không thể nào dập tắt được. Trường hợp của

nhà soạn nhạc Hendel là một ví dụ. Cha ông có ý định cho ông theo học ngành luật, nhưng ngay từ lúc 5 tuổi Hendel đã có hứng thú đặc biệt với âm nhạc. Cha ông tìm đủ mọi cách để ngăn cấm, thậm chí còn không cho ông đến trường vì ở trường có dạy môn âm nhạc. Nhưng mọi biện pháp khi đó đều đã muộn, niềm đam mê âm nhạc của Hendel không cách gì có thể ngăn cản. Ông giấu cha mẹ mua một cây đàn spinet, buổi tối sau khi cả nhà đã ngủ say, ông trèo lên mái nhà và tập đàn trên đó. Trường hợp của Bach cũng tương tự như vậy. Anh trai Bach cũng là một nhạc sỹ, nhưng vì ganh ghét với em từ nhỏ nên không cho mượn các bản nhạc. Nhưng Bach không từ bỏ. Vào lúc đêm khuya, ông lấy trộm các bản nhạc của anh và chép lại dưới ánh trăng. Cuối cùng, cả Hendel và Bach đều trở thành những nhạc sỹ vĩ đại như mọi người được biết.

Chúng ta cũng thường thấy, con của nhạc sỹ lớn lên trở thành nhạc sỹ, con của học giả lớn lên thành học giả,...., đó là vì sống trong cùng 1 gia đình, trẻ dễ dàng được nhìn, nghe, và bắt chước. Trong thuyết ưu sinh thì lại đề cập đến vấn đề này theo quan niệm đó là yếu tố di truyền, nhưng như thế là không đúng. Nếu hàng ngày được nhìn, được nghe, trẻ sẽ có hứng thú. Khi đã có hứng thú thì sẽ hướng sự tập trung vào đó. Cha của nhà Toán học và Vật lý học Galilei cũng là một nhà Toán học, và Galilei cũng được tiếp xúc với Toán học từ nhỏ. Nhưng nhìn vào cuộc đời mình, Galilei-cha thấy rằng theo đuổi Toán học sẽ rất nghèo khổ, vì thế ông cố tránh để con theo nghiệp Toán. Nhưng ông nghĩ đến điều này sau khi ngọn lửa nhiệt huyết của Galilei-con đã bắt đầu được nhóm lên, vì thế những cố gắng dập tắt nó của ông đã là vô ích. Trường hợp của nhà thơ Tagore cũng giống như vậy, cha ông không muốn ông trở thành nhà thơ nhưng cuối cùng niềm đam mê nhiệt thành của ông đã chiến thắng.

Như vậy, lòng nhiệt huyết được thắp lên từ thời thơ ấu cùng với sự nỗ lực miệt mài có thể xem là cơ sở để hình thành thiên tài. Lòng nhiệt huyết chính là ma lực tạo nên những điều kỳ diệu. Nhưng lòng nhiệt huyết này, nếu không có từ thời thơ ấu thì sau này cũng sẽ khó mà có được.

Nhìn lại tiểu sử của các thiên tài, ta thấy rằng họ đều là những người sớm bộc lộ ngọn lửa ham mê cháy bỏng, vì thế họ trở thành thiên tài cũng là lẽ tự nhiên. Theo cách nghĩ này, thì việc tạo ra người bình thường (tầm thường) thật đơn giản. Đó là không cho trẻ tập trung vào thứ gì cả! Nếu không tập trung thì sẽ không hứng thú – đây chính là đặc trưng của người tầm thường. Thế nên, nền giáo dục cứ như hiện nay nếu không phải sẽ tạo ra những người tầm thường đã là hạnh phúc lắm rồi!

VIII.

Thiên tài, từ xưa đến nay, thường được biết đến như những tài năng sớm bộc lộ. Tìm hiểu về tiểu sử các thiên tài thì thấy rằng quả đúng như vậy. Trong số các thiên tài, đặc biệt trong lĩnh vực kỹ thuật, ta thấy hầu hết họ đều thể hiện tài năng phi phàm khi mới 6, 7 tuổi, hay thậm chí từ lúc 3, 4 tuổi. Sáng tác nhạc thì thường vào 11,12 tuổi. Mozart bắt đầu sáng tác từ khi mới 4 tuổi, viết nhạc kịch khi 12 tuổi, khiến cả châu Âu khi đó phải bàng hoàng kinh ngạc. Bethoven và Hendel cũng bắt đầu sáng tác ở tuổi 13...*(Ở đây còn có thêm 1 số ví dụ khác về các thiên tài của nhiều lĩnh vực).*

Những ví dụ như thế này có kể cả ngày cũng không hết. Vậy tại sao hầu hết các thiên tài lại là những người phát triển sớm? Vì, như đã nói ở các chương trước, mỗi đứa trẻ khi ra đời được trời phú cho một năng lực tiềm tàng, mà năng lực này nếu được phát huy ngay từ đầu thì sẽ mang lại hiệu quả tối ưu, còn nếu để muộn thì sẽ giảm đi đáng kể. Những thiên tài chắc hẳn đều là những người được giáo dục từ sớm, nhưng những ghi chép về họ lại không mấy lưu ý đến về giáo dục sớm. Dù là thiên tài hay nhân tài, dù nhờ vào tự giáo dục hay nhờ vào sự giúp đỡ của người khác, họ đều được sinh ra từ trong nền giáo dục sớm. Kết quả của giáo dục sớm là làm cho những đứa trẻ vốn được trời ban cho nhiều ân huệ trở thành đại thiên tài, còn ngay cả con của những người bình thường nhất cũng sẽ có cơ hội trở thành nhân tài. Nhưng nhìn vào những ví dụ đã đưa ra, có những thiên tài dù ở trong hoàn cảnh nào đi nữa, chỉ dựa vào sự tự giáo dục, họ vẫn thành công. Điều này khiến cho không ít người nghĩ rằng, trên thế giới có những người “đặc biệt”, không cần giáo dục mà vẫn thành thiên tài – nhưng suy nghĩ này là hoàn toàn sai lầm!

IX.

Trong số các thiên tài cũng có nhiều người mà thành tích học tập lúc nhỏ lại rất kém, thậm chí có người còn bị cho là ngốc nghếch. *(Ở đây lại đưa ra một loạt ví dụ, trong đó có Newton.)*

X.

Vậy tại sao những thiên tài lại có thành tích học tập kém? Điều này cũng không được lý giải trong những ghi chép còn lại cho đến ngày nay, và việc tìm hiểu thực sự không hề đơn giản. Nguyên nhân cũng có nhiều, nhưng có một điểm chung là các thiên tài vốn là những người rất giàu đam mê.

Nhà nghiên cứu Đông dương học Krapmote là một học trò rất kém của trường đại học Berlin. Giám thị thấy trong suốt giờ thi ông không viết được chút gì bèn bảo: “ Em đúng là chẳng biết gì cả nhỉ?” . Ông trả lời: “Không ạ, em biết tiếng Trung Quốc”. Tìm hiểu ra thì thấy ông đặc biệt ham thích tiếng Trung Quốc và đã một mình miệt mài học. *(một số ví dụ cùng loại)*

XI.

Gần đây, khi nhà văn lớn Natsume Soseki qua đời, thi thể của ông đã được giải phẫu. Kết quả là não của ông lớn hơn người bình thường rất nhiều. Trước đó, giải phẫu thi thể của Katsuraku cũng có kết luận tương tự. Nhìn vào đó, nhiều người nghĩ rằng, quả đúng là vĩ nhân có khác... Cách nghĩ này cũng không có gì xấu, tuy nhiên nếu cho rằng ngay từ khi sinh ra mà có bộ não to thì sẽ trở thành vĩ nhân, não nhỏ thì sẽ không làm được gì, suy nghĩ đó hoàn toàn không đúng.

Quả thực, não của động vật cấp cao thì lớn hơn động vật khác. Chúng ta đã tiến hóa từ vượn người, đến người nguyên thủy cổ đại, người nguyên thủy cận đại, rồi thành người hiện đại ngày nay. So sánh kích thước não của từng giai đoạn này cho thấy kích thước não cũng lớn dần. Chính những điều này khiến người ta dễ nghĩ rằng thiên tài hẳn phải có bộ não lớn hơn người bình thường. Nhưng sự thực không phải như vậy. Nói chung thì có khá nhiều trường hợp những người ưu tú đồng thời sở hữu bộ não lớn. Tuy nhiên đó chỉ là ở những ví dụ được công bố. Còn rất nhiều những nghiên cứu khác về các thiên tài cho thấy rằng não của họ hoàn toàn không lớn hơn người bình thường, thậm chí có trường hợp còn nhỏ hơn.

Tóm lại, có thể khẳng định thiên tài không phải là do bẩm sinh.

XII.

Theo như những người thuộc phái Ron Brozo, thì thiên tài là một loại biến thể, cũng giống với chứng bệnh về tinh thần. Luận điểm này là cực kỳ sai lầm, phản bác lại thực tế. Những nghiên cứu mới cho thấy các thiên tài đa phần có tuổi thọ cao hơn người bth. Dolrando đã lựa chọn để tìm hiểu 400 vĩ nhân ở 21 lĩnh vực khác nhau của Âu Mỹ trong vòng 16 thế kỷ, người đoán mệnh nhất là một thi nhân – 58 tuổi, người sống lâu nhất là 1 nhà phát minh – 97 tuổi, tuổi thọ trung bình khoảng 66, 67.

Việc các thiên tài có tuổi thọ cao là do đặc tính của họ - giàu hứng thú và nhiệt huyết. Người ta vẫn thường nói học sinh mà thức khuya thì có hại nhưng học giả mà thức khuya thì không. Đó là vì học sinh vừa thức học vừa chán ngán, còn học giả thì rất tích cực và hứng thú. Nếu chúng ta mà cứ nghĩ về những việc chán ghét thì cuộc sống sẽ ngừng lại – đó là sự thực. Cuộc sống sẽ tốt nhất khi người ta thực sự khoan khoái và hài lòng. Thiên tài là những người rất cần mẫn, và sự cần mẫn đó dựa trên niềm say mê, hứng khởi, vì thế họ không có hại mà còn tốt cho sức khỏe. Say mê theo đuổi hứng thú của mình, đó là hạnh phúc của các thiên tài mà người bình thường không mấy khi biết đến.

Có những thiên tài, vì quá cần mẫn, dẫn đến quá sức mà sinh bệnh – những chứng bệnh về tinh thần, hay thậm chí phát điên, song đó chỉ là thiếu số, không phải đặc trưng của các thiên tài. Như vậy, thuyết Thiên tài biến chất của Ron Brozo là không đủ cơ sở.

XIII. Nước ta có một câu thành ngữ “ Dưỡng dục hơn gia thế”. Đây là một thành ngữ mang ý nghĩa rất sâu sắc. Gia thế ở đây là sự di truyền, là yếu tố mang tính bẩm sinh. Sự dưỡng dục là hoàn cảnh, là nền giáo dục. Chỉ một câu thành ngữ này đã mang đầy đủ những gì tôi muốn nói về sự hình thành thiên tài – hoàn cảnh và giáo dục góp phần quan trọng hơn di truyền hay thiên bẩm.

Chương 5: Giáo dục James Sidis

(Chương này có 1 bạn đã nhận dịch, giới thiệu về phương pháp giáo dục của Boris Sidis với con trai mình là James Sidis.)

Chương 6: Phương pháp giáo dục của Tiến sĩ Berle.

I.

Chương trước đã giới thiệu với độc giả về phương pháp giáo dục của Tiến sĩ Sidis, vốn là một người Nga nhập quốc tịch Mỹ. Chương này giới thiệu về Tiến sĩ Berle, cũng không phải người Mỹ mà là người Đức. Tiến sĩ Berle, mới đây (1914) là giảng viên của môn thần học tại trường ĐH Taft, hiện đã chuyển sang làm mục sư ở Boston (*ông đã mất năm 1971.*)

Như đã giới thiệu ở chương 1, ông có viết cuốn “Trường học gia đình” trong thời gian giảng dạy ở trường ĐH Taft (1912). Về nội dung cuốn sách đó thì những người đã đọc đến chương này ắt hẳn cũng đã hình dung được, vì thế tôi sẽ không đi vào chi tiết nữa. Nhưng có một điều đáng nói là cuốn sách này ngay sau khi được xuất bản đã có hàng trăm lá thư gửi đến đề nghị ông miêu tả kỹ hơn về phương pháp giáo dục của mình. Khi đó ông rời trường ĐH và mở khóa học về Trường học gia đình, sức ảnh hưởng của nó vượt xa cả tưởng tượng, những người quan tâm nhiều đến mức cần phải được mở rộng ra trên phạm vi thế giới. Năm ngoái (1913), ông đã xuất bản tiếp cuốn “Giáo dục trong gia đình”, viết về rất nhiều bài học cho trẻ nhỏ. Ở đây tôi xin trình bày sơ lược về cả hai cuốn sách trên.

II.

Tiến sĩ Berle trong sách của mình đã chỉ ra rằng cần phải giáo dục ngôn ngữ cho trẻ ngay từ sớm, vì ngôn ngữ là con đường đưa trẻ đến với các tri thức khác. Ông nhấn mạnh, giáo dục ngôn ngữ không phải là dạy hời hợt mà là phải dạy triệt để, tức là phải phát âm rõ ràng và giúp trẻ ghi nhớ chính xác. Cũng giống Witte-cha, ông tẩu chay từ địa phương và từ hình tượng. Dù các từ đó có thể trẻ dễ phát âm hơn, nhưng kể cả đối với những từ chuẩn, nếu

cố gắng dạy thì trẻ 2 tuổi hầu hết có thể nói được. Dạy trẻ học cũng cần quan tâm đến khái niệm chi phí trong kinh tế. Với trẻ, nhớ từ chuẩn hay từ hình tượng thì cũng mất công như nhau, nên nếu dạy những từ không sử dụng sau này tức là đã làm cho trẻ phải mang gánh nặng gấp 2 lần. Có những đứa trẻ đến 14, 15 tuổi mà vẫn không biết phát âm chính xác, đó là lỗi của cha mẹ chúng. Nhìn vào các trường tiểu học ngày nay, các giáo viên thay vì có thể làm nhiều thứ có ích hơn lại mất rất nhiều thời gian để sửa thói quen xấu cho trẻ. So với việc học cái mới thì điều này vất vả hơn nhiều. Nhưng, có rất nhiều bậc cha mẹ, khi thấy con mình phát âm sai, dùng sai từ thì lại lấy đó làm thú vị, rồi bản thân mình cũng bắt chước, như thế là làm hỏng con.

Tiền sĩ Berle, giống như Witte-cha, cũng rất cố gắng nói cho con nghe để làm phong phú vốn từ. Nhưng không phải chỉ nói mà sau đó còn bảo con lặp đi lặp lại nhiều lần, như vậy có thể sửa được những lỗi phát âm hay dùng từ cho con. Từ ngữ mà ông dạy cho con cũng là những từ có nhiều trong sách, để sau đó khi con đọc sách có thể dễ dàng hiểu được. Ngoài ra ông còn chọn lựa sách hay để đọc cho con. Ở nước ta thì không mấy sử dụng, nhưng ở các nước Âu Mỹ thì kinh thánh là một cuốn sách rất được quý trọng. Berle cho rằng, để dạy trẻ thì không có gì tốt hơn là Kinh thánh. Và nếu hàng ngày đọc cho con nghe sách kinh thánh bằng tiếng Anh là tốt nhất, điều này không chỉ giúp trau dồi từ vựng mà còn có ý nghĩa giáo dục nhân cách rất lớn. Nhưng với nước ta, Kinh thánh bản dịch rất khó hiểu, và trẻ sẽ không thể tiếp thu được. Để đơn giản hơn thì có thể đọc thơ - các bài thơ dễ hiểu cũng rất có ích với trẻ.

III.

Theo Berle, để huấn luyện trí não cho trẻ thì tốt nhất là dạy ngôn ngữ. Ông đã dạy cho con tiếng Anh, rồi tiếng Đức, Latinh, Hy Lạp, Do thái, từ rất sớm. Ông cho rằng việc dùng chính xác từ ngữ là cơ sở để có suy nghĩ đúng đắn. Đặc biệt, việc dạy trẻ nhiều thứ tiếng sẽ giúp trẻ hiểu được sâu sắc hơn ý nghĩa của từ ngữ, và sẽ mang lại hiệu quả rất lớn trong cách suy nghĩ của trẻ. Về cách dạy ngoại ngữ cho trẻ cũng cần có khá nhiều lưu ý đã được nêu rõ trong cuốn “Giáo dục gia đình”, vì thế ở đây sẽ không đề cập nữa.

Tiếp theo, Berle cũng nói về vấn đề nuôi dưỡng tinh thần. Theo lời ông, tinh thần cũng cần phải được nuôi dưỡng như thể chất. Món ăn của tinh thần chính là tri thức. Việc lựa chọn những tri thức để tiếp thu cho bộ não cũng giống như việc chọn những thức ăn để tiêu hóa

cho dạ dày của trẻ. Nếu không bồi dưỡng tri thức mà mong đợi tinh thần phát triển thì chẳng khác nào câu cá ở trên cây.

PHƯƠNG PHÁP bồi dưỡng tri thức cho con của Berle được áp dụng trong bữa ăn và khi vui chơi. Ông lựa chọn một đề tài dễ hiểu và nói cho con nghe, khích lệ con đặt câu hỏi, khi đó ông vừa trả lời vừa cung cấp thêm các kiến thức cho con. Đề tài được chọn có thể là về đồ vật trên bàn ăn, về một bài báo, về những thứ xung quanh, hay về một quyển sách mới đọc. Việc bồi dưỡng tinh thần này thực sự sẽ làm nên những kỳ tích không ngờ. Berle kể: “Có một người lao động làm việc ở ngay cạnh cổng nhà tôi, hàng ngày khi ra khỏi nhà tôi vẫn thường chào hỏi ông ấy. Bữa nọ ông ấy bày tỏ với tôi một mối lo ngại, đó là việc ông hoàn toàn bất lực với đứa con đang học tiểu học của mình. Tôi bèn tới trường và nói chuyện với đứa bé đó. Quả thực thành tích của nó rất tệ, đến mức có thể không được lên lớp. Kỳ nghỉ hè năm đó tôi đã một mình giáo dục nó, đến tháng 9 năm đó đứa trẻ đó đã vào được trung học, sau đó tốt nghiệp, vào trường Luật và trở thành một Luật sư tài năng.”

Berle nhấn mạnh rằng, để trẻ bị lãng phí thời gian vào những việc vô ích là việc rất không tốt, vì thế phải các bậc cha mẹ phải theo dõi và giúp con sử dụng hiệu quả thời gian của mình.

IV.

Tiền sĩ Berle có nói, vấn đề quan trọng nhất trong giáo dục con cái là không được đánh giá thấp con mình. Cũng giống như Witte-cha, ông thừa nhận rằng sự khác biệt về thiên bẩm giữa các đứa trẻ là có thực, song không đáng kể, và cũng không cần thiết phải đo đếm. Trong khi dạy con, ông khuyến khích con ghi chép lại những việc đã xảy ra, trong đó có cả những việc được khen ngợi cũng như những chuyện vì thế mà bị mắng, cả những điều mang lại hứng thú cũng như những việc không vui, như thế điều gì đã biết, điều gì chưa từng trải qua đều rõ ràng, hơn nữa qua đó còn có thể dạy con thêm nhiều từ ngữ mới. Không những thế, điều này còn giúp phát huy đức tính tốt, bài trừ thói quen xấu, đồng thời thực hiện được mọi việc theo kế hoạch đã đề ra một cách có hiệu quả. Nếu như không có nó thì hàng ngày trôi qua sẽ chỉ giống như một chiếc thuyền lênh đênh trên biển cả không biết đâu là bờ... Việc ghi chép này nghe qua thì có vẻ hơi khó khăn, nhưng thực tế khi thực hiện lại rất thú vị. Nó cũng tựa như mỗi buổi sáng thức dậy ta soi mình trong gương và nhận ra sự thay đổi trên gương

mặt, hay nói cách khác, nó mang dư vị của niềm hạnh phúc khi nhìn thấy sự trưởng thành sau những gì đã trải qua...

Sau cùng, Berle hết sức hoan nghênh những người làm cha mẹ đã nhẫn nại, nhiệt tình, không mệt mỏi trong việc giáo dục con cái. Trên đời này chẳng có ai giám sát việc dạy bảo con của cha mẹ, cho nên những việc phải làm có khi lại không được làm và ngược lại, dẫn đến chỗ rất dễ phạm sai lầm. Vì thế, các bậc cha mẹ phải kiên tâm, nhẫn nại, nỗ lực thực hiện các kế hoạch, các dự định nuôi dạy con của mình cho tốt nhất.

Chương 7: Phương pháp giáo dục của Stoner.

I.

Trong số những người đã đọc cuốn “Giáo dục Karl Witte” và áp dụng thành công với con mình còn có một người nữa, đó là Phu nhân Stoner. Bà hiện là giảng viên môn ngữ học tại ĐH Pittsburgh, bang Pennsylvania, USA. Bà xuất thân từ trường nữ học Radcliffe, và người đầu tiên đưa đến khái niệm Giáo dục sớm cho bà chính là Tiến sĩ James. Ông cũng là người đã giới thiệu cho bà cuốn sách của Witte –cha.

Con gái độc nhất của bà là Winifred hiện nay 14 tuổi, cô bé biết làm thơ từ năm lên 3, 4 tuổi đã biết viết kịch bằng tiếng Esperanto. Các tác phẩm của cô được đăng lên các báo và tạp chí khi mới 5 tuổi, sau đó được xuất bản thành tập và được đánh giá rất cao. Vào năm con gái được 12 tuổi, Stoner viết cuốn Giáo dục tự nhiên kể về phương pháp giáo dục của mình. Tôi xin giới thiệu khái quát cuốn sách khá thú vị này.

II.

Tôi bắt đầu giáo dục con bằng việc huấn luyện 5 giác quan. Vì nhiều khả năng của trẻ nếu không được sử dụng thì sẽ vĩnh viễn mất đi, nên phải tập cho trẻ sử dụng 5 giác quan càng sớm càng tốt. Trong 5 giác quan đó thì trước hết phải phát triển thính giác. Người mẹ hát cho con nghe là việc rất có ích, nhưng tiếc thay tôi lại không biết hát. Sau đó tôi nhớ ra tập thơ Aeneis của Vergilius có âm điệu rất hay, bèn đọc cho con nghe.

Kết quả đúng như tôi nghĩ, khi nghe Aeneis, con gái tôi từ từ chìm vào giấc ngủ. Tôi thử áp dụng với những trẻ khác thấy cũng như vậy. Có nhiều bài hát ru có hại cho tai của trẻ, nhưng Aeneis thì không. Đó là 1 bản thiên anh hùng ca của Vergilius, và nó thực sự cũng là 1 bài hát ru tuyệt vời.

Khi con được 6 tuần, tôi bắt đầu đọc các bài thơ bằng tiếng Anh cho con nghe. Khi đó tôi phát hiện ra 1 điều thú vị là khi âm điệu của bài thơ thay đổi, Winifred cũng biểu hiện những phản ứng khác nhau. Chưa đầy 1 tuổi bé đã thuộc 10 dòng trong tập 1 của Aeneis và 1 bài thơ khác. Đây không phải là do tôi cố ý dạy mà là do bé tự nhiên nhớ được. Bé đặc biệt thích bài Crossing the Bar, đến cả khi ngủ cũng lầm nhảm đọc. Cứ như vậy, tôi cho con nghe nhiều bài thơ nổi tiếng khác.

Để hướng đến khái niệm về tiết tấu 7 nốt đô, rê, mi, fa, son, la, si, tôi mua bảy chiếc chuông nhỏ, buộc vào đó 7 dải lụa màu đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím và đặt tên cho chúng. Sau đó hàng ngày tôi gõ cho con nghe. Chưa đầy 6 tháng bé đã biết gõ chuông theo đúng màu mà tôi bảo. Như vậy bé đã đồng thời thu nhận được khái niệm về tiết tấu và màu sắc. Thi thoảng tôi lại mang lăng kính ra, chiếu lên tường 7 màu cầu vồng cho con xem, bé rất lấy làm thích thú, nếu đang khóc cũng sẽ nín ngay.

Trong phòng của con, tôi treo nhiều tranh của các danh họa và bày những tác phẩm điêu khắc nổi tiếng. Khi con còn rất nhỏ, tôi đã vừa bế vừa chỉ cho con đây là bàn, đây là ghế,... cứ thế tất cả các đồ đạc trong phòng, cả các bức họa và các tác phẩm điêu khắc cũng vậy. Mới đầu bé chỉ chú ý đến màu sắc của tranh nhưng sau cũng dần dần hiểu được ý nghĩa.

Ngoài ra tôi cũng cho con xem nhiều bức tranh đẹp về hoa lá, chim muông. Từ khi bé còn chưa biết gì, tôi cũng mua những cuốn sách tranh cho con xem và đọc cho con nghe. Mặc dù chưa hiểu được nhưng bé rất hứng thú với màu sắc trong tranh và giọng nói của mẹ, nên lắng nghe rất chăm chú. Trẻ được nuôi nấng bởi một người mẹ biết vẽ tranh cũng là điều may mắn. Tôi thường vẽ những bức tranh về con kèm với nhiều câu chuyện thú vị, điều này có tác dụng lớn trong việc mở mang tri giác cho con. Hiện nay trên các báo thường cho đăng những mẫu truyện tranh với nhiều hình vẽ không lành mạnh, rất có hại cho con trẻ. Loại tranh truyện này không cho con xem thì hơn.

Để phát triển khả năng cảm nhận màu sắc của con, tôi mua những cuộn chỉ màu thường dùng trong các bài kiểm tra sự mù màu để làm công cụ cho con chơi nhiều trò chơi thú vị.

Tôi đặc biệt khuyến khích các bà mẹ có con trai cho con chơi những trò chơi kiểu này, vì so với bé gái thì bé trai có xúc giác tốt hơn nhưng lại kém hơn về khả năng cảm nhận màu. Vì thế nếu không cố gắng tập cho các bé trai khả năng đó thì khái niệm màu sắc về sau sẽ rất chậm chạp. Ngoài ra tôi còn mua những viên đá và các mảnh gỗ nhỏ có nhiều màu sắc cho con chơi. Búp bê của bé tôi cũng chọn loại có nhiều quần áo đẹp. Những thứ này rất có tác dụng trong việc phát triển khả năng cảm nhận màu của bé.

Bút màu cũng là 1 công cụ rất hay. Tôi và con thường hay chơi trò “Thi vẽ màu”. Chúng tôi dùng 1 tờ giấy trắng khổ lớn và người bắt đầu là tôi. Đầu tiên tôi sẽ lấy bút, giả sử là màu đỏ, vẽ 1 đoạn thẳng khoảng 3cm, sau đó đến lượt Winifred cũng sẽ làm như vậy. Nếu tôi vẽ màu xanh thì bé cũng phải vẽ màu xanh. Nếu vẽ sai sẽ bị thua cuộc.

Khi con biết đi, trong khi cùng con đi dạo, tôi chỉ cho bé các màu của biển, của cây cối, của bầu trời, nhà cửa, quần áo người đi đường,... để giúp bé nhận biết tốt hơn. Thỉnh thoảng chúng tôi còn chơi một trò chơi như thế này: Khi đi qua cửa hàng nào đó một đoạn, tôi sẽ hỏi con xem cửa sổ trưng bày của cửa hàng có những thứ gì, nếu bé không nhớ được hoặc nhớ ít hơn tôi sẽ bị thua. Trò chơi này vừa có tác dụng phát triển trí nhớ, vừa nâng cao khả năng tập trung của trẻ. Nhờ được luyện tập như vậy, lúc bé lên 5 tuổi đã khiến các giảng viên trường ĐH Shotokan phải kinh ngạc khi chỉ đọc 1 lần bài The Battle Hyun of the Republic là đã có thể lặp lại chính xác toàn bộ.

Tôi cũng tập cho con thói quen chú ý quan sát đồ vật. Một lần vào lúc lên 2 tuổi, khi đi cùng tôi đến cửa hàng bán các tác phẩm điêu khắc, bé xem và nói với người bán hàng: “Chỗ cô không có bức Venis de Milo, không có cả bức Venis de Medici nữa nhỉ?” Khi Winifred được 6 tuần tuổi, bé được cha mua cho một quả bóng bay màu đỏ. Tôi dùng một sợi chỉ buộc vào ngón tay cho bé, mỗi lần đưa tay lên xuống là quả bóng cũng bay lên bay xuống rất vui. Tuần sau tôi lại thay bằng quả bóng màu khác. Cứ thế, tôi dễ dàng dạy cho cháu các tính từ như xanh, đỏ, tròn, nhẹ,... Với các đồ chơi như mảnh gỗ có dán giấy nhám, tôi lại dạy cho cháu các tính từ: thô ráp, mềm mại...

Trẻ nhỏ thường có cái gì cũng cho vào miệng, vì thế nếu không chú ý ngay từ đầu thì sẽ không bỏ được thói quen này. Khi Winifred chưa đầy 2 tuổi, trong một lần chúng tôi tới thăm nhà một người bạn và được cô ấy mang rất nhiều bánh kẹo ngon lành ra mời, bé mới hỏi tôi: “Mẹ ơi, những thứ này có thể cho vào miệng được chứ ạ?”. Cô bạn tôi lúc đó rất lấy làm ngạc nhiên.

Một điều nữa, là khi giáo dục con, tôi không hề bắt con làm việc gì nặng nhọc quá sức. Trẻ là một cá thể sống và cần liên tục giải phóng năng lượng để hoạt động. Tôi luôn cố gắng không lãng phí năng lượng này một cách vô ích để nó có thể tập trung hiệu quả vào việc phát triển năng lực của con. Nếu làm được điều đó, trẻ sẽ luôn có việc gì đó để theo đuổi, không bị nhàn rỗi tay chân dẫn đến buồn chán, bực dọc, quấy khóc.

III.

Trẻ khi còn nhỏ đã biết hướng sự chú ý đến nơi có tiếng người nói cũng như có âm thanh của sự vật, vì thế hoàn toàn có thể dạy ngôn ngữ từ sớm. Từ lúc con còn ẵm ngửa, tôi đã nói chuyện với bé như thể bé có thể hiểu được mọi điều. Không giống phần lớn các bà mẹ, tôi không dùng từ hình tượng mà luôn dạy con những từ chuẩn ngay từ đầu. Tôi được biết hai người, là giảng viên đại học có tiếng nhưng lại thường xuyên phát âm sai và dùng sai ngữ pháp, đó chắc chắn là vì lúc nhỏ không được giáo dục tốt về mặt ngôn ngữ. Vì thế tôi luôn cố gắng hết sức để dạy con những ngôn từ chính xác, trong sáng. Bên cạnh đó tôi còn chú ý dạy con cả các thành ngữ, tục ngữ.

Theo cách của Witte- cha, tôi thường bế con trên tay, đi quanh phòng và chỉ cho bé mọi vật, nhờ đó khi được 1 tuổi bé đã có thể nói được hầu hết mọi thứ. Nhiều người lấy làm ngạc nhiên, nhưng chồng tôi thì bảo: “Em đã dạy con ngay từ khi mới sinh ra, bây giờ con làm được như thế là đương nhiên rồi!”

Tôi tin rằng sự giáo dục ngôn ngữ lúc nhỏ sẽ ảnh hưởng trong suốt cuộc đời, vì thế tôi luôn nhắc nhở con phát âm chính xác, sử dụng những từ ngữ và câu văn một cách chọn lọc. Nhưng tôi lại không dạy ngữ pháp cho con cho đến tận năm 8 tuổi. Tôi thấy rằng dạy ngôn ngữ thì không nhất thiết phải dựa trên ngữ pháp mà là dựa vào miệng và tai của trẻ. Trẻ nhìn chung rất thích nói, từ lúc rất nhỏ hãy nhớ được từ nào là liên tục lặp đi lặp lại và tỏ ra vui thích. Nắm bắt được đặc điểm này, tôi tập cho con nhớ những câu ngắn, đơn giản mà vẫn thú vị. Bé nhớ rất nhanh và rất lấy làm hứng thú. Sau đó tôi thử dịch những câu này ra nhiều ngoại ngữ khác, bé đều dễ dàng nhớ được. Suy từ kinh nghiệm của chính mình, tôi thấy rằng trong một đời người, giai đoạn từ 1 đến 5 tuổi là giai đoạn bộc lộ năng lực ngôn ngữ lớn nhất. Tôi cũng đã nghĩ đến việc dạy con những ngoại ngữ cơ bản càng sớm càng tốt, nhưng ngoài tác phẩm Aeneis ra, cho đến khi con thành thạo tiếng mẹ đẻ, tôi không dạy thêm ngoại

ngữ nào. Nhiều học giả nói rằng nên đồng thời dạy cho trẻ 2, 3 thứ tiếng, nhưng tôi thấy như thế là làm khổ con và có thể con sẽ không giỏi được ngôn ngữ nào.

Khi Winifred đã sử dụng tốt tiếng Anh, tôi bắt đầu dạy bé tiếng Tây Ban Nha. Lý do tôi chọn tiếng TBN là vì trong các ngôn ngữ châu Âu thì đây là thứ tiếng đơn giản nhất. Kết quả là đến 5 tuổi, bé đã thông thạo 8 thứ tiếng. Nếu tiếp tục dạy, tôi nghĩ bé có thể học được 10, 12 ngôn ngữ. Nhưng đúng vào thời điểm đó, tôi nghe rằng sau này tiếng Esperanto sẽ trở thành ngôn ngữ quốc tế, nên tôi dừng lại.

4 tuổi, Winifred đã đọc được sách bằng tiếng Esperanto, tự nói và viết được. Trong năm này, bé bắt đầu có kế hoạch viết kịch bằng ngôn ngữ này. Và với sự trợ giúp của bà Julia Beabawer, vở kịch đã hoàn thành và được trình diễn. Đây cũng là vở kịch tiếng Esperanto đầu tiên được công diễn trên toàn quốc.

5 tuổi, Winifred bắt đầu dạy tiếng Esperanto cho những trẻ khác. PHƯƠNG PHÁP dạy dựa trên những trò chơi mà tôi đã áp dụng khi dạy bé, ngoài ra bé còn tự mình nghĩ ra những trò mới khá thú vị. Cũng trong năm đó, tôi có nhiều buổi giảng ở ĐH Shotokan nhằm phổ biến tiếng Esperanto. Với mục đích giúp người nghe biết rằng học tiếng Esperanto rất đơn giản, tôi để Winifred nói chuyện và ngâm thơ bằng thứ tiếng này, bé được mọi người hết sức tán thành. Từ Shotokan trở về, Winifred viết thư cho một người bạn nước ngoài biết tiếng Esperanto. Tên và địa chỉ của người bạn này được bé tìm thấy trong 1 tờ báo tiếng Esperanto. Không lâu sau có thư trả lời từ nước Nga, bé rất đổi vui mừng. Bé trở nên hứng thú đặc biệt với nước Nga và tìm đọc rất nhiều sách Nga. Sau đó bé lại kết bạn với trẻ em Nhật, Indo, và bắt đầu nghiên cứu về địa lý cũng như phong tục của các nước này. Tôi nghĩ rằng việc giao lưu giữa các trẻ em như vậy rất có ích, ngoài việc mở rộng kiến thức, sẽ dần dần làm cho các nước xích lại gần nhau, cùng xây dựng một cộng đồng hòa bình.

Hiện tại Winifred đang là hội trưởng của Hiệp hội thiếu niên Mỹ vì hòa bình. Hội viên ở đây có nhiệm vụ học tiếng Esperanto và dùng nó để kết giao với các thiếu nhi nước ngoài qua thư. Mỗi tháng sẽ chọn một bức thư để đọc. Lần lượt mỗi hội viên sẽ đứng ra thuyết trình bằng đèn slide về địa lý và phong tục của 1 quốc gia. Các hội viên sẽ trao đổi với thiếu nhi nước khác các vật lưu niệm như bưu thiếp, tem, hoa khô,... Với Winifred, các thứ quà này chất cao như núi, vì cô bé đã kết bạn được với hầu hết trẻ em trên khắp thế giới. Trong số đó, có một món quà khá thú vị là cuốn lịch sử Trung Quốc viết bằng tiếng Esperanto khoảng 5

ngành từ được một thiếu niên TQ gửi đến. Sách lịch sử của một quốc gia do chính người nước đó viết có nhiều thứ rất khác với sách của người nước ngoài viết. Ở nước ta, sách về lịch sử TQ, Nhật Bản là do người Mỹ tới đó vài ba tháng viết ra, cho nên nếu chỉ đọc nó thì cũng như chưa biết gì về lịch sử của họ.

Khi Winifred 5 tuổi đã biết dịch nhiều bài hát nhỏ sang tiếng Esperanto. Bé nghĩ rằng những bài hát này rất hay, vì thế nếu dịch ra thì sẽ có rất nhiều trẻ em biết và yêu thích. Những bài hát này đã được hiệp hội Esperanto xuất bản thành sách và được rất nhiều lời khen ngợi. Một giảng viên ngữ học của trường ĐH Stanford nhận xét: “Tuyển tập này sử dụng ngôn ngữ của những dịch giả chuyên nghiệp, lại có cả chất thơ của những thi nhân, không thể tin là lại được viết bởi một bé gái 5 tuổi.”

Hiện Winifred nổi tiếng là giáo viên trẻ nhất của Pittsburgh. Học trò của cô bé gồm các trẻ em từ 5 đến 14 tuổi. Phòng học là phòng giáo viên của Sở nghiên cứu Carnegie. PHƯƠNG PHÁP dạy là dùng các bài hát về và các trò chơi, thi thoảng đi thực tế tại viện bảo tàng. Để có thể dạy được, cô bé đã đọc và tra cứu rất nhiều sách tham khảo. Trong khi dạy tiếng Esperanto, Winifred đã sử dụng một phương pháp mới, đó là hát những câu văn tiếng Esperanto theo giai điệu của các bài hát quen thuộc mà ai cũng biết. Tôi cũng áp dụng phương pháp này với các học sinh ở Pittsburgh và thấy thực sự hiệu quả. Winifred còn tự mình viết sách bằng tiếng Esperanto cho các học trò sử dụng, đây cũng là 1 tài liệu rất tiện lợi được nhiều người tham khảo.

IV.

Tiến sĩ James, người đầu tiên đưa đến cho tôi khái niệm về giáo dục sớm, vẫn thường bảo rằng phải huấn luyện về tinh thần cho con càng sớm càng tốt, và sự huấn luyện này phải thực hiện dựa trên các trò chơi.

Chơi là 1 bản năng của động vật. Mèo con thì chơi đuổi bắt với cái đuôi của mẹ, chó con lại bắt chước tiếng sủa của mẹ. Tại sao lại như vậy? Là bởi vì mèo cần được phát huy khả năng đuổi bắt con mồi trong tương lai, và chó thì cần phải sủa để dọa con mồi. Con người cũng vậy, lúc nhỏ phải được lựa chọn để chơi các trò chơi giúp phát huy các khả năng cần đến khi lớn lên. Vì thế các bậc cha mẹ không được thả cho con chơi tự do mà phải

chơi cùng con, giống như các loài động vật. Chơi với con cũng chính là để giúp mình rèn luyện ý thức đạo đức của bản thân và khả năng thấu hiểu người khác.

Tôi cũng áp dụng rất nhiều hình thức chơi với con. Đầu tiên, khi Winifred được 6 tháng tuổi, trong phòng con, ở độ cao dưới 1m tôi dùng toàn bộ giấy dán tường màu trắng. Trên đó tôi cắt các con chữ màu đỏ dán lên. Bức tường khác tôi lại dán các chữ đơn giản: bat, cat, mat, pat, rat, bog, dog, hog, log, thành từng hàng. Bức tường thứ 3 tôi lại dán các con số từ 1 đến 10 thành 10 hàng. Bức còn lại tôi dán các nốt nhạc. Nhưng so với việc nhìn thì thói quen nghe sẽ thu hút sự chú ý của trẻ hơn, vì thế tôi muốn cho con làm quen với việc nghe các chữ ABC. Tôi thì không biết hát, nhưng may sao nhũ mẫu lại hát rất hay, vì thế tôi vừa chỉ các chữ, nhũ mẫu vừa hát. Đối với đứa trẻ 6 tháng tuổi, lần đầu nghe những thứ này chẳng khác nào đàn gảy tai trâu, nhưng thường xuyên nghe, thường xuyên nhìn, chẳng mấy chốc bé đã nhớ được bảng chữ cái.

Tiếp đó, tôi lại làm các miếng gỗ to nhỏ trên đó có viết các chữ cái và bắt đầu dạy con ghép từ. PHƯƠNG PHÁP dạy như sau: trước tiên cho bé xem bức tranh con mèo, rồi lại chỉ lên chữ **cat** trên tường, và lặp đi lặp lại nhiều lần tiếng **cat** cho con nghe; sau đó chọn trong hộp chữ cái từng chữ c,a,t, ghép lại thành **cat**. Cứ thế 2 mẹ con vui vẻ chơi với nhau, và tôi thường khen ngợi để động viên con. Hàng ngày như vậy, từng bước một, từng chút một, không nhồi nhét quá sức.

Với cách dạy này, Winifred chưa đầy 1 tuổi rưỡi đã có thể đọc sách. Khi đó việc giáo dục lại càng thú vị. Đọc được sách có thể ví như thuyền đã đến ngày ra sông lớn, bé rất lấy làm vui mừng.

Tôi hướng cho Winifred thói quen đọc sách có mục đích. Đọc sách cũng như làm việc, nếu không có mục đích sẽ làm tổn hại cả tinh thần và thể lực. Khi viết cuốn *Journeys with Fairy Christmas*, bé đã đọc hơn 30 cuốn sách tham khảo các loại để tìm hiểu về phong tục trong lễ Giáng sinh của các quốc gia.

Tôi cũng nghiệm ra rằng biết thưởng thức âm nhạc quả là 1 điều hạnh phúc. Vì thế khi con gái mới sinh ra chưa lâu, tôi đã mua những chiếc chuông nhỏ phát ra các âm do, re, mi..., và mỗi ngày tôi lại đàn những ca khúc nổi tiếng. Nhũ mẫu thì thường hát cho bé nghe, không khí trong nhà lúc nào cũng rộn rã. Sau khi bé nhớ được bảng chữ cái, tôi bắt đầu dạy các nốt nhạc. Chúng tôi chơi 1 trò chơi như thế này: Tôi giấu một số đồ vật đi và để con đi tìm, còn

tôi sẽ chơi piano. Khi bé đến gần chỗ giấu đồ, thay vì nói “nguy quá, nguy quá”, tôi sẽ chơi những âm trầm. Khi bé ra xa, tôi lại chơi những âm cao. Như thế, nếu không chú ý đến các âm cao thấp thì bé sẽ không thể tìm ra món đồ. Cách chơi này rất hiệu quả trong việc huấn luyện thính giác cho bé.

Trẻ con rất thích các nhịp điệu. Khi bé còn chưa biết nói, tôi vỗ tay theo nhịp điệu cho bé xem. Rồi tôi mua một chiếc trống nhỏ và bắt đầu dạy bé đánh theo nhịp. Sau đó tôi lại mua cây mộc cầm cho bé đánh. Tiếp đến tôi vừa chỉ các nốt nhạc trên tường, tôi vừa hướng dẫn bé gõ các phím trên piano. Rất nhanh chóng, bé có thể gõ được các nốt nhạc và bản nhạc đơn giản.

Tôi còn dạy con nhún nhảy theo nhịp. Với trẻ con, khái niệm về nhịp điệu và cung bậc âm nhạc rất quan trọng. Các bà mẹ không biết đàn, hát thì có thể cho con nghe từ đĩa. Trẻ nhất thiết phải được lớn lên trong môi trường âm nhạc với các nhịp điệu và tiết tấu. Mưa rơi cũng có nhịp điệu, gió thổi cũng có âm thanh. Thế nên người Nhật mới hay treo chuông gió trong nhà, điều này rất tốt cho trẻ. Ở nước ta có khoảng 1/3 là không biết thưởng thức âm nhạc, nhưng cuộc sống mà không có âm nhạc thực sự là điều bất hạnh. Ngoài âm nhạc, tôi còn thường xuyên ngâm thơ cho con nghe. Tôi cũng dạy con múa theo bài hát. Có nhiều người cho rằng nhảy múa là không tốt, nhưng tôi ko nghĩ vậy. Tiến sĩ Berle có nói: “Sở dĩ người Hi Lạp, Rôma có thân hình đẹp là nhờ nhảy múa. Múa giúp ta duy trì thể lực tốt và thân hình cân đối.”

V.

Trẻ phải được tiếp xúc với âm nhạc từ khi còn trong nôi, nhưng ở nước ta phải đến 7, 8 tuổi trẻ mới được dạy bảo về âm nhạc. Chính vì thính giác không được huấn luyện sớm nên về sau không thể giỏi được, thậm chí việc học nhạc còn rất đổi khổ sở. Hơn nữa, khi bắt đầu dạy lại không đi từ các bài hát mà đi vào luyện ngay kỹ năng nên trẻ càng chán. Đành rằng kỹ năng là quan trọng, nhưng không thể vì thế mà khiến trẻ mất đi hứng thú với âm nhạc. Trẻ nói chung thích được chạm vào những thứ như piano, vì thế cần kích lệ trẻ động đến nhạc cụ. Và nếu được cha mẹ giúp đỡ, chúng có thể tự nghĩ ra những khúc nhạc. Winifred từ nhỏ đã tự mình viết ra một vài khúc nhạc, cái đó cũng giống như những bức ảnh chụp khi còn bé, sau này nhìn lại thấy rất ngộ nghĩnh.

Tôi dạy nhạc cho con cũng dưới hình thức một trò chơi, ban đầu là piano, sau là violin. Hiện nay Winifred chơi tốt cả 2 loại nhạc cụ này. Đương nhiên trong số chúng ta, không phải cứ 10 người được học nhạc thì cả 10 đều thành nhạc sỹ, hơn nữa điều đó cũng không cần thiết. Nhưng, đã sinh ra trên đời, không biết chút gì về âm nhạc thực sự là một điều bất hạnh. Không nhất thiết phải biết chơi nhạc, nhưng cần cảm nhận được âm nhạc. Nhiều người cho rằng, vì không có ý định để con thành nhạc sỹ nên ko dạy về âm nhạc, đó là suy nghĩ một chiều. Không chỉ riêng âm nhạc, nếu cuộc sống mà không có nghệ thuật sẽ chẳng khác nào cuộc sống hoang dã. Vì vậy tôi nghĩ rằng, để cuộc đời trẻ sau này được phong phú, được hạnh phúc, người làm cha mẹ có nghĩa vụ bồi đắp những kiến thức cơ bản về âm nhạc và văn học cho trẻ.

Tiếp theo tôi sẽ trình bày về phương pháp dạy chính tả. Để dạy chính tả thì tốt nhất là sử dụng máy đánh chữ. Tôi ngẫu nhiên phát hiện ra điều này trong một lần Winifred nhìn thấy tôi đang đánh máy và chạy lại đòi tôi hướng dẫn cách dùng. Khi đó tôi đang rất bận nên hẹn bé ngày mai. Hôm sau tôi lại có việc phải ra ngoài, khi trở về bé đưa cho tôi một tờ giấy. Đó chính là 1 trang trong quyển truyện cổ được bé đánh máy lại. Bản đánh máy này gồm toàn những con chữ to, không có dấu cách, chỉ là chữ được gõ lại. Nhưng tôi rất vui và khen bé, sau đó bắt đầu dạy cách đánh chữ. Bé rất thích thú và hàng ngày mang thơ, truyện ra gõ. Khi ấy dù chưa biết gì nhưng bé đã có thể dần dần nhớ được cách ghép chữ, và sau đó tự mình cũng có thể nhớ cách viết truyện và thơ. Lúc đó bé chưa đầy 3 tuổi. Không lâu sau tôi phải nhập viện để phẫu thuật. Hàng ngày bé đều dùng máy đánh chữ để viết thư cho tôi, đối với tôi đó là sự động viên suốt đời không thể quên được.

Sau đó, Winifred hàng ngày đều gõ các tác phẩm thơ và văn nổi tiếng, nhờ đó bé dần dần thuộc hết. Và tôi thực sự cho rằng máy chữ là một công cụ hết sức hiệu quả. Tôi cũng dạy bé cầm bút. Giống như việc sử dụng máy chữ, trẻ con bao giờ cũng thích bắt chước người lớn, nên khi Winifred thấy tôi cầm bút và muốn học cách dùng, tôi bắt đầu dạy. Lúc đầu tôi ko để bé dùng bút máy mà dùng bút chì đỏ. Lần đầu tiên viết được tên mình, bé được cha đặc biệt khen ngợi. Bé rất đổi vui mừng và chăm chỉ tập viết. Sau nhiều ngày luyện tập, bé đã có thể viết được. Đó là thời điểm 17 tháng tuổi.

Khi Winifred viết được những câu đơn giản, tôi bắt đầu cho bé viết nhật ký. Vì thế bé có nhật ký từ năm 2 tuổi, sau này mỗi lần đọc lại đều cảm thấy rất có ý nghĩa. Nhân tiện nói thêm ở đây, tôi nghĩ cha mẹ cũng nên tự mình viết nhật ký cho con. Nhật ký này là để ghi lại

sự phát triển của con qua từng ngày. Đối với con đây cũng sẽ là một kỷ vật hết sức quý giá, giúp ích cả khi con lớn lên và có gia đình riêng.

Để tạo cho con hứng thú viết văn, tôi khuyến khích con viết thư cho bạn bè. Thường thì trẻ con ở trường hay chán ghét với việc viết văn, là vì chúng nghĩ đó chỉ là việc học tập. Nhưng nếu được viết một bức thư thực sự, trẻ sẽ rất cố gắng. Ngoài ra, tôi còn cho bé tham gia các cuộc thi viết trên báo. Winifred 5 tuổi đã nhận được cả huy chương vàng và bạc khi viết cho tờ Saint Nicholas.

VI.

Để việc dạy và học trở nên hấp dẫn, tôi cũng áp dụng phương pháp giáo dục giống như của Witte cha. Hàng ngày tôi cùng con đi dạo ngoài cánh đồng và nói với con những câu chuyện thú vị về thực vật, động vật, hóa học, vật lý, địa lý, thiên văn. Chúng tôi cùng nhau ngắt những bông hoa, ngọn cỏ để “giải phẫu”, đập vỡ một viên đá để quan sát, xem xét tổ chim, ngắm nghía những con sâu nhỏ... Winifred ban đầu rất sợ sâu xanh, nhưng sau khi nghe tôi giải thích là sâu xanh khi lớn sẽ trở thành những con bướm xinh đẹp thì bé ko sợ nữa. Và tôi kể cho bé nghe về các loài ong và bướm, bé rất thích thú, sau đó tự mình nghiên cứu và viết ra rất nhiều chuyện về đời sống của chúng. Winifred còn tìm hiểu cả về bộ cánh cứng. Bé nói với tôi là có hơn 150 nghìn loại, và bé có ý định sẽ tự mình tìm ra 1 loại mới. Vì thế bé đọc rất nhiều sách, vào mùa đông bộ cánh cứng không xuất hiện, bé lại đến Sở nghiên cứu Carnegie để xem các tiêu bản của chúng. Bảo tàng của Sở nghiên cứu Carnegie với chúng tôi rất có ích. Hàng tuần tôi đều đưa con tới đó. Ở đây ngoài động thực vật chúng tôi còn có thể tìm hiểu về phong tục tập quán, trang phục, đồ dùng của nhiều thời đại.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng có thể ngắm hoặc phác thảo lại những bức danh họa hay các tác phẩm điêu khắc nổi tiếng. Có nhiều bà mẹ rất khổ sở vì sự quậy phá của con, đó chính là vì chúng quá dư thừa sức lực không biết sử dụng vào việc gì. Nếu được gần gũi khám phá thiên nhiên, chắc hẳn trẻ sẽ không còn thừa hơi quậy phá nữa. Không những thế, càng gần gũi với thiên nhiên, tâm hồn con người càng trở nên hướng thiện. Thế nên xã hội ngày xưa hầu như không có người xấu. Trẻ được tiếp xúc với thiên nhiên thì không chỉ thể chất mà cả tinh thần cũng đều khỏe khoắn. Trẻ sống ở thành phố nhiều khi do không được hít thở bầu không khí trong lành nên tính tình hay cáu kỉnh, khó chiều. Vì vậy tôi nghĩ, nếu kinh phí sử dụng để

cảm hóa thanh thiếu niên hư được dùng để đưa các em nhỏ tiếp xúc nhiều hơn với tự nhiên thì sẽ giảm thiểu được con số phạm pháp trong tương lai. Để cho trẻ trồng cây cũng là một việc rất tốt. Tôi cho Winifred tham gia làm vườn từ khi còn nhỏ, những việc như trồng hoa, nhật cỏ. Hàng ngày tưới nước và nhìn ngắm sự phát triển của cây cảm thấy rất vui. Hàng năm vào mùa hè, tôi lại dẫn con lên núi cắm trại vài ngày. Có khi lại ra cánh đồng, nằm dài trên cỏ, ngắm hoa và quan sát côn trùng. Một điều may mắn của tôi là được sống gần rừng trong nhiều năm. Đối với trẻ thì không có cuốn sách giáo khoa nào đầy đủ và thiết thực hơn là một cánh rừng. Ban ngày tôi thường cùng một thị nữ dẫn Winifred vào rừng chơi. Ở đó tôi có thể chỉ dạy cho con tên của nhiều loại cây cối và chim muông. Chúng tôi còn mang theo cả máy ảnh để chụp những nơi có nhiều hoa và phong cảnh đẹp. Cũng tại cánh rừng này, tôi dạy con rất nhiều bài thơ về tự nhiên. Những ngày đẹp trời, không gian yên tĩnh, vừa hít thở bầu không khí trong lành, vừa ngâm thơ, thực là khoan khoái vô cùng. Có khi Winifred lại ngồi vẽ tranh hoa lá hoặc viết những câu chuyện về cây cỏ, chim chóc. Từ mùa đông năm ngoài Winifred cho bắt đầu nuôi chim. Hiện tại có 2 con chim hoàng yến, được Winifred dạy từ nhỏ nên đã có thể nhảy múa theo tiếng hát hoặc tiếng vỗ tay. Khi Winifred chơi piano, chúng lại bay đến đậu trên vai. Chúng còn biết nhắm mắt, biết dùng mỏ lật trang sách theo lệnh. Chúng tôi còn nuôi cả chó và mèo. Nhìn chung khi nuôi các con vật như thế, trẻ thường rất chăm chỉ kiểm thức ăn và nước uống cho chúng, tâm hồn trẻ cũng trở nên giàu tình cảm hơn. Nhiều bậc cha mẹ thường lo rằng để trẻ nuôi vật cảnh có thể dễ nhiễm bệnh, nhưng nếu ta chú ý dạy trẻ thì sẽ vẫn đảm bảo an toàn. Ngoài ra tôi còn cho Winifred nuôi cá cảnh. Trong phòng của bé có cả cá vàng và cá chép. Thi thoảng tôi đưa bé đến thăm “Hải dương trên cạn” để mở mang kiến thức. Với các môn vật lý, hóa học, địa chất, khoáng vật học, tôi cũng giáo dục con theo cách tương tự. Để khơi dậy niềm đam mê với thiên văn học thì cho trẻ đọc truyện thần thoại là tốt nhất. Tôi đã áp dụng phương pháp này. Một may mắn nữa là chúng tôi có thể đi đến nhiều đài thiên văn để quan sát các vì sao qua kính viễn vọng, và ở đó chúng tôi có khá nhiều bạn là nhà thiên văn có thể giúp đỡ Winifred trong lĩnh vực này. Có thời gian chúng tôi sống ở ven biển Virginia và thường xuyên đi chơi ở bãi biển. Tôi nghĩ rằng bãi biển rất có ích trong việc cung cấp khái niệm địa lý cho trẻ. Chúng tôi khi thì đi nhật sò, khi thì đi thu thập tảo biển, bắt cua, nhật sao biển và sứa. Những lúc như thế tôi có thể nói cho con nghe rất nhiều về các loại hải sản, cả về sông núi, hồ, vịnh, đảo,... Sau đó tôi mua quả địa cầu về, chỉ cho con Đại Tây Dương, kể đó là Châu Âu, rồi nước Mỹ,... dần dần Winifred đã nhớ được những điểm cơ bản về địa lý thế giới. Tôi cũng đưa con đi du lịch khá nhiều nơi để mở rộng tầm mắt. Kết quả là, Winifred có một kiến thức về địa lý thế giới đáng kinh ngạc.

VII.

Để dạy trẻ, thì không gì hiệu quả hơn là những câu chuyện. Qua đó trẻ có thể phát triển trí nhớ, kích thích khả năng tưởng tượng, mở mang tri thức. Nếu đưa cho trẻ một vật thể và bảo trẻ ghi nhớ thì sẽ rất khó vào, nhưng nếu kể cho trẻ nghe một câu chuyện về vật thể đó thì trẻ sẽ rất vui vẻ lắng nghe và tự nhiên sẽ nhớ. Từ khi Winifred chưa biết nói, tôi đã kể cho con nghe rất nhiều truyện thần thoại Bắc Âu, Hi Lạp, Rô ma. Khi con biết nói rồi, 2 mẹ con lại cùng nhau diễn lại. Mục đích của truyện thần thoại là để sau này con có hứng thú với thiên văn và điều khác, đồng thời khi nghiên cứu về văn học cũng sẽ dễ dàng hơn. Tôi cũng kể cho con nghe nhiều về kinh thánh, và sau đó chúng tôi lại cùng nhau đóng kịch. Tôi còn nhận thấy rằng để nếu sự vật sự việc được ghi lại dưới hình thức văn vần thì sẽ rất dễ thuộc, dễ nhớ, vì thế tôi đã áp dụng để dạy con từ khi còn nhỏ. Sau này Winifred cũng tự mình viết được khá nhiều những bài văn vần, một phần trong số đó gần đây được xuất bản thành tập có tên Facts in Jingles.

Đối với môn lịch sử, chúng tôi cũng đọc và sau đó tự diễn lại. Tôi nghĩ rằng nếu ở trường học mà làm được như vậy thì trẻ sẽ nhớ rất lâu. Ta cũng không cần mất quá nhiều thời gian, mỗi ngày chỉ làm một chút là được. Nhưng cứ nhìn vào phương pháp dạy môn lịch sử hiện nay thì các em không có hứng thú là đương nhiên.

Năm lên 8 tuổi Winifred được cha làm cho một bộ xương để học về sinh lý. Trong thời gian cha đi du lịch, Winifred tự viết các bài văn vần về xương, cơ, nội tạng, sau đó đã dễ dàng thuộc hết, khi cha trở về rất ngạc nhiên và vui mừng. Liên quan đến môn sinh lý học, Winifred còn nghiên cứu về cả vệ sinh và rất tâm đắc với những vấn đề liên quan đến thực phẩm và khả năng gây bệnh.

Mong muốn của tôi trong việc giáo dục con, bồi dưỡng tri thức cho con, là phải làm sao để con trở thành người có ích, chứ không muốn con lớn lên giống như nhiều người trên thế giới, đọc hàng ngàn vạn cuốn sách, biết rất nhiều thứ nhưng lại chẳng giúp gì cho bản thân và xã hội.

VIII.

Trong các trường học hiện nay, hầu hết học sinh đều không thích học tiếng Latinh. Lý do là các em không có nền tảng của môn này. Cá nhân tôi nghĩ rằng cần phải tạo cho con một nền tảng cơ bản từ sớm, vì thế tôi đã dạy con tiếng Latinh ngay từ khi còn trong nôi. Tôi nghĩ tiếng Latinh là hết sức cần thiết cho việc học tập nghiên cứu, và biết được tiếng Latinh thì các tiếng như Pháp, Ý, TBN, hoàn toàn có thể học dễ dàng.

Với trẻ con thì chủ yếu dùng tai chứ không phải mắt, vì thế tôi bắt đầu cho con ghi nhớ bằng tai trước. Ở trường thường dạy tiếng Latinh bằng cách ghi nhớ các biểu và quy tắc trước, nhưng như thế là sai lầm. Khi Winifred 4 tuổi có nói chuyện bằng tiếng Latinh với 1 giáo viên môn này, nhưng người đó hoàn toàn không hiểu gì. Nghe qua thì rất lạ nhưng đúng là có rất nhiều nhà ngôn ngữ có thể đọc viết được nhưng lại không thể nói được thứ tiếng này. Năng lực ngôn ngữ của trẻ con cực kỳ đáng kinh ngạc. Lúc Winifred vừa biết nói tiếng Anh, tôi liền dạy bé câu “Xin chào” bằng 13 thứ tiếng và bé đều nói được. Mỗi ngày tôi lại dạy con một ít tiếng Latinh, đến 5 tuổi bé đã có thể thuộc lòng quyển 1 của tập Aeneis, nhớ được hơn 500 bài thơ của nhiều tác giả.

Để việc học ngôn ngữ của con có hiệu quả nhất, tôi cũng dạy dưới dạng trò chơi (*phần này tác giả xin được lược bỏ vì dài dòng*).

IX.

Trong số các môn học, làm cho con có hứng thú với Toán học là khó hơn cả. Như đã đề cập ở chương 4, với phương pháp của mình, tôi đã nhanh chóng dạy con nhớ được chữ số và cách đếm, và bé cũng đã biết đếm tiền khi đi mua hàng. Nhưng khi tôi dạy đến bảng cửu chương, lần đầu tiên tôi thấy con tỏ ra chán ghét với việc học. Tôi bèn thử biến nó thành bài hát, vừa hát vừa dạy, nhưng vẫn không có hiệu quả. Winifred 5 tuổi, nói được 8 thứ tiếng, viết được truyện và thơ đăng trên nhiều báo và tạp chí, hiểu biết về thần thoại, văn học, lịch sử ngang tầm với học sinh trung học, thế nhưng lại không nhớ nổi bảng cửu chương! Tôi đã rất lo lắng con mình bị học lệch, vì tôi từ lâu tôi đã có suy nghĩ sẽ giáo dục con theo hướng toàn diện chứ không phải chỉ xuất sắc trên một lĩnh vực.

May sao trong lần đi tuyên truyền về tiếng Esperanto, tôi đã gặp được một giảng viên Toán học rất tuyệt vời của trường ĐH nữ Starrett. Sau khi nghe tôi trình bày mối lo lắng của

mình, bà nói: “Không phải con gái bà là người không có khả năng học Toán, cũng không phải cháu bị phát triển lệch. Đó là vì phương pháp dạy của bà không tốt. Bà không biết làm cho nó trở nên thú vị. Bản thân bà yêu thích các môn Văn học, Lịch sử, Âm nhạc, Ngôn ngữ, cho nên bà biết cách dạy sao cho thật hấp dẫn, vì thế con bà cũng dễ dàng học được. Đối với môn Toán, ngay bản thân bà cũng không hứng thú, thế nên bà dạy con như thế, cháu có chán ghét cũng là dễ hiểu.” Sau đó hàng tuần bà viết thư cho tôi, chỉ bảo phương pháp dạy môn Toán dưới dạng trò chơi. Nhờ đó, Winifred đã tiến bộ vượt bậc.

Đầu tiên, tôi phải cố gắng làm cho con cảm thấy thích môn Toán. Tôi dùng một cái hộp, để các hạt đậu và những chiếc nút trong đó. Hai mẹ con cùng thi nhau nhặt ra và đếm xem ai nhiều hơn. Hoặc là khi người thi nữ tách hạt lạc thì cùng đếm xem 2 củ thì sẽ được thành mấy hạt nhỏ, 3 củ thì được mấy hạt,...

Chúng tôi còn chơi trò đổ xúc xắc. Đầu tiên dùng 2 con. Hai người lần lượt đổ. Giả sử đổ ra 3 và 4 thì sẽ tính là 7 điểm. Nếu bằng điểm thì đổ lại. Chơi 3 hoặc 5 lần để phân định thắng thua.

Winifred rất thích trò chơi này, nhưng mỗi lần 2 mẹ con chỉ chơi trong vòng 15 phút. Vì theo lời khuyên của bà giáo, thì khi chơi những trò này trẻ phải tu duy nhiều nên việc kéo dài quá lâu sẽ không tốt. Sau 2, 3 tuần chơi như vậy, số xúc xắc tăng dần lên 3, 4 và cuối cùng là 6 con.

Tiếp đó tôi lại dùng hạt đậu xếp thành 2 hàng 2 cột, 2 hàng 3 cột, 3 hàng 3 cột,... rồi cùng đếm và ghi lại, đồng thời tôi dán bảng cửu chương lên tường. Nhờ đó Winifred đã dần dần hiểu được 2 lần 2 là 4, 3 lần 3 là 9 nghĩa là thế nào, và bé thực sự rất lấy làm vui thích. Để ứng dụng Toán học vào thực tế, tôi cùng con chơi trò mua bán hàng. Các đồ để mua bán rất đa dạng, có thể dựa vào độ dài, trọng lượng, hay có khi chỉ nhìn bằng mắt. Giá cả là giá hiện thời. Tiền là tiền thật. Tôi là người tới cửa hàng của Winifred và mua một số đồ, sau đó bé sẽ tính toán giá cả và trả lại tiền thừa.

Khi Winifred làm tốt việc gì, tôi sẽ thưởng tiền. Ngoài ra bé còn nhận được một số tiền nhờ vào việc viết bài cho các báo. Tất cả được gom góp lại gửi ở ngân hàng dưới tên Winifred, và hàng tháng bé đều tự mình tính lãi.

Theo cách mà bà giáo đã bày cho tôi, Winifred rất nhanh chóng thích thú với môn Toán. Bé học được số học, rồi dần dần học đến đại số và hình học cũng với các phương pháp tương tự.

X.

Rất nhiều bà mẹ, khi thấy con mình khóc thì ngay lập tức cho uống sữa hoặc ăn kẹo để dỗ dành. Điều này là không nên. Cho trẻ ăn hay uống quá nhiều đều không tốt, có khi còn sinh bệnh. Cái mà có thể làm cho trẻ vui không phải chỉ là ăn uống. Ngoài tác động vị giác còn có tác động thị giác và thính giác nữa. Vì thế khi con khóc, tôi gõ chuông cho con nghe, lắc những thứ phát ra âm thanh, hoặc gây chú ý cho con bằng các quả bóng bay... Bởi vì trẻ cần phải được phát huy các năng lực tiềm tàng của mình, nên các trò chơi cũng phải đáp ứng được tiêu chí đó. Tôi dành một góc phòng của con làm nơi tập thể dục. Ở đó tôi đặt những dụng cụ phù hợp với việc rèn luyện sức khỏe, Winifred có thể tập gậy, đánh đu,... Các trò chơi của bé đều nhằm mục đích nâng cao trí tuệ, thể lực, đạo đức, phát huy tốt nhất mọi khả năng của bản thân, không lãng phí sức lực một cách vô ích. Trẻ con thường thích những trò chơi bất chước, diễn kịch. Những trò chơi kiểu này lại rất hiệu quả trong việc mở rộng hiểu biết của trẻ. Ở các rạp hát dành riêng cho trẻ em, nếu tổ chức được các kịch bản như thế sẽ rất có ích. Tôi nghĩ rằng các bộ phim cũng có thể mở ra nhiều vấn đề để bàn luận, nhưng nếu đem so sánh thì loại kịch này có tính giáo dục thiết thực hơn. Tôi thường xuyên dẫn con đi đến những chỗ như thế, và khi về 2 mẹ con sẽ cùng diễn lại, nếu không đủ người thì sẽ dùng búp bê.

Tôi và con cũng hay chơi trò chơi bịt mắt. Bé sẽ bị che mắt và đoán xem một vật nào đó là vật gì, hoặc là đi quanh phòng để xác định đồ vật. Loại trò chơi này giúp trẻ phát triển xúc giác.

Để phát triển thị giác, chúng tôi chơi trò đố “cái này có bao nhiêu”. Tôi sẽ xếp các quân cờ tướng hoặc hạt đậu trên bàn, sau đó cho bé nhìn qua 1 chút và đố xem số lượng là bao nhiêu. Với trò chơi này thì có rất nhiều cơ hội để áp dụng. Chẳng hạn khi ăn có thể đố có bao nhiêu miếng táo trên đĩa, hay khi cùng nhau đi bộ trên đường có thể đố có bao nhiêu thứ gì đó trên vỉa hè... Trò chơi này giúp trẻ trở nên nhạy bén và có trí nhớ tốt.

Khi Winifred còn rất nhỏ, tôi thường dẫn con đi đến nhiều nơi, lần sau đến đó tôi để con đi trước và dẫn tôi theo. Đến khi bé được 16 tháng tuổi đã có thể dẫn mẹ và nhũ mẫu đến khá nhiều địa điểm.

Nói về các trò chơi phát triển thị giác thì có rất nhiều. Lấy ví dụ tôi nghĩ về món đồ gì đó trong phòng, và bảo là nó màu đỏ. Khi đó Winifred sẽ lần lượt tìm các đồ màu đỏ trong phòng để đoán, và chỉ được đoán trong một số lần nhất định, giả sử 3 hoặc 5. Nếu không đoán trúng thì sẽ thua cuộc.

Lại nói về trò chơi với bảng cửu chương. Tôi viết các phép tính vào các mảnh bìa, ví dụ 5×7 , 8×9 . Có rất nhiều các mảnh như thế, sẽ lần lượt được đưa ra. Người chơi phải ngay lập tức trả lời là 35, 72. Nếu trả lời chậm hoặc sai thì người kia sẽ trả lời thay và được lấy tấm bìa đó.

Khi lái máy bay cần phải nhớ những thao tác điều khiển máy bay. Trẻ con cũng cần phải nhớ những thao tác của bản thân mình, hay nói cách khác là biết điều khiển tay chân mình. Để làm được điều đó có 1 trò chơi gọi là “bắt chước tượng đồng”, có nguồn gốc từ người Hy Lạp. Khi chơi trò này, 1 người sẽ giữ nguyên 1 tư thế nhất định trong khi người kia sẽ đếm đến 50 hoặc 100, nếu cử động sẽ bị thua.

Ta cũng có thể dùng vải, giấy,... để tạo ra nhiều đồ chơi rèn luyện sự khéo léo của đôi tay. Các trò chơi cần vận động đầu óc cũng rất nhiều, và trẻ có thể chơi mà không biết chán. Tôi thường dùng giấy để xếp thuyền và bướm cho con, dùng vải để làm búp bê, dùng vỏ bao thuốc lá làm xe ngựa, dùng các hộp to để xây nhà và thành trì, làm cầu và tháp... Ngoài ra tôi còn dùng hạt đậu Nam Kinh làm thành hình người, dùng quả chuối làm ngựa. Những thứ này không phải chỉ nhằm để chơi mà còn có tác dụng phát huy khả năng sáng tạo của trẻ. Lúc nhỏ Winifred được dạy cả việc khâu vá và may quần áo cho búp bê. Năm 4 tuổi, bé lần đầu tiên tặng mẹ một món quà, đó là con búp bê đội mũ được khâu bằng rất nhiều chỉ. Tôi cũng dạy bé đan, và bé đã làm ra được khá nhiều thứ. Tuy nhiên việc khâu vá nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến thần kinh, vì thế mỗi lần chỉ nên làm khoảng 15 phút. Với việc như vẽ tranh thì có thể lâu hơn, tầm 30 phút. Nhưng nhìn chung việc gì cũng không được để trẻ làm đến mức cực nhọc.

Đối với trẻ con thì đồ ăn, trò chơi, bạn chơi, nên thường xuyên thay đổi. Emerson có nói: Nếu thế giới chỉ có 2 người thì trong vòng 1 ngày giữa họ sẽ hình thành quan hệ chủ-tớ.

Vì thế, tôi rất chú ý để con không chỉ chơi suốt với 1 người bạn, tránh cho giữa chúng nảy sinh kiểu quan hệ như trên. Có những người nói rằng, để cho bé trai và bé gái chơi với nhau là không tốt, nhưng tôi thì nghĩ ngược lại. Khi chơi như thế, bé gái sẽ dịu dàng nữ tính hơn, và bé trai sẽ có cơ hội để chứng tỏ sự dũng cảm, khí phách của mình. Hai bên sẽ đều nhanh chóng trở nên người lớn hơn.

Làm vườn cũng rất tốt cho việc mở mang kiến thức và rèn luyện sức khỏe cho trẻ. Khi con vừa biết đi, tôi mua một cái mai và một cái xèng nhỏ. Tôi dạy cho bé cách gieo hạt, trồng hoa, nhổ cỏ, tưới cây. Tôi nhận thấy rằng những công việc này cũng góp phần bồi đắp cảm hứng và rèn luyện tính kiên nhẫn cho con trẻ.

Có nhiều bà mẹ không có hứng thú với các trò chơi của con. Trong khi họ bận bịu việc khâu và, bếp núc, con làm được bao nhiêu thứ và sung sướng đem khoe mẹ nhưng họ cũng không thèm nhìn. Như vậy trẻ sẽ buồn bực và dẫn đến phá phách, rồi lại bị đánh mắng. Nhưng đó hoàn toàn là do lỗi của người lớn.

Người làm cha mẹ phải nỗ lực để cùng chơi với con trẻ. Người mẹ mà vì bận việc nhà mà bỏ mặc con tự chơi là không hoàn thành nghĩa vụ giáo dục con. Trong thời đại tiến bộ ngày nay, làm gì cũng phải tính toán, không nhất thiết phải ôm tất cả mọi việc vào mình mà nên tận dụng sự tiến bộ của nhân loại để làm sao trong 1 ngày không lãng phí thời gian đáng lẽ ra phải dành để giáo dục con. Để trẻ tự chơi chắc chắn sẽ dẫn đến cãi cọ, khóc lóc. Người lớn phải luôn giám sát được sự chơi đùa của trẻ cả khi trong nhà lẫn bên ngoài. Về điểm này phụ nữ nước ta phải học tập các bà mẹ Nhật Bản. Vào dịp Tết, vào các tháng 3,5,7, họ đều có lễ hội trong đó người lớn làm rất nhiều thứ cho trẻ em được vui chơi. Một điểm nữa ở các bà mẹ Nhật Bản là trong phòng họ không dành riêng ra một góc chuyên xếp những đồ lặt vặt trong nhà và cấm con trẻ được động vào. Họ thường dọn dẹp sạch sẽ mọi thứ để con được vui chơi ở những chỗ rộng rãi. Họ cũng không đi giày dép trong nhà, vì thế sàn nhà luôn sạch sẽ và trẻ có thể chơi thoải mái trên đó. Nhân tiện tôi xin nói thêm ở đây về trò chơi bài của Nhật Bản. Đó là một loại trò chơi rất có tác dụng trong việc giúp trẻ lanh lợi và có trí ghi nhớ tốt. Đối với các môn học như lịch sử, địa lý, toán học, tôi đều dùng cách viết ra các tấm bia và cùng chơi với con dưới dạng chơi bài, hiệu quả thực sự đáng ngạc nhiên. Tính xã giao với trẻ cũng rất cần thiết. Nên khuyến khích trẻ tổ chức và tham gia các hội, tất nhiên phải đảm bảo vừa vui vừa có ích. Winifred hiện đang là hội viên hội tương trợ thiếu niên, chuyên gửi hoa và đồ chơi tự làm đến cho các em nhỏ bị đau ốm. Tuy nhiên, trong các thú vui của trẻ thì đọc sách là quan trọng nhất. Nhưng trẻ thích đọc sách

gì lại phụ thuộc vào những cuốn sách mà trẻ được đọc đầu tiên, vì thế bố mẹ phải hết sức chú ý trong việc lựa chọn sách, cũng chính là định hướng cho con. Đó không chỉ là những cuốn sách để đọc mà còn là thứ sẽ ảnh hưởng đến cả tương lai của con sau này. Báo chí thì hầu như trẻ nhỏ không có thói quen đọc, thậm chí có cả những trẻ mà cha mẹ không cho phép đọc. Tôi thì không nghĩ như vậy, song báo ở nước ta nhiều khi có những tranh ảnh và bài viết không có chút ý nghĩa nào, vì vậy cũng cần phải chú ý chọn lựa.

Một điều quan trọng nữa là những câu chuyện mà ta kể cho trẻ, đặc biệt là khi còn nhỏ. Nó không chỉ là sự mở mang tri thức mà còn là chiếc cầu đưa trẻ đến với việc ham thích đọc sách. Tôi thường kể chuyện cho con, đến đoạn hấp dẫn tôi dừng lại, nói rằng truyện đó nằm ở trong quyển này, quyển kia, và khuyến khích con tự đọc.

XI.

Con người ta hạnh phúc là ở chỗ có trí tưởng tượng. Người nào không có óc tưởng tượng thì cũng không thể có hạnh phúc thực.

Trên thực tế có những người rất tế nhị, chỉ luôn miệng nói sự thật, sự thật và bài xích sự tưởng tượng. Họ tránh xa những thứ như Ông già tuyết, Bà tiên... Họ cho rằng những truyện cổ tích và những truyện thần kỳ là phi logic và sẽ chỉ có hại cho trẻ. Quan niệm đó là sai lầm. Tình yêu đối với cây cối, chim chóc, muông thú; tinh thần hướng thiện; những ước mơ đẹp đẽ; đó chính là những gì trẻ thu nhận được qua những câu chuyện cổ tích thần tiên. Trẻ lúc nhỏ mà được phát huy trí tưởng tượng thì khi lớn lên, dù trong bất hạnh cũng sẽ tìm ra hạnh phúc, trong bản hàn cũng vẫn biết cách tận hưởng cuộc sống.

Nếu trẻ không được phát huy óc tưởng tượng thì tất yếu khi lớn lên sẽ không thể trở thành thi nhân, tiểu thuyết gia, nhà điêu khắc, họa sỹ; cũng chẳng thể trở thành kiến trúc sư, nhà khoa học, luật sư,... Có những người nghĩ rằng Toán học hay các ngành khoa học tự nhiên thì không cần óc tưởng tượng, nhưng không phải như vậy. Những nhà phát minh phát minh ra máy móc, những bác học tìm ra chân lý, những kiến trúc sư thiết kế các công trình, tất cả đều cần có óc tưởng tượng.

Tôi thường kể cho con nghe rất nhiều truyện cổ tích thần kỳ. Vì thế ngay từ nhỏ bé đã rất yêu thiên nhiên. Cũng từ những câu chuyện đó, bé đã học được tính trung thực, ngay thẳng, thân thiện, dũng cảm, vị tha; hướng tới làm nhiều điều thiện, tránh làm điều ác.

Để phát huy trí tưởng tượng của con, tôi không chỉ kể chuyện. Tôi còn cho con xem những bức tranh đẹp và kể với con những câu chuyện tự tôi nghĩ ra. Bé cũng tự mình sáng tạo ra nhiều câu chuyện khác. Nhưng hiệu quả nhất vẫn là tự diễn lại những câu chuyện cổ tích đó theo cách của mình.

Về đồ chơi của con, tôi tâm niệm là phải đơn giản nhưng có ích, kích thích khả năng tưởng tượng của trẻ. Lúc con còn nhỏ, tôi chỉ làm cho con búp bê bằng vải. Những con búp bê đẹp đẽ, đắt tiền mà dễ hỏng thì không thể ôm đi ngủ, vì thế tôi không mua. Sau đó tôi dạy con may quần áo cho búp bê, rồi tôi mua những đồ chơi được làm giống như các đồ dùng trong nhà để con có thể bắt chước người lớn làm mọi việc. Với các mảnh gỗ và hộp giấy, tôi cùng con xây thành, làm nhà...

Gần đây, ở nước ta đang thịnh hành phương pháp giáo dục của Montessori. Sách của bà ra đến đâu hết sạch đến đó. Nhiều người chấp nhận bỏ một số tiền khá lớn để mua các giáo cụ của bà, hay gửi con đến học ở “Ngôi nhà tuổi thơ” do bà sáng lập. Người không thể gửi con đi học thì lại so bì rồi ghen tị với những người có đủ khả năng tài chính. Nhưng tôi thấy điều đó không cần thiết. Bởi vì phương pháp của Montessori chắc chắn không thể làm cho con bạn trở thành vĩ nhân. Đây không phải chỉ là ý kiến của cá nhân tôi mà là của rất nhiều nhà giáo dục khác. Là bởi vì phương pháp của bà chỉ chú ý vào hiện thực, không phát huy được óc tưởng tượng của trẻ. Không phủ nhận bà là một nhà giáo dục vĩ đại, và những cống hiến của bà là rất lớn, nhưng cái đó chỉ phù hợp với những trẻ chậm phát triển, còn đối với trẻ bình thường thì ko thực sự mang lại hiệu quả. Có thể bản thân bà ko phải là người có trí tưởng tượng phong phú, vì bà coi những câu chuyện thần tiên là những thứ xuẩn ngốc, và phương pháp của bà hoàn toàn không đếm xỉa gì tới việc huấn luyện trí tưởng tượng cho trẻ. Trên thực tế những thứ xuẩn ngốc đó lại đem đến cho trẻ năng lực sáng tạo dồi dào mà các phương pháp giáo dục hiện thực của bà không làm được.

XII.

Một con người lý tưởng phải là sự kết hợp hài hòa 3 yếu tố: phẩm cách, sức khỏe, trí tuệ. Thế nên, giáo dục con trẻ không phải chỉ là phát triển trí thức mà còn là nuôi dưỡng phẩm cách, và đôi việc ươm mầm đạo đức cho tâm hồn trẻ thì không bao giờ là sớm cả. Trẻ nhỏ thường chịu ảnh hưởng nhiều từ bố mẹ, cả những điều hay và những việc không

phải, vì thế để nuôi dưỡng phẩm chất tốt đẹp cho con thì bố mẹ phải là những tấm gương sáng. Nếu người mẹ thích trung diện, hẳn con gái cũng sẽ thích trung diện. Người cha mà hay rượu chè, con trai chắc chắn cũng rượu chè. Để trở thành tấm gương sáng cho con, người cha, người mẹ cần tu dưỡng bản thân, và chính họ cũng sẽ trở thành những người vĩ đại. Có câu nói, gieo hành vi gặt thói quen, gieo thói quen gặt tính cách, gieo tính cách gặt số phận. Vì vậy số phận của con ra sao chính là nằm trong tay những người làm cha mẹ. Platon có nói: “Những người xấu trên đời, không phải họ sinh ra đã thích làm chuyện xấu, mà vì họ không được hưởng sự giáo dục tốt”.

Thói quen nhất thiết phải tập cho con ngay từ nhỏ là **sự chuyên cần**. Đây là một đức tính rất quan trọng trong đời sống con người, là cơ sở mang lại thành công và hạnh phúc. Trái lại là sự lười biếng. Nó sẽ được tạo ra bởi một người mẹ không biết hướng con sử dụng sức lực của mình vào việc có ích, để con bực bội và phá phách. Tục ngữ có câu: “Ác ma mượn tay những người lười biếng để làm điều ác”, điều đó hoàn toàn đúng với trẻ em.

Đức tính quan trọng tiếp theo là **sự tự chủ**. Người xưa nói: “Người sung sướng không phải là người có thể làm chủ đồng tiền, mà là người làm chủ được bản thân”.

Sự dũng cảm cũng rất cần thiết với trẻ. Có những người mẹ nghĩ rằng khi con bị thương, nếu không tỏ ra chú ý quan tâm thì sẽ chỉ làm cho trẻ tủi thân. Nhưng thực tế trong TH đó cần phải nhanh chóng chấm dứt những lời nói liên quan đến sự đau đớn, hướng sự tập trung của con qua vấn đề khác và làm cho trẻ quên đi cái đau. Nhưng sự dũng cảm khác với sự vô cảm, vì vậy cũng cần thiết phải giáo dục để con biết đồng cảm với nỗi đau của người khác.

Bởi vì trẻ có xu hướng **theo gương cha mẹ**, đặc biệt là trong những hành vi thường ngày, vì vậy những người lớn nhất định không được nói tục, không được xử sự thô lỗ, phải luôn đúng giờ, nếu có hẹn thì phải đến sớm để khỏi làm phiền người khác phải đợi... Ở nhà nhiều người có thói quen nói năng cầu thả, tuy nhiên khi có trẻ nhỏ thì nhất thiết phải chú ý dùng những từ ngữ lịch thiệp, lễ phép. Các câu nói cảm ơn, xin lỗi, làm ơn,... phải thường xuyên được sử dụng. Con trẻ thường bắt chước hoàn toàn ngôn ngữ của cha mẹ, vì thế người lớn không được phép tùy tiện.

Các môn như số học, địa lý, thì khi lớn lên cũng có thể nhớ được. Nhưng những hành vi ứng xử nếu không rèn từ nhỏ thì về sau học sẽ rất khó. Trên thế giới có không ít nhà khoa học

kiến thức đầy mình, nhưng nếu nói đến những người biết cách cư xử đẹp thì không hẳn là đã nhiều. Bởi vậy, các bậc cha mẹ cần chú ý đến hành vi của con trẻ để uốn nắn kịp thời. Trẻ từ khi sinh ra đã theo “chủ nghĩa vị kỷ”, coi mình là trung tâm, muốn người khác phục vụ, chứ hiếm khi biết nghĩ cho mọi người. Nhưng tính cách này có thể giáo dục được. Nếu ngay từ nhỏ trẻ đã được dạy bảo để quan tâm đến người khác, biết đặt mình vào hoàn cảnh của người, thì khi lớn lên chắc chắn sẽ trở thành người **vị tha**.

Trước đây có một vị quan chức cấp cao người Pháp đã hỏi mẹ của Washinton: “Bà đã giáo dục như thế nào để con mình có thể trở thành một người vĩ đại đến thế?” Người mẹ này đã trả lời: “Tôi chỉ giáo dục để con biết nghe lời”. Quả thực **biết nghe lời** cũng là một đức tính cần thiết. Để giáo dục đức tính đó, cha mẹ khi bảo con làm việc gì, không được làm việc gì cần phải giải thích rõ ràng để con trẻ hiểu được, từ đó mới tuân theo.

Sự dối trá là một điều hết sức xấu xa. Nhưng trẻ con vốn thiếu kinh nghiệm, lại rất giàu trí tưởng tượng, nhiều khi nói dối mà không biết đó là xấu, việc này cần được chú ý và uốn nắn từ nhỏ, nếu không sẽ dần dần trở thành kẻ nói dối có mục đích và làm phương hại đến người khác.

Trẻ nhỏ thường có tính tham lam, nhưng nếu được giáo dục tốt sẽ biết **nhường nhịn và giúp đỡ** mọi người. Từ khi Winifred còn nhỏ, tôi đã thường khích lệ cháu làm những món đồ nhỏ tặng bạn bè và những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nhờ đó mà vun đắp tính hướng thiện. Ngoài ra tôi cũng khuyến khích cháu giúp mẹ nhiều việc nhỏ, tiếp đến là giúp đỡ những người xung quanh.

Lòng tự trọng cũng là một đức tính rất quan trọng mà nếu không có nó sẽ gây nhiều tai họa. Những kẻ nghiện ngập, cờ bạc, ăn mày, trộm cướp đều là vì đánh mất lòng tự trọng mà ra. Nhiều bậc cha mẹ có thói quen nhắc đi nhắc lại những lỗi lầm của con, chính điều đó sẽ phá hoại lòng tự trọng của trẻ. Việc dạy nghiêm các tật xấu của con trước mặt người khác cũng dẫn đến hậu quả tương tự.

Một nguyên tắc nữa của tôi là **không bao giờ trừng phạt bằng roi vọt**. Có những người khi tức giận thì đánh con, rồi lại xót xa thấy con bị đau, lại ôm ấp, rồi cho kẹo... Cách dạy dỗ đó là làm hại trẻ. Sponsor có nói, giáo dục con trẻ cũng chính là giáo dục cha mẹ. Những người lớn trước khi chế ngự con phải học cách chế ngự bản thân mình. Trẻ mà bị đánh đập khi còn nhỏ thì sẽ trở nên ngoan cố, hung bạo, tàn nhẫn.

Tôi cũng **không bao giờ mắng con**, mà luôn phân tích đúng sai một cách cặn kẽ để con hiểu. Có không ít người, hàng ngày quá mệt mỏi với công việc, trở về nhà với tâm trạng khó chịu, rồi đổ lên đầu con cái. Cũng có những người chẳng có việc gì để làm, cuộc sống thiếu thốn sinh ra buồn bực, ức chế rồi cũng mắng con. Nhưng những đứa trẻ vì bị mắng mà phải miễn cưỡng làm theo sẽ không phục, không tin tưởng vào cha mẹ, và kết cục kiểu giáo dục đó sẽ chỉ dẫn đến thất bại.